

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	7
1. Xuất xứ của Dự án	7
1.1. Xuất xứ, hoàn cảnh ra đời Dự án	7
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo, tài liệu liên quan	8
1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	8
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM	8
2.1. Các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường	8
a. Các văn bản pháp luật	8
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án	10
2.3. Các nguồn tài liệu, dữ liệu liên quan	10
3. Tổ chức thực hiện ĐTM	11
4. Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM	13
Chương 1	14
MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN	14
1. Tóm tắt về dự án	14
1.1. Thông tin chung về dự án	14
1.1.1. Tên dự án	14
1.1.2. Chủ Dự án	14
1.1.3. Tiến độ thực hiện dự án	14
1.1.4. Tổng mức đầu tư	14
1.1.5. Vị trí địa lý	14
1.1.6. Mục tiêu, quy mô, công suất Dự án	19
1.2. Các hạng mục Dự án	20
1.2.1. Các hạng mục chính	20
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	25
1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	26
1.2.4. Sự phù hợp của Dự án với các chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	27
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án	27
1.3.1. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu	27
1.3.2. Sản phẩm của dự án	30
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành	30
1.5. Biện pháp tổ chức thi công	31
1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án	33
1.6.1 Tiến độ dự án	33

1.6.2. Tổng mức đầu tư.....	33
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	34
Chương 2	35
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	35
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	35
2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất	35
2.1.2. Điều kiện khí hậu, khí tượng	36
2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng khu vực dự án	40
2.1.4. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện Dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội của khu vực.....	43
2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án	43
2.2.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	43
2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí	43
2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật.....	46
Chương 3	48
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	48
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai dự án	48
3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn chuyển đổi mục đích sử dụng đất	48
a. Tác động đến kinh tế - xã hội do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đền bù GPMB	48
b. Tác động về mục đích sử dụng đất	48
3.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình giải phóng mặt bằng	48
3.2. Đánh giá dự báo tác động trong giai đoạn tiến hành thi công xây dựng.....	49
3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động	49
3.2.1.1 Nguồn tác động đến môi trường không khí.....	50
3.2.1.2. Nguồn gây tác động đến môi trường nước.....	65
3.2.1.3. Tác động do chất thải rắn	69
3.2.1.4. Tác động do tiếng ồn, độ rung.....	72
3.2.1.5. Tác động đến kinh tế - xã hội	75
3.2.1.6. Tác động đến hoạt động giao thông, canh tác nội đồng.....	75
3.2.1.7. Tác động đến hệ sinh thái và môi trường tự nhiên	76
3.2.1.8. Tác động cộng hưởng đối với các dự án xung quanh.....	76
3.2.1.9. Các sự cố liên quan đến hoạt động của dự án	76
3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải	78
3.2.2.2. Về công trình xử lý nước thải.....	81
3.2.2.3. Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	83
3.2.2.4. Đối với chất thải nguy hại	86

3.2.2.5. Biện pháp giảm thiểu đến giao thông khu vực	86
3.2.2.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác	87
3.2.2.7. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tại bãi đỗ đất	90
3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động.....	91
3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	91
3.3.1.1. Tác động do bụi, khí thải và mùi hôi.....	91
3.3.1.2. Tác động do nước thải	92
3.3.1.3. Tác động do chất thải rắn	95
3.3.1.4. Tác động do tiếng ồn	96
3.3.1.5. Tác động đến kinh tế - xã hội	97
3.3.1.6. Tác động do các rủi ro và sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động	97
3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	99
3.3.2.1. Giảm thiểu tác động đến môi trường không khí.....	99
3.3.2.2. Giảm thiểu tác động do nước thải, nước mưa chảy tràn và nước tưới cây	99
3.3.2.3. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn.....	103
3.3.2.4. Giảm thiểu tác động của tiếng ồn	104
3.3.2.5. Hạn chế tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội	104
3.3.2.6. Thực hiện tiết kiệm điện.....	104
3.3.2.7. Giảm thiểu rủi ro, sự cố trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động.....	105
3.4. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	107
3.5. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	108
Chương 4	110
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....	110
4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án	110
4.2. Chương trình giám sát môi trường	116
4.2.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công.....	116
4.2.2. Chương trình giám sát trong quá trình hoạt động	117
Chương 5 KẾT QUẢ THAM VẤN	118
5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng	118
5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử:	118
5.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến.....	118
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	119
CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO.....	121

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất	15
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp sử dụng đất	16
Bảng 1.3. Ước tính tổng hợp khối lượng thi công các hạng mục của dự án	27
Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị	32
Bảng 2.1. Nhiệt độ trung bình tháng (Trạm đo Đồng Hới)	37
Bảng 2.2. Độ ẩm tương đối trung bình tháng (Trạm đo Đồng Hới)	37
Bảng 2.3. Lượng mưa trung bình tháng tại Trạm đo Đồng Hới.....	38
Bảng 2.4. Số giờ nắng tại Trạm đo Đồng Hới.....	38
Bảng 2.5. Vận tốc gió theo các hướng tại Trạm đo Đồng Hới.....	38
Bảng 2.6. Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp vào các khu vực	39
Bảng 2.7. Tần suất bão, lũ lụt ở Quảng Bình từ năm 2016 đến năm 2020	39
Bảng 2.10. Chất lượng môi trường không khí, độ ồn.....	44
Bảng 2.13. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt	45
Bảng 3.1. Tóm tắt các nguồn gây tác động trong giai đoạn thi công	50
Bảng 3.2. Bảng khối lượng bóc hữu cơ san nền.....	51
Bảng 3.5. Ước tính tổng hợp khối lượng thi công các hạng mục của dự án	54
Bảng 3.6: Nồng độ bụi trong không khí	55
Bảng 3.7. Tải lượng các chất ô nhiễm không khí sinh ra từ hoạt động vận tải phục vụ thi công xây dựng Dự án.....	56
Bảng 3.8. Nồng độ khí thải ở các khoảng cách khác nhau trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công từ một điểm phát sinh trên tuyến	57
Bảng 3.10. Hệ số phát thải của máy tham gia thi công sử dụng dầu diesel	60
Bảng 3.11. Tải lượng khí thải trên khu vực có tập trung thiết bị thi công	60
Bảng 3.12. Nồng độ các chất ô nhiễm do máy thi công tại khu vực công trường	61
Bảng 3.14. Tác động của các chất gây ô nhiễm không khí	64
Bảng 3.15. Thành phần và khối lượng chất ô nhiễm do công nhân thải ra	66
Bảng 3.16. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	66
Bảng 3.17. Hệ số dòng chảy theo đặc điểm mặt phủ	68
Bảng 3.18. Bảng tính lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất ngày.....	68
Bảng 3.19. Mức áp âm từ các phương tiện giao thông và máy xây dựng	72
Bảng 3.20. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị cơ giới.....	73
Bảng 3.21. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	74
Bảng 3.22. Mức rung của một số loại máy móc, thiết bị thi công	74
Bảng 3.26. Hệ số dòng chảy theo đặc điểm mặt phủ	94
Bảng 4.1: Chương trình quản lý môi trường	111

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ vị trí khu vực dự án	15
Hình 1.2. Hiện trạng sử dụng đất	Error! Bookmark not defined.
Hình 1.3. Sơ đồ dự kiến bố trí các hạng mục phụ trợ	26
Hình 3.1. Hình ảnh minh họa nhà vệ sinh di động	82
Hình 3.2. Sơ đồ dự kiến tuyến mương tạm thu gom nước mưa trong giai đoạn thi công	Error! Boo

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hoá
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CĐT	: Chủ đầu tư
COD	: Nhu cầu oxy hoá học
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
ĐVT	: Đơn vị tính
HTTN	: Hệ thống thoát nước
HTXL	: Hệ thống xử lý
KHCN	: Khoa học công nghệ
KHKT	: Khoa học kỹ thuật
KTXH	: Kinh tế - xã hội
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TNMT	: Tài nguyên môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
VLXD	: Vật liệu xây dựng
XLNT	: Xử lý nước thải
WHO	: Tổ chức Y tế thế giới

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của Dự án

1.1. Xuất xứ, hoàn cảnh ra đời Dự án

Thành phố Đồng Hới được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định công nhận là thành phố đô thị loại II vào năm 2015, thuộc tỉnh Quảng Bình, nằm sát cửa sông Nhật Lệ; có Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt Bắc Nam. Phía Đông giáp với Biển Đông, phía Tây và Bắc giáp huyện Bố Trạch, phía Nam giáp huyện Quảng Ninh. Kinh tế thành phố trong những năm gần đây phát triển toàn diện, cơ cấu chuyển dịch tích cực, đúng hướng. Hệ thống dịch vụ, thương mại phát triển đa dạng, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân; du lịch từng bước khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố.

Đời sống kinh tế ngày càng phát triển thì nhu cầu rèn luyện thể dục – thể thao để nâng cao sức khỏe và thể lực thể chất ngày càng được chú trọng và trở thành nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Sau nhiều năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao, sự nghiệp thể dục - thể thao của tỉnh nhà ngày càng phát triển đúng hướng và có nhiều khởi sắc. Hàng năm, nhiều giải thi đấu thể thao các cấp được tổ chức nhân các ngày Lễ lớn của dân tộc cũng như những ngày kỷ niệm thành lập các ngành, qua đó kịp thời khích lệ, tạo động lực cho mọi đối tượng tham gia tập luyện thể dục thể thao. Các hoạt động giao lưu và thi đấu thể thao đã tạo nên không khí thi đua, vui tươi, phấn khởi trong quần chúng nhân dân, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Thể thao thành tích cao của thành phố Đồng Hới đã ghi lại những dấu ấn đậm nét góp phần vào thành tích chung của thể thao toàn tỉnh Quảng Bình, thể thao Quốc gia.

Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới có chức năng phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao; Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố; Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, thể thao cấp phường, xã; Tổ chức các dịch vụ công, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; nhu cầu tiếp nhận thông tin nâng cao dân trí, nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn. Hiện nay Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao thành phố Đồng Hới được đầu tư xây dựng nhỏ chỉ đáp ứng được nhu cầu làm việc của cán bộ và 01 sân thể thao trong nhà. Khuôn viên xây dựng trung tâm chật hẹp không đủ diện tích để xây dựng trung tâm thể thao. Vì vậy, trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới được đầu tư xây dựng sẽ là nơi tổ chức các sự kiện quan trọng của thành phố Đồng Hới, đảm bảo nguyện vọng của cán bộ, nhân dân trong thành phố và phù hợp theo đúng quy hoạch của Tỉnh.

Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường (BVMT) theo các quy định hiện hành của Luật BVMT Việt Nam, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, UBND thành phố Đồng Hới đã phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng là đơn vị tư vấn tổ chức thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án “Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới” nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững cho dự án trong giai đoạn xây dựng cũng như khi đi vào hoạt động. Báo cáo sẽ giúp cho Chủ đầu tư có những thông tin cần thiết để lựa chọn những giải pháp tối ưu nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi

trường trong khu vực. Đồng thời, đây là cơ sở khoa học cho các cơ quan quản lý về môi trường trong việc thẩm định, giám sát và quản lý các hoạt động của Dự án một cách bền vững.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo, tài liệu liên quan

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án là Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới.

1.3. Môi quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

Việc thực hiện dự án phù hợp Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Phù hợp với Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Bình đến năm 2030;

Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới phù hợp với quy hoạch chung của khu vực theo Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư phía Đông Nam đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;

Việc thực hiện dự án Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới theo đúng quy hoạch của Tỉnh, góp phần vào sự phát triển của thành phố nói riêng và toàn tỉnh nói chung.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường

a. Các văn bản pháp luật

*** Văn bản pháp luật về môi trường**

- Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 140/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ tài nguyên và Môi trường về việc quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường.

*** Văn bản pháp luật về đất đai**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của BTNMT quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

*** Văn bản pháp luật về xây dựng**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 20/7/2018 của Bộ Xây dựng: Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng Công bố định mức chi phí Quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phân cấp phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình) các công trình xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Quyết định 3587/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về ban hành kế hoạch thực hiện chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

*** Văn bản pháp luật về quản lý sử dụng đất lúa, trồng trọt**

- Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Thông tư 18/2016/TT-BCT ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

b. Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng

- QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dưới đất;
- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- Quyết định số 3733/2002/QĐ - BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 7:2016/BXD - Quy chuẩn quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng;
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn nhà nước Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án

- Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn thành phố quản lý;
- Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500.

2.3. Các nguồn tài liệu, dữ liệu liên quan

a. Nguồn tài liệu, dữ liệu do chủ dự án lập

- Thuyết minh thiết kế cơ sở dự án: Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới;
- Hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở dự án: Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới;
- Các biên bản thỏa thuận liên quan;
- Các tài liệu, bản vẽ khác liên quan đến Dự án.

b. Nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo khác

- Số liệu quan trắc môi trường của Công ty TNHH TN&MT Minh Hoàng tại khu

vực Dự án;

- Số liệu khí hậu và thủy văn trạm đo Đồng Hới năm 2020;

- Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2020;

- Quản lý chất thải rắn, GS.TS. Trần Hiếu Nhuệ, TS. Ứng Quốc Dũng, TS. Nguyễn Thị Kim Thái, NXB Xây Dựng, Hà Nội - 2001;

- Một số báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư tương tự đã được thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3. Tổ chức thực hiện ĐTM

UBND thành phố Đồng Hới - Chủ đầu tư dự án phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng là đơn vị tư vấn tổ chức thực hiện báo cáo ĐTM dự án: “Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới”.

- Chủ Dự án: Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới

Địa chỉ liên hệ: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện: Ông Lê Hòa Sơn Chức vụ: P. Chủ tịch

Điện thoại: (052) 3822091

- Cơ quan tư vấn và thực hiện lập báo cáo ĐTM:

Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng

Đại diện: Bà Trần Thị Ngọc Bé Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại: 0917722332

Danh sách thành viên trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM:

TT	Họ và tên	Chuyên ngành đào tạo	Tham gia thực hiện	Nội dung phụ trách	Chữ ký
I	THÀNH VIÊN CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN				
	Lê Hòa Sơn		Đại diện Chủ dự án	Quản lý giám sát chung toàn bộ quá trình thực hiện dự án	
II	THÀNH VIÊN ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BÁO CÁO				
1	Trần Thị Ngọc Bé	Cử nhân Khoa học môi trường - Luật	Chủ nhiệm	Nghiên cứu, tổng hợp chỉnh sửa báo cáo	
2	Nguyễn Công Quang	Cử nhân xây dựng	Thành viên	Phụ trách các vấn đề kỹ thuật về xây dựng và tư vấn kỹ thuật xây dựng	
3	Đoàn Minh Tuấn	Cử nhân môi trường	Thành viên	Nghiên cứu, thực địa, tham vấn cộng đồng, đánh giá hiện trạng, điều kiện tự nhiên KT - XH dự án	
4	Trương Văn Dũng	Kỹ sư môi trường	Thành viên	Nghiên cứu, đánh giá tác động trong giai đoạn chuẩn bị, xây dựng dự án và biện pháp giảm thiểu	
5	Lê Trọng Bình	Kỹ sư môi trường	Thành viên	Nghiên cứu, đánh giá tác động trong giai đoạn vận hành dự án và biện pháp giảm thiểu	
6	Lê Anh Tuấn	Kỹ sư môi trường	Thành viên	Xây dựng chương trình quản lý, giám sát, kết luận, hoàn thiện báo cáo	
7	Trần Thị Thanh Hằng	Cử nhân kế toán	Thành viên	Phụ trách phần Tài chính	

4. Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM

TT	Phương pháp	Mục đích áp dụng	Nội dung áp dụng trong ĐTM
I. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường			
1	Phương pháp lập bảng liệt kê	Phân tích quá trình thực hiện dự án, quá trình thi công, biện pháp thi công và phương tiện sử dụng... Phương pháp này được sử dụng để lập mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án và các tác động môi trường.	Chương 1 Chương 3 Chương 4
2	Phương pháp ma trận	Dùng để liệt kê, nhận dạng tất cả các tác động môi trường mà dự án có thể gây ra đối với môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội dưới dạng bảng biểu. Điều này sẽ giúp cho người đánh giá có một cái nhìn trực quan và hiểu được các mối quan hệ giữa các tác động đó.	Chương 3
II. Các phương pháp khác			
1	Phương pháp khảo sát thực địa	Quan sát, đánh giá hiện trường (kết hợp với sự hướng dẫn của cán bộ thông thạo địa hình).	Chương 1
2	Phương pháp thu thập thông tin	Sưu tầm các nguồn tài liệu liên quan phục vụ quá trình ĐTM; thu thập các số liệu về điều kiện kinh tế - xã hội và khí tượng thủy văn khu vực; tham khảo các tài liệu ĐTM.	Mở đầu Chương 1 Chương 2
3	Phương pháp đo đạc	Đo đạc các chỉ số môi trường bằng các thiết bị đo đạc có độ chính xác cao.	Chương 2
4	Phương pháp so sánh	Tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, khí thải và so sánh với các chỉ tiêu trong tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam.	Chương 3
5	Phương pháp dự báo	Dựa trên số liệu nền, nội dung dự án để dự báo nguồn phát sinh, tải lượng, nồng độ và mức độ tác động do quá trình thực hiện công trình đến các yếu tố tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội.	Chương 3

Chương 1

MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1. Tóm tắt về dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

1.1.1. Tên dự án

Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới

1.1.2. Chủ Dự án

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới

- Địa chỉ liên hệ: 88 Đường Phạm Văn Đồng, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Người đại diện: Ông **Lê Hòa Sơn** Chức vụ: **P. Chủ tịch**

- Điện thoại: (052) 3822091

1.1.3. Tiến độ thực hiện dự án

Thời gian thực hiện dự án: 2022-2024.

1.1.4. Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư: 100.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn./.)

- Nguồn vốn gồm: Nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025: 100.000.000.000 đồng.

1.1.5. Vị trí địa lý

1.1.5.1. Vị trí địa lý của dự án

Phạm vi lập Dự án “Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới” thuộc địa phận Tổ dân phố Bình Phúc, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới. Ranh giới vị trí được xác định cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc tiếp giáp đường Lê Lợi;
- Phía Tây Nam tiếp giáp ruộng lúa (quy hoạch đường rộng 15m);
- Phía Đông Nam tiếp giáp ruộng lúa (quy hoạch đường rộng 15m);
- Phía Đông Bắc tiếp giáp đường Nguyễn Phong Sắc.

Khu vực thực hiện xây dựng dự án Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới có diện tích 68.656,3 m².



Hình 1.1: Sơ đồ vị trí khu vực dự án

1.1.5.2. Hiện trạng sử dụng đất

Theo khảo sát thực tế và tổng hợp hiện trạng sử dụng đất khu vực xây dựng dự án Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới, hiện trạng sử dụng đất của khu vực lập quy hoạch chủ yếu là đất ruộng lúa, đất kênh mương đã được quy hoạch đất thể thao văn hoá. Hiện trạng sử dụng đất của khu vực được thống kê ở bảng sau:

Bảng 1.1. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất

STT	Chức năng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất trồng lúa	62.856	91,55%
2	Đất mương nước	2.243,15	3,27%
3	Đất giao thông	3.557,15	5,18%
	Tổng diện tích	68.656,3	100%

Nguồn: Hồ sơ Dự án

Một số hình ảnh hiện trạng sử dụng đất của dự án:



Hiện trạng sử dụng đất

- Quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.2. Bảng tổng hợp sử dụng đất

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (Tầng)
I	Trung tâm Văn hóa thể thao	52.302,4	100	30	≤ 3
1	Đất quảng trường	7.162,0	13,7	-	-
2	Đất xây dựng nhà văn hóa	3.520,0	6,7		
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1.056,0	2,0		
4	Đất xây dựng nhà thi đấu, cây xanh, bãi đỗ xe	7.394,0	14,1		
5	Đất xây dựng công trình dịch vụ	2.596,6	5,0		
6	Đất thể thao, cây xanh, bãi đỗ xe	19.652,3	37,6		
7	Đất đường dạo, cây xanh, mặt nước	10.921,5	20,9		

Nguồn: Quy hoạch chi tiết Dự án

1.1.5.3. Hiện trạng địa hình khu vực dự án

* **Khu vực dự án:** Hiện trạng chủ yếu là đất lúa, kênh mương nên địa hình thấp trũng, cao độ hiện trạng khoảng từ +0,4m đến +0,6m.

* Khu vực xung quanh

- Tiếp giáp phía Đông Bắc là khu dân cư hiện hữu có cao độ trung bình từ +1,5m, chênh cao với khu vực dự án khoảng 1m.

- Phía Tây Bắc tiếp giáp với đường Lê Lợi và hạ tầng khu dân cư có cao độ trung bình 2,0m, chênh cao với khu vực dự án khoảng 1,5m.

- Phía Tây Nam tiếp giáp với hạ tầng khu dân cư Đông Nam Lê Lợi với cao độ khoảng +2,6m, chênh cao so với khu vực dự án khoảng 2,0m.

- Phía Đông Nam tiếp giáp với phần ruộng lúa có địa hình tương tự khu vực Dự án.

Vì vậy, có thể thấy khu vực Dự án thấp trũng so với khu vực xung quanh, tiếp nhận nguồn nước mưa chảy tràn từ các khu vực xung quanh chảy về.

1.1.5.4. Hiện trạng khu dân cư và các đối tượng có khả năng bị tác động bởi Dự án trong quá trình hoạt động của dự án

* Khu dân cư

Trong phạm vi thực hiện dự án không có nhà dân hiện hữu thuộc diện di dời, tái định cư. Xung quanh khu vực dự án là khu dân cư hiện hữu và các khu dân cư mới đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:

- Phía Đông Bắc là khu dân cư hiện hữu thuộc tổ dân phố Bình Phúc có mật độ dân cư đông đúc, nhà xây hiện đại, kiên cố, chiều cao từ 1 – 3 tầng.

- Phía Tây Bắc là hạ tầng khu dân cư mới hiện nay đã đang dần được lấp đầy khoảng 30%, nhà xây kiểu cách hiện đại, kiên cố, chiều cao từ 3 – 4 tầng.

- Phía Tây Nam, Đông Nam tiếp giáp với hạ tầng khu dân cư Đông Nam Lê Lợi chỉ mới hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hiện chưa có các công trình nhà ở.



Khu dân cư trên tuyến đường Lê Lợi



Khu dân cư trên đường Nguyễn Phong Sắc



Các đối tượng xung quanh dự án

* Hiện trạng các đối tượng, công trình khác

+ Cách ranh giới dự án khoảng 50 về phía Đông Nam có Nghĩa trang liệt sỹ phường Đức Ninh Đông;

+ Phía Bắc: tiếp giáp Trung tâm nuôi dạy trẻ Khuyết tật, cách Trường THCS Đức Ninh Đông khoảng 100m, cách Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới khoảng 200m, cách Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới khoảng 230m. Các đối tượng này đều nằm trên tuyến đường Lê Lợi.

+ Thực vật: do hiện trạng là ruộng lúa nên thảm thực vật khu vực này chủ yếu là

lúa, cây cỏ dại mọc theo các đường đê, bờ ruộng.

+ Trong phạm vi 1km không có di tích lịch sử, văn hóa, quân sự, khu bảo tồn thiên nhiên,....

- *Hiện trạng tuyến đường giao thông:* Khu vực dự án có hệ thống giao thông thuận lợi, cụ thể

+ Phía Tây Bắc: tiếp giáp tuyến đường Lê Lợi cầu nối dẫn về trung tâm thành phố Đồng Hới, đi xã Đức Ninh, xã Nghĩa Ninh,... kết nối về đường Quốc Lộ 1A và đường Hồ Chí Minh. Đây là một trong những trục giao thông huyết mạch nối từ đông sang tây thành phố Đồng Hới. Đường dài 3,5km, rộng 15m, mặt đường hoàn thiện thảm nhựa, đáp ứng xe tải trọng > 10 tấn.

+ Phía Đông Bắc: tiếp giáp tuyến đường Nguyễn Phong Sắc có hiện trạng đường Bê tông, rộng 3m, tải trọng 10 tấn. Hiện đang được quy hoạch mở rộng 15m.

+ Phía Đông Nam: tiếp giáp tuyến đường 15m của khu dân cư phía Đông Nam Lê Lợi, tuyến đường này kết nối với tuyến đường cầu Nhật Lệ 2 nối dài, thuận lợi cho việc ra đường Quốc lộ 1A và đường tránh thành phố Đồng Hới.



Tuyến đường Lê Lợi



Tuyến đường Nguyễn Phong Sắc

- *Hiện trạng sông, suối và các dòng chảy bề mặt*

+ Khu vực xây dựng dự án là ruộng lúa nên nguồn nước mặt ở đây chủ yếu là nước từ các kênh mương, rạch nước nhỏ phục vụ sản xuất nông nghiệp trồng lúa. Trong phạm vi dự án hiện có mương đất rộng khoảng 1m, chiều dài khoảng 200m và một tuyến mương bê tông kích thước 0,5 x 0,5m, dài khoảng 450m.

+ Cách ranh giới dự án khoảng 180m về phía Nam có kênh Cầu Tây, bề rộng kênh khoảng 15m, chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam về sông Lệ Kỳ, với chức năng chính là thoát nước cho khu vực.

+ Theo hiện trạng địa hình khu vực, nước mưa các khu vực xung quanh chủ yếu chảy tràn theo địa hình tự nhiên và thoát về phạm vi dự án sau đó theo hệ thống kênh mương trong khu vực chảy về kênh Cầu tây qua 2 cửa xả D = 1.500m, từ đây thoát về sông Lệ Kỳ cách đó khoảng 900m.



Cửa xả D1500



Hiện trạng kênh Cầu Tây

* *Hiện trạng hoạt động kinh doanh, sản xuất khu vực dự án:* Khu vực Dự án không có các hoạt động sản xuất mang tính chất công nghiệp mà chủ yếu là hoạt động nông nghiệp trồng lúa,... Dọc trên tuyến đường Lê Lợi có các cơ sở hoạt động kinh doanh ăn uống, quán cafe, phòng khám, hiệu thuốc,... của cộng đồng dân cư.

1.1.6. Mục tiêu, quy mô, công suất Dự án

1.1.6.1. Mục tiêu Dự án

Đầu tư xây dựng mới công trình Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới góp phần tăng cường cơ sở vật chất khang trang và hiện đại, tạo điều kiện bồi dưỡng, đào tạo và thi đấu cho các vận động viên của tỉnh nhà, từng bước tiếp cận với thành tích của nền thể thao mang tầm quốc gia; góp phần phục vụ tốt nhất cho các sự kiện thi đấu thể dục thể thao cấp tỉnh và quốc gia. Bên cạnh đó, Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới là công trình kiến trúc có điểm nhấn, tạo dựng không gian kiến trúc đô thị thành phố nói chung và phường Đức Ninh Đông nói riêng được khang trang, hiện đại, góp phần quảng bá hình ảnh thành phố trong mắt du khách thập phương mỗi khi đến đây.

1.1.6.2. Quy mô, công suất Dự án

a. Quy mô dự án: Dự án Xây dựng Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới được đầu tư xây dựng trong phạm vi quy hoạch Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới với tổng diện tích quy hoạch khoảng 68.656,3 m². Các hạng mục thực hiện gồm:

+ Nhà văn hóa trung tâm thành phố Đồng Hới có diện tích xây dựng khoảng 2.451m² gồm phòng khán giả 500 chỗ ngồi và các phòng chức năng;

+ Các hạng mục phụ trợ: Quảng trường tổ chức sự kiện ngoài trời lát đá diện tích khoảng 4.226 m² ; Sân đường nội bộ lát đá tự nhiên, diện tích 5.233m²; Cây xanh cảnh quan bồn hoa quanh công trình 966m²; San nền, trạm biến áp, cấp điện, cấp thoát nước và một số hạng mục phụ trợ khác,...

+ Thiết bị : Các thiết bị phục vụ khán giả và phòng làm việc của nhân viên, thiết bị loa máy, thiết bị bàn ghế, nội thất nhà văn hóa, thiết bị PCCC.

- Quy mô phục vụ: ước tính sức chứa lên tới khoảng 950 người trong thời điểm cao nhất

1.1.6.3. Loại hình dự án

* **Cấp công trình:** Công trình nhóm B, hạ tầng kỹ thuật.

* **Hình thức đầu tư:** Dự án đầu tư theo hình thức xây dựng mới.

1.2. Các hạng mục Dự án

1.2.1. Các hạng mục chính

A. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1.2.1.1. San nền

a. **Quy mô:** Tổng diện tích khu vực san nền là: **61.262,82 m²**.

- Cao độ san nền theo định hướng quy hoạch từ +2,3 đến +2,7, hướng nghiêng san nền theo hướng Nam lên Bắc, các vị trí tiếp giáp với đường đắp mái taluy. Độ dốc không chế đảm bảo theo tiêu chuẩn cho phép tối thiểu 0,5%.

- Bóc lớp đất hữu cơ dày 30cm trong phạm vi đắp. Khu vực bóc lớp đất hữu cơ sẽ được đắp trả cát bằng chiều cao bóc hữu cơ, tưới nước đầm chặt K90. Tiến hành đắp đất cấp phối đồi từng lớp 30cm đầm chặt K85 đến cao độ thiết kế.

b. Khối lượng hạng mục san nền

- Phương pháp tính toán khối lượng san nền bằng cách chia lưới ô vuông. Nội dung căn bản của phương pháp chia lưới ô vuông là chia khối cần tính san nền thành các phần tử nhỏ bằng một ô lưới (kích thước: 10m x 10m) khối lượng đào đắp cần tính toán sẽ bằng tổng khối lượng đào đắp của từng phần tử nhỏ cộng lại, cụ thể:

TT	Hạng mục	Diễn giải	Đơn vị	Khối lượng
1	Diện tích san nền	S1	m ²	61.262,82
2	Diện tích hồ nước	S2	m ²	3.930,86
3	Diện tích mái taluy ngoài ranh giới san nền	S3	m ²	1.189,52
4	Diện tích đào bóc phong hóa	S4= S1+S3- S2	m ²	58.521,48
Khối lượng san nền				
5	Khối lượng đắp đất K85	V1	m ³	108.862,98
6	Khối lượng đắp mái taluy ngoài ranh giới san nền	V2	m ³	1.180,82
7	Khối lượng vut mái taluy hồ nước	V3	m ³	1.262,48
8	Khối lượng bóc phong hóa dày 30cm	V4 = S4*0,3	m ³	17.556,44
9	Khối lượng đắp cát K90 dày 30cm bù bóc phong hóa	V5 = V4	m ³	17.556,44
Tổng khối lượng san nền				
10	Khối lượng bóc phong hóa dày 30cm	V6 = V4	m ³	17.556,44
11	Khối lượng đắp cát K90 dày 30cm bù bóc phong hóa	V7 = V5	m ³	17.556,44
12	Khối lượng đắp đất K85	V8=V1+V2-V3	m ³	108.862,98

1.2.1.2. Thoát nước mưa

a. Giải pháp xây dựng

Khu vực dự án được phân thành 3 hướng thoát nước:

- Trong phạm vi khu vực lập dự án, thiết kế hệ thống rãnh bê tông B500 quanh phạm vi sân bê tông dự án (phạm vi giai đoạn 1) chảy theo độ dốc san nền sau đó thoát

về hồ điều hòa của dự án, cuối cùng đấu nối với hệ thống thoát nước mưa thuộc dự án Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam Lê Lợi, cuối cùng thoát ra kênh Cầu Tây.

- Khu vực giáp đường Lê Lợi, thiết kế hệ thống cống thoát nước BTLT D600 theo chỉ giới quy hoạch và hệ thống hồ thu bố trí sát mép đường Lê Lợi hiện trạng để thu gom nước mưa trên đường Lê Lợi, đấu nối với hệ thống cống thoát nước dọc đường Lê Lợi thoát ra Kênh Cầu Tây.

- Khu vực giáp đường Nguyễn Phong Sắc, hướng thoát nước ra phía đường, đấu nối với tuyến cống thoát nước D800-D1000 thuộc dự án đường Nguyễn Phong Sắc đang chuẩn bị triển khai thi công. Tạm thời thoát ra rãnh thoát nước phía Tây đường. Dự án thiết kế tuyến ống D1500 trong khu vực dự án để chờ đấu nối thoát nước cho hệ thống thoát nước dọc đường Nguyễn Phong Sắc thoát về phía hồ điều hòa của dự án.

- Tại vị trí giao nhau, thay đổi tiết diện, vị trí đổi hướng, ở khoảng cách theo quy định được bố trí hố ga, khoảng cách giữa các hố ga từ 35÷50m. Cống buy bê tông cốt thép sử dụng loại chịu tải trọng H30 khi đi qua đường.

b. Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thoát nước:

TT	Cấu kiện	Đơn vị	Khối lượng (m)
1	Cống buy BTCT – D600	m	30
2	Mương BTCT B500	m	900
3	Hố ga các loại	cái	24

Nguồn: Thiết kế cơ sở dự án

1.2.1.3. Cấp nước

a. Phương án thiết kế

- Nguồn cấp, điểm khởi thủy: Nguồn cấp nước cho công trình được lấy từ hệ thống cấp nước sạch hiện có của thành phố Đồng Hới, đấu nối từ tuyến ống cấp nước hiện có D110 dọc tuyến đường nhựa phía Tây Nam thuộc dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam Lê Lợi.

Từ điểm khởi thủy, thiết kế đường ống D110 chạy trong khuôn viên công trình cấp nước vào bể nước ngầm dự trữ nước sinh hoạt và bể nước PCCC, cấp nước cho hệ thống tưới cây xanh, sân vườn.

+ Cấp nước PCCC: thiết kế hai bể nước ngầm thông nhau dung tích mỗi bể 190 m³.

+ Cấp nước sinh hoạt: Nước từ mạng cấp nước bên ngoài -> đồng hồ đo lưu lượng - > bể nước ngầm-> trạm bơm -> 02 két nước đặt trên mái (bằng 02 bơm cấp nước riêng) - > chảy xuống cấp nước cho các thiết bị vệ sinh.

+ Cấp nước tưới: Nước từ mạng cấp nước bên ngoài -> đồng hồ đo lưu lượng -> hệ thống cấp nước tưới.

b. Khối lượng hạng mục cấp nước được tổng hợp ở bảng sau:

TT	Cấu kiện	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPE D110 – PN10	m	140
2	Ống HDPE D63 – PN10	m	326
3	Ống HDPE D25 – PN6	m	160

4	Ống thép mạ kẽm D168mm – (dày 3.96m)	m	12
5	Ống thép mạ kẽm D89mm – (dày 3.96m)	m	74
6	Hố tưới D20	Hố	14
7	Hố đồng hồ tổng DN100. HV1	Hố	1
8	Hố van chặn D50, HV2	Hố	4
9	Cụm tê đầu nối D110	Cụm	1
10	Cút 135 HDPE D63	cái	6
11	Cút 90 HDPE D63	cái	2
12	Nút bịt D63	cái	1
13	Côn thu D63x25	cái	1
14	Côn thu D25x20	Cái	2
15	Bể nước ngầm PCCC 190m ³	Bể	2
16	Bể nước sinh hoạt 20m ³	Bể	1

Nguồn: Thiết kế cơ sở dự án

1.2.1.4. Thoát nước thải

a. Phương án thiết kế: Thiết kế hệ thống thoát nước thải ngoài nhà bằng ống nhựa HDPE D315 để thu gom nước thải dự án dẫn về đầu nối với hệ thống thoát nước thải hiện có của thành phố Đồng Hới. Thiết kế tuyến ống nước thải HDPE D315 đi dọc đường Lê Lợi về đầu nối với hố ga thoát nước thải hiện có cách khu vực dự án khoảng 135m về phía Tây.

b. Khối lượng hạng mục thoát nước thải

TT	Cấu kiện	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPE D315 – PN6	m	440
2	Ống thép đen DN350	m	32
3	Hố ga trong công viên H1	Hố	5
4	Hố ga trên vỉa hè H2	Hố	6

1.2.1.5. Cấp điện

- Nguồn điện cấp cho TBA lấy trên tuyến đường dây 22 kV treo trên cột BTLT 14m hiện có dọc theo tuyến đường Nguyễn Phong Sắc.

- Xây dựng 01 TBA: 22/0,4 kV-560 KVA kiểu Kios cấp điện cho công trình trung tâm văn hóa thể thao TP Đồng Hới, vị trí đặt trên bệ xây nằm trong khuôn viên của dự án.

- Vị trí lựa chọn đặt TBA đảm bảo các yêu cầu kinh tế kỹ thuật - mỹ quan chung như càng gần tâm phụ tải càng tốt, vị trí xây dựng các tuyến phân phối hạ thế thuận lợi và không ảnh hưởng lớn đến cảnh quan chung.

- Xây dựng tuyến đường dây 22 kV dùng cáp bọc lõi nhôm AX1/WBC 120mm²-12,7(22)/24 kV đi nối từ vị trí đầu nối đến cột BTLT NPC.I.14-190-11 xây mới nằm trong khuôn viên dự án.

- Tại vị trí cột BTLT NPC.I.14-190-11 xây mới nằm trong khuôn viên dự án tiến hành hạ ngầm đường dây 22KV vào trạm biến áp xây mới .sử dụng cáp ngầm trung thế Cu/XLPE/PVC/SE/DSTA/PVC-3x120mm-12,7/22(24) chôn ngầm trong mương cáp.

- Xây dựng hồ ga G2 để luôn cấp 22 kV dự phòng tổng số 2 hồ ga G2 đảm bảo chuyên tiếp giữa 2 điểm nối cáp liên kề, mỗi hồ ga G2 có 15m cáp dự phòng nhằm dự phòng cáp để tiến hành hạ ngầm vị trí đi nổi trên tuyến đường Nguyễn Phong Sắc khi thực hiện dự án mở rộng đường này.

B. Hạng mục Xây dựng

1.2.1.6. Trung tâm văn hóa thể thao

Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới thiết kế cao 3 tầng, mặt bằng bố trí công năng hợp lý, đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tổng diện tích (m ²)
1	Tầng 1			
	Sân khấu biểu diễn	1	152	152
	Không gian chuẩn bị diễn	2	60	120
	Phòng đạo diễn, trưởng đoàn	1	20	20
	Phòng hóa trang nam	1	30	30
	Phòng hóa trang nữ	1	30	30
	Phòng họp hội ý	1	40	40
	Phòng điều khiển âm thanh ánh sáng	1	20	20
	Phòng văn hóa văn nghệ	1	20	20
	Phòng thể dục thể thao	1	20	20
	Phòng kỹ thuật PCCC	1	16	16
	Phòng học âm nhạc	1	57	57
	Phòng học múa	1	57	57
	Phòng khiêu vũ	1	166	166
	Phòng dạy mỹ thuật	1	168	168
	Phòng kho chung	2	(96+23)	119
	Kho đạo cụ	1	20	20
	Kho trang phục	1	20	20
	Kho hành chính	1	20	20
	Phòng kỹ thuật	1	23	23
	Sân khấu ngoài trời	1	204	204
	Khu vệ sinh	3	(40+40+24)	104
	<i>Tổng diện tích làm việc tầng 1</i>		1426	
	<i>Tổng diện tích sàn tầng 1</i>		2451	
	<i>Hệ số sử dụng k</i>		0,58	
2	Tầng 2			

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m²)	Tổng diện tích (m²)
	Phòng khán giả	1	480	480
	Phòng đọc kho sách	2	100	200
	Khu vực trưng bày, hành lang triển lãm	2	150	300
	Phòng giám đốc tiếp khách	1	30	30
	Phòng phó giám đốc tiếp khách	2	20	40
	Phòng kế toán thủ quỹ	1	20	20
	Phòng hành chính	1	51	51
	Phòng họp giao ban	1	40	40
	Phòng kho	2	20	40
	Phòng kỹ thuật	1	14	14
	Khu vệ sinh	2	24	48
	<i>Tổng diện tích làm việc tầng 2</i>		1263	
	<i>Tổng diện tích sàn tầng 2</i>		3042	
	<i>Hệ số sử dụng k</i>		0,41	
3	Tầng 3			
	Phòng khán giả	1	120	120
	Phòng truyền thống	1	100	100
	Phòng thông tin truyền thông	1	100	100
	Phòng sản xuất chương trình truyền hình	1	20	20
	Phòng ghi âm	1	30	30
	Phòng trực kỹ thuật biên tập, phòng viên, phát thanh viên	1	40	40
	Phòng ghi hình	1	51	51
	Phòng sản xuất âm	1	20	20
	Phòng phát thanh	1	20	20
	Phòng kỹ thuật	2	(25+20)	45
	Phòng kho thiết bị	1	20	20
	Khu vệ sinh	2	24	48
	<i>Tổng diện tích làm việc tầng 3</i>		614	
	<i>Tổng diện tích sàn tầng 3</i>		2084	
	<i>Hệ số sử dụng k</i>		0.29	
	<i>Tổng diện tích làm việc toàn nhà</i>		3303	
	<i>Tổng diện tích sàn toàn nhà</i>		7577	

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tổng diện tích (m ²)
	Hệ số sử dụng k		0,43	

Mức độ hoàn thiện:

- Mái công trình lợp tôn dày 0.47 ly màu xanh.
- Mái phòng khán giả đỡ bằng hệ vì kèo thép.
- Trần phòng khán giả bằng thạch cao khung xương chìm bả matit sơn hoàn thiện 3 nước, tường trong ốp vật liệu cách âm, nền lát gạch granite kết hợp rải thảm đỏ nhung.
- Sàn các phòng chức năng đổ bê tông cốt thép.
- Nền các phòng, hành lang, sảnh lát gạch granite kích thước 800x800 với vữa xi măng mác 75 dày 20, miết mạch bằng xi măng cùng màu gạch.
- Nền đại sảnh lát gạch granite 1000x1000 kết hợp lát đá granite tự nhiên.
- Nền khu vệ sinh lát gạch granit 300x300 loại chống trơn trượt.
- Tường xây gạch không nung dày 220 mác 7,5 với vữa mác 75, trát vữa mác 75, dày 15. Tường mặt trong hoàn thiện 3 nước. Tường mặt ngoài chống thấm Sika (hoặc tương đương), sơn hoàn thiện 3 nước theo chỉ định của bản vẽ mặt đứng. Các vị trí điểm nhấn bố trí ốp đá tự nhiên, các vị trí tường còn lại sơn màu trắng ngà.
- Chân móng ốp đá tự nhiên.
- Bản thang bằng bê tông cốt thép, bậc xây gạch không nung đặc với vữa mác 75, mặt bậc lát đá Granite tự nhiên với vữa xi măng mác 75 dày 20.
- Cửa đi, cửa sổ và vách kính sử dụng cửa nhôm xingfa, kính cường lực.

1.2.1.2. Sân đường bê tông nội bộ, bồn hoa

a. Sân đường bê tông nội bộ, bồn hoa

- Phần sân quảng trường tổ chức sự kiện, sân đường nội bộ xung quanh công trình đổ bê tông đá 2x4, 200#, dày 150, mặt sân lát đá tự nhiên KT 800x400x30, dùng màu đá tạo thành các hoa văn, hình thức trang trí.
- Cây xanh: trồng thảm cỏ nhật vị trí các bồn hoa và các cây bụi thấp

b. Thiết bị: Các thiết bị phục vụ khán giả và phòng làm việc của nhân viên; thiết bị loa máy; thiết bị bàn ghế, dụng cụ phục vụ văn hóa, thiết bị phòng cháy chữa cháy và các thiết bị phụ trợ khác phục vụ hoạt động của công trình

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a. Trong giai đoạn xây dựng

- Xây dựng khu vực phụ trợ phục vụ công tác thi công dự án với diện tích khoảng 250m² bao gồm các hạng mục: Văn phòng công trường, khu vệ sinh, bãi tập kết xe, thiết bị.

* Lán trại: khoảng 30m².

* Khu nhà vệ sinh: khoảng 10m². Lắp đặt 01 nhà vệ sinh lưu động gần khu vực lán trại để phục vụ nhu cầu của công nhân.

* Khu chứa chất thải sinh hoạt, nguy hại: Diện tích khoảng 10m². Bố trí mái che, 02 thùng chứa 100 lít có nắp đậy và ký hiệu phân loại.

* Bãi tập kết xe, thiết bị: 50m².

* Bãi tập kết vật liệu: 150m².

* Vị trí xịt rửa bánh xe: 20m², nằm tại vị trí đi ra tuyến đường Lê Lợi để giảm thiểu bụi và bùn đất rơi vãi. Vị trí lựa chọn thuộc phạm vi dự án và phải tiến hành thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và hoàn trả khi kết thúc dự án. Đồng thời rải đá dăm từ khoảng 20 – 30m để hạn chế cuốn, bám dính lại bùn đất sau khi xịt rửa.

- Các hạng mục đều được xây dựng trong phạm vi dự án, tiếp giáp đường đất hiện trạng và đường quy hoạch nội bộ để thuận tiện cho quá trình vận chuyển và thi công các hạng mục xây dựng. Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực bố trí các hạng mục phụ trợ là ruộng lúa do đó trước khi xây dựng sẽ tiến hành san gạt, tạo mặt bằng phù hợp.

Vị trí dự kiến được trình bày ở sơ đồ sau:



Hình 1.3. Sơ đồ dự kiến bố trí các hạng mục phụ trợ

1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

1.2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng

a. Môi trường không khí

- Xe bồn chở nước phun ẩm dọc tuyến đường Lê Lợi, tuyến đường phía Nam Dự án.

- Điểm xịt rửa bánh xe trước khi đi ra tuyến đường Lê Lợi.

b. Môi trường nước

- Nước thải sinh hoạt

+ Đối với nước thải đen, nước thải xám của cán bộ công nhân: Dự án sử dụng nhà

vệ sinh lưu động đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý tạm thời trong quá trình thi công.

+ Sử dụng các hố lắng tại khu vực lán trại để lắng cặn, tái sử dụng hoặc tự thấm tránh chảy tràn ra ngoài môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Đào tuyến mương thoát nước mưa tạm thời thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thực hiện dự án về hố lắng phía Đông Nam để lắng cặn sau đó thoát ra môi trường theo hiện trạng thoát nước địa hình khu vực.

c. Chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí tại khu vực lán trại 02 thùng đựng rác di động loại 100lít, một thùng đựng rác hữu cơ như thức ăn dư thừa, hoa quả hư hỏng,... loại rác thải này tận dụng cho các trang trại, hộ gia đình lân cận lấy làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân. Một thùng đựng rác thải vô cơ như giấy loại, chai lọ, vỏ lon, túi ni lông,... sau đó hợp đồng với đơn vị thu gom rác để vận chuyển đi xử lý.

- Đối với chất thải nguy hại: Chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn Quản lý dự án và Tư vấn giám sát giám sát Nhà thầu thi công làm việc với các cơ sở sửa chữa, gara đã đăng ký chủ nguồn thải nguy hại và thực hiện lưu giữ, xử lý CTNH theo đúng quy định trong Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022.

1.2.4. Sự phù hợp của Dự án với các chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt

Việc thực hiện dự án phù hợp Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Phù hợp với Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Bình đến năm 2030;

Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới phù hợp với quy hoạch chung của khu vực theo Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư phía Đông Nam đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;

Việc thực hiện dự án Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới theo đúng quy hoạch của Tỉnh, góp phần vào sự phát triển của thành phố nói riêng và toàn tỉnh nói chung.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu

1.3.1.1. Giai đoạn xây dựng

*** Nhu cầu về nguyên vật liệu**

Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục của dự án ước tính ở bảng sau:

Bảng 1.3. Ước tính tổng hợp khối lượng thi công các hạng mục của dự án

TT	Chủng loại	Khối lượng	Khối lượng (tấn)	Chiều dài vận chuyển (km)	Xe sử dụng vận chuyển	Tổng chiều dài vận chuyển (km)
1	Đất đắp K85	40.443,2 m ³	56.620,5	12	10	67944.6
2	Đất đắp K98	2.639 m ³	3.694,6	12		4433.52
3	Cát đắp	6.679 m ³	9.350,6	7		6545.42
4	Đá các loại	4.741 m ³	7.585,6	15		11378.4
5	Xi măng		150	5		75
6	Sắt thép		1.200	5		0.6
7	Gạch	269.280 viên	404	5		202
8	Ống cống BTCT	30m	4,86	5		2.43
9	Ống nhựa HDPE	380m	0,5	5		0.25
10	Hồ ga các loại	24	12	5		6
11	Các vật tư khác + hệ số phát sinh	5% VLXD	467,8	5		233.9
Tổng			79.490,5			90822.1

(Nguồn: Báo cáo đầu tư xây dựng dự án)

Ghi chú:

- + 1m³ đất cát ≈ 1,4 tấn;
- + 1m³ đá ≈ 1,6 tấn;
- + 1m² nhựa thấm bảm ≈ 1 kg;
- + 1m³ bê tông nhựa ≈ 2,35 tấn;
- + 1 viên gạch ≈ 1,5 kg;
- + 1m ống cống BTCT D600 ≈ 0,162 tấn;
- + 1m ống cống BTCT D800 ≈ 0,194 tấn;
- + 1m ống cống BTCT D1000 ≈ 0,512 tấn;
- + 1m ống cống BTCT D1500 ≈ 0,785 tấn.

*** Dự kiến nguồn cung cấp nguyên vật liệu xây dựng dự án gồm:**

- Đất đắp lấy tại mỏ đất Trường Thủy, cự ly vận chuyển trung bình 12 km;
- Cát lấy ở xã Ngư Thủy, cự ly vận chuyển khoảng 7 km;
- Đá lấy ở mỏ đá Lèn Bạc, cự ly vận chuyển khoảng 15 km;
- Phần phế thải xây dựng sẽ vận chuyển đến đống ở khu vực theo đúng quy định của địa phương;
- Vật liệu xây dựng cơ bản: sắt thép, xi măng,... lấy tại thành phố Đồng Hới, cự ly vận chuyển về công trình khoảng 5km;

Nhìn chung, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu từ các đơn vị cung cấp vật liệu,

mỏ đất, cát san lấp trong quá trình thi công đến công trình chủ yếu theo tuyến đường Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh sau đó về tuyến đường Lê Lợi. Các tuyến đường này có mật độ dân cư và phương tiện giao thông đông đúc nên cần lưu ý thực hiện các biện pháp giảm thiểu để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện dự án.

* **Nhu cầu về nguồn cung cấp điện:** Nguồn điện cung cấp cho khu vực lập dự án được lấy từ tuyến điện dọc trên đường Nguyễn Phong Sắc.

* **Nhu cầu về lao động:** Tùy thuộc vào hạng mục thi công, tiến độ thi công, ước tính trong thời điểm cao nhất khoảng 20 người thi công trên công trường.

* **Nhu cầu về nguồn cung cấp nước:** Nguồn cấp nước cho công nhân thi công (ước tính cao nhất khoảng 20 người) do đơn vị thi công tự cung cấp, cụ thể:

+ Nước uống: Mua các bình nước 20l tại các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn để phục vụ nhu cầu của công nhân. Ước tính khoảng 40l/ngày (2l/người).

+ Nước sinh hoạt: Nguồn cấp nước cho công nhân thi công do đơn vị thi công tự cung cấp bằng xe bồn rồi bố trí bồn chứa nước khoảng 3m³ tại lán trại để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của công nhân. Ước tính khoảng 4m³/ngày (100l/người.ngày).

+ Nước tưới đường (phun ẩm), bảo dưỡng công trình, san nền: sử dụng xe bồn 5m³ để chứa nước. Ước tính khoảng 3m³/ngày.

+ Nước dùng trong quá trình thi công công trình: mua lại của người dân xung quanh khu vực dự án.

* **Cung cấp nhiên liệu:** Được mua từ cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố Đồng Hới.

1.3.1.2. Trong giai đoạn hoạt động

*** Nhu cầu và nguồn cung cấp điện**

- Nhu cầu: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở, tổng công suất sử dụng điện của Dự án khoảng 560 KVA. Vì vậy, Xây dựng 01 TBA: 22/0,4 kV-560 KVA kiểu Kios cấp điện cho công trình trung tâm văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới, vị trí đặt trên bệ xây nằm trong khuôn viên của dự án.

- Nguồn cấp điện: Nguồn điện cấp cho TBA lấy trên tuyến đường dây 22 kV treo trên cột BTLT 14m hiện có dọc theo tuyến đường Nguyễn Phong Sắc.

*** Nhu cầu cấp nước**

Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

+ Tiêu chuẩn TCXDVN 33: 2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4513:1988 – Tiêu chuẩn Việt Nam về Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế

+ Tiêu chuẩn TCVN 2622 : 1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế.

+ QCVN 07:2020 An toàn cháy cho nhà và công trình.

Áp dụng theo Bảng 1, TCVN 4513:1988 – Tiêu chuẩn Việt Nam về Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế, ước tính lưu lượng cấp nước như sau:

STT	Người dùng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn	Q _{ngđ} (m ³ .ngđ)
1	Khán giả	500 người	10 (l/ng.ngđ)	5.0
2	Diễn viên	20 người	40 (l/ng.ngđ)	0.8
3	CB CNV	30 người	15 (l/ng.ngđ)	0.5
4	Phòng học âm nhạc	70 người	20 (l/ng.ngđ)	1.4
5	Phòng học múa	70 người	20 (l/ng.ngđ)	1.4
6	Phòng học mỹ thuật	40 người	20 (l/ng.ngđ)	0.8
7	Phòng học khiêu vũ	80 người	20 (l/ng.ngđ)	1.6
8	Phòng đọc	70 người	20 (l/ng.ngđ)	1.4
9	Nước rò rỉ	1-8	15 %	2.0
10	Tổng lưu lượng SH _{tb}	1-9		14.9
11	Tổng lưu lượng SH _{max}	10	1.3	19.4
12	Nước tưới sân, tưới cây	7500 m ²	1.5 l/ m ²	11.0

Tổng lưu lượng cấp nước sinh hoạt của trung tâm văn hóa thành phố Đồng Hới là khoảng 20 m³/ngđ và lượng nước tưới cây khoảng 11 m³/ngđ.

- Cấp nước chữa cháy:

Theo tiêu chuẩn phòng chữa cháy TCVN 2622-1995, với quy mô dự án được coi như nhà thuộc hạng sản xuất C. Lưu lượng nước tính toán cho giờ dùng nước lớn nhất khi có cháy xảy ra: $Q_{cc} = 30(l/s) = 115,2 \text{ m}^3/h$.

Quy mô cấp nước giờ dùng nước lớn nhất có cháy: 180,6 m³/ngày đêm.

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho công trình được lấy từ hệ thống cấp nước sạch hiện có của thành phố Đồng Hới, đầu nối từ tuyến ống cấp nước hiện có D110 dọc tuyến đường nhựa phía Tây Nam thuộc dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam Lê Lợi.

1.3.2. Sản phẩm của dự án

Sau khi hoàn thành, dự án hình thành Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới, bao gồm các hạng mục như:

+ Nhà văn hóa trung tâm thành phố Đồng Hới có diện tích xây dựng khoảng 2451m² gồm phòng khán giả 500 chỗ ngồi và các phòng chức năng ;

+ Các hạng mục phụ trợ: Quảng trường tổ chức sự kiện ngoài trời lát đá diện tích khoảng 4226m² ; Sân đường nội bộ lát đá tự nhiên, diện tích 5233m²; Cây xanh cảnh quan bồn hoa quanh công trình 966m²;

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: San nền, cấp điện, cấp thoát nước đồng bộ;

+ Thiết bị : Các thiết bị phục vụ khán giả và phòng làm việc của nhân viên, thiết bị loa máy, thiết bị bàn ghế, nội thất nhà văn hóa, thiết bị PCCC.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

- Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới có nhiệm vụ tổ chức hoạt động văn hóa, bồi dưỡng năng khiếu nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu cho hơn 133.000 người dân trên địa bàn toàn thành phố.

- Thực hiện các công tác bồi dưỡng, đào tạo và thi đấu cho các vận động viên của huyện, nâng cao thành tích cho huyện trong các cuộc thi hội khỏe phù đổng, đại hội thể dục thể thao,...;

- Tổ chức, phục vụ cho các sự kiện thi đấu thể dục thể thao cấp tỉnh, thành phố và các hoạt động thể dục thể thao của thành phố, phường.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

1.5.1. Công tác chuẩn bị trước khi thi công

* **Giải phóng mặt bằng:** Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng do Ban giải phóng mặt của Dự án thực hiện dưới sự chỉ đạo của Chủ đầu tư phối hợp với các cơ quan chức năng của phường Đức Ninh Đông.

* **San ủi mặt bằng và xây dựng khu phụ trợ phục vụ thi công:** Nhà thầu sẽ tiến hành đào hữu cơ, đắp đất, san ủi bằng máy đào, máy xúc, xe lu để ủi san lấp mặt bằng cho phù hợp với việc thiết kế, bố trí công trình và xây dựng khu lán trại phụ trợ phục vụ cho công tác thi công ở trong khu vực Dự án. Dự kiến diện tích khoảng 250m².

1.5.2. San nền

- Công tác định vị tọa độ, ranh giới thi công trên thực địa được thực hiện bằng máy toàn đạc điện tử kết hợp với thước thép để xác định và dùng cọc tre đóng xuống nền hiện trạng để đánh dấu các vị trí.

- Tiến hành đào bỏ lớp hữu cơ bằng các thiết bị cơ giới, khối lượng đất hữu cơ này sẽ được máy đào xúc lên ô tô tải và vận chuyển đến vị trí đổ đất. Trong trường hợp nước mặt tại khu vực nạo vét hữu cơ nhiều thì phải tiến hành bơm hút cạn nước ra khỏi phạm vi trước khi tiến hành thi công, bùn nạo vét sẽ được cào thành đồng phơi ráo nước trước khi vận chuyển đến bãi đổ thải.

- Tiến hành nghiệm thu bóc lớp đất hữu cơ về: cao độ, kích thước hình học.

- Đắp trả cát dày 30cm tại các khu vực ruộng lúa.

- Đất đắp được vận chuyển đổ thành đồng bằng ô tô tự đổ.

- San gạt lớp đất bằng máy ủi (trong qua trình san cần chú ý đến độ dốc ngang, dốc dọc của bãi san nền).

- Tiến hành lu đầm lớp đất đắp, mỗi lớp dày 30cm đạt độ chặt ($K = 85$) bằng xe lu. Trong quá trình lu lên nếu độ ẩm đất đắp khô thì cần sử dụng xe tưới nước để tưới ẩm đất đảm bảo độ ẩm tối ưu. Quá trình trên được tiến hành lặp đi lặp lại và được thi công đến cao độ thiết kế.

1.5.3. Hệ thống cấp, thoát nước

- Định vị vị trí tuyến theo đúng thiết kế, tiến hành đào đất bằng máy xúc kết hợp thủ công, vật liệu đào được vận chuyển tập kết đúng vị trí để hoàn trả. Sử dụng tường chắn bằng cọc cừ hoặc ván gỗ để tránh sụt, lở nếu cần thiết.

- Sau khi đào đến cao độ thiết kế dùng thủ công san sửa đáy, trắc ngang, độ dốc và đầm chặt theo đúng quy định hiện hành.

- Vận chuyển cống đến vị trí thi công, đặt ống bằng cần cẩu kết hợp thủ công. Căn chỉnh ống cống kết hợp đúng vị trí, cao độ, độ hở giữa hai đốt cống theo đúng quy chuẩn.

- Tiến hành nối ống cống bằng phương pháp hàn với ống nhựa và vữa xi măng đối với ống bê tông sau đó hoàn trả mặt bằng. Đắp đất bằng máy xúc, máy ủi từng lớp theo đúng độ chặt quy định.

1.5.4. Thi công nhà văn hóa

- Giai đoạn đào móng và gia cố nền: Giai đoạn này sử dụng máy đào, máy xúc, xe lu để đào móng chuẩn bị xây nhà thi đấu, các công trình phụ trợ và gia cố nền móng cho các công trình cần thiết.

Căn cứ vào quy mô, tính chất, tải trọng và điều kiện địa chất công trình, phương án móng được đưa ra trên cơ sở đảm bảo tính kỹ thuật, an toàn đồng thời có cân nhắc đến điều kiện kinh tế và tính khả thi của phương án.

Phần móng sử dụng phương án móng băng giao thoa BTCT, chôn vào lớp đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ khung chịu lực BTCT đổ toàn khối. Vật liệu bê tông có cấp độ bền B22.5 (M300). Cốt thép D<10 nhóm CI (CB240-T), 10≤D≤20 nhóm CII (CB300-V), D≥22 nhóm CIII (CB400-V). Phần mái phòng khán giả sử dụng hệ kèo thép khẩu độ 18,6m kết hợp hệ giằng bằng thép I và thép fỉ 16 đảm bảo ổn định cho hệ mái khi chịu lực; thép bản kèo sử dụng loại có Ra ≥ 2100Kg/cm²; sử dụng bu lông có cấp bền 8.8; chiều cao đường hàn Hh ≥ 6mm, sử dụng que hàn N42 hoặc tương đương.

- Quá trình xây dựng cơ bản: Công đoạn này sử dụng máy cẩu, xe lu, xe vận chuyển, máy phối trộn bê tông,... để thực hiện các hoạt động như: xây móng, đổ bê tông, xây tường, lắp khung kèo thép, mái tole, đóng tháo cốt pha,... Nguyên liệu sử dụng trong giai đoạn này gồm: cát, đá, xi măng, sắt thép, tole,...

- Quá trình hoàn thiện công trình: bao gồm các công việc như: sơn, lắp ráp các hệ thống thoát nước, cấp nước, điện,... được thực hiện theo đúng yêu cầu thiết kế và các quy chuẩn. Quá trình này sử dụng máy móc thiết bị như máy nâng, máy khoan, máy bắn vít,...

1.5.6. Sân thể thao ngoài trời

- Định vị công trình theo đúng quy hoạch.

- Sử dụng máy móc thi công như máy đào, máy san ủi, máy đầm,... và nhân lực tiến hành thi công nền móng từng lớp theo đúng yêu cầu thiết kế.

- Tiến hành nghiệm thu và bàn giao công trình.

* Danh mục máy móc, thiết bị thực hiện dự án

Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sẽ sử dụng xe sẵn có của nhà thầu hoặc hợp đồng với các đơn vị cung cấp vật liệu xây dựng. Ngoài ra, trên khu vực thực hiện dự án dự kiến sẽ sử dụng một số loại máy móc, thiết bị như sau:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị

TT	Loại máy thi công	Công suất	Lượng nhiên liệu tiêu thụ (lít dầu diesel/ca) (*)
I	San nền		
1	Máy ủi (05 máy)	110 CV	44,1
2	Máy đào (05 máy)	0,8 m ³	65
3	Máy đầm (06 máy)	9 tấn	34
II	Làm đường giao thông		
1	Máy lu (03 máy)	10 tấn	26
2	Máy đào (05 máy)	0,8 m ³	65
3	Máy đầm (03 máy)	16 tấn	38

5	Máy rải nhựa đường (02 máy)	130-140 CV	63
6	Máy rải đá (01 máy)	50-60 m ³ /h	30
7	Máy ủi (03 máy)	110 CV	46
8	Xe cẩu (01 xe)	3 tấn	25
9	Ô tô tưới nước (02 xe)	5 m ³	23
III	Thi công hệ thống thoát nước mưa và nước thải		
1	Máy đào (03 máy)	0,8 m ³	65
IV	Lắp đặt hệ thống điện hạ thế và điện chiếu sáng		
1	Máy đào (01 máy)	0,8 m ³	65
2	Xe cẩu (01 xe)	3 tấn	25
3	Xe thang chiều cao nâng 12m (01 xe)		29

(Nguồn: Báo cáo đầu tư xây dựng dự án)

Ngoài các phương tiện, máy sử dụng dầu diesel ở trên, hoạt động thi công của Dự án có sử dụng các phương tiện, máy chạy bằng điện như máy trộn bê tông, bơm nước, máy cắt, hàn, máy khoan, máy đầm tay,...

1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1 Tiến độ dự án

Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến như sau:

- Lập và phê duyệt dự án: Quý IV/2023;
- Lập và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán: Quý I/2024;
- Khởi công xây dựng dự án tháng: Quý II /2024;
- Hoàn thành giai đoạn I đưa vào sử dụng: Quý IV/2025.

Thời gian Công việc	Tháng	Tháng	Tháng
	12/2023	1/2024- 12/2024	1/2025 - 12/2025
Hoàn thiện đánh giá tác động môi trường và các thủ tục pháp lý khác			
Giải phóng mặt bằng và san nền			
Thi công các hạng mục			
Hoàn thiện và nghiệm thu bàn giao Dự án			

1.6.2. Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư: 100.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn./.)

- Nguồn vốn gồm: Nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách thành phố 2021-2025.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự tổ chức điều hành Dự án thông qua Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thành phố Đồng Hới.

- Tổ chức thực hiện dự án:

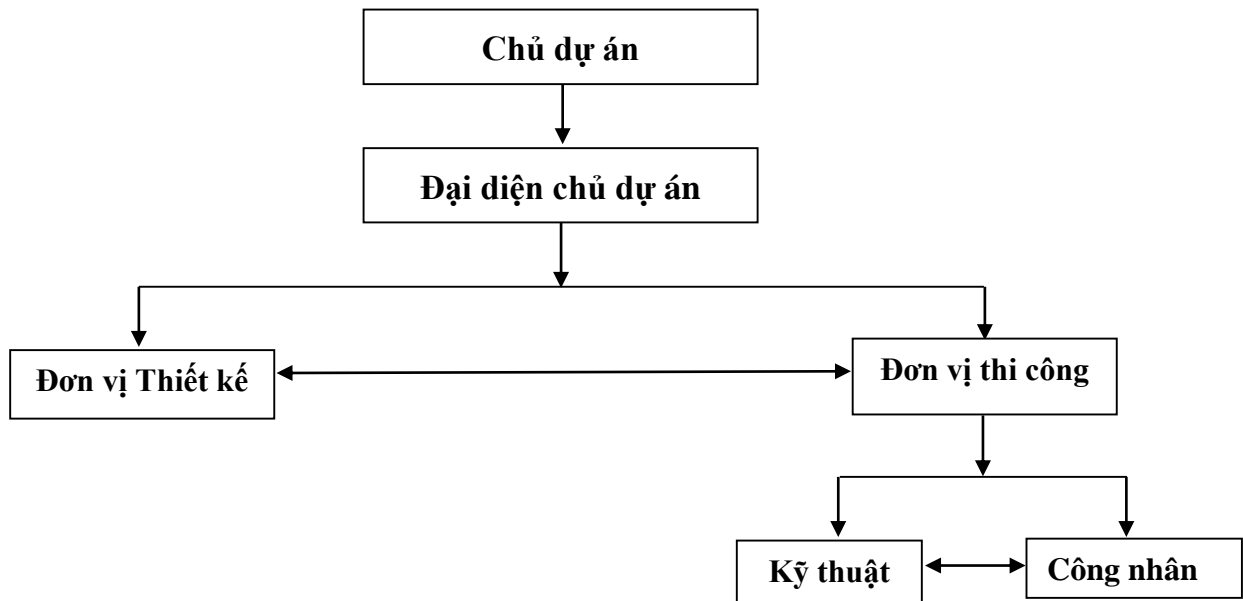
+ Chủ đầu tư: UBND thành phố Đồng Hới.

+ Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thành phố Đồng Hới.

+ Tư vấn thiết kế: Viện Quy hoạch xây dựng Quảng Bình

+ Đơn vị thi công: Chủ đầu tư tự tổ chức lựa chọn nhà thầu.

+ Chủ dự án lựa chọn đơn vị quản lý để trực tiếp giám sát các nhà thầu thi công.



- Số lượng công nhân thi công dự án: Với quy mô các hạng mục công trình được đầu tư của dự án thì số lượng công nhân tham gia xây dựng dự kiến khoảng 20 người.

Chương 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

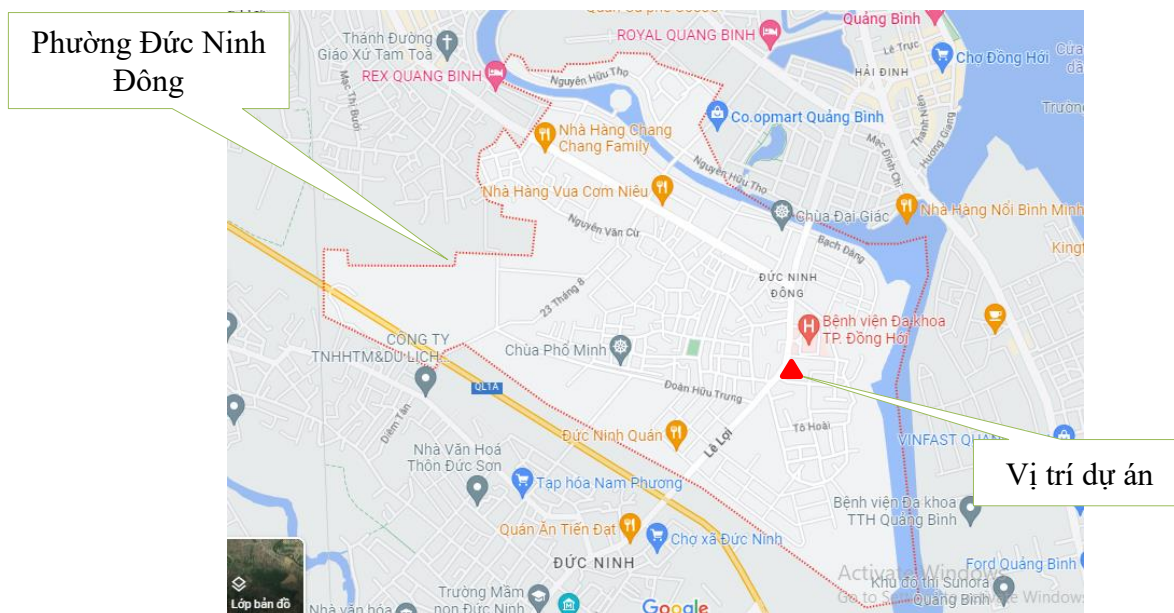
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

a. Địa lý khu vực

Vị trí thực hiện dự án thuộc phường Đức Ninh Đông nằm ở khu vực trung tâm của vùng thành phố Đồng Hới, có vị trí địa lý:

- Phía Bắc giáp các phường Nam Lý, Đồng Phú, Đồng Hải;
- Phía Nam giáp xã Đức Ninh;
- Phía Tây giáp phường Đồng Sơn;
- Phía Đông giáp phường Phú Hải.



b. Đặc điểm địa hình khu vực dự án

Khu đất được giao để lập dự án có nguồn gốc là đất trồng lúa với địa hình toàn khu vực tương đối bằng phẳng với cao độ tự nhiên từ 0,4m đến 0,6m so với mực nước biển, tầm nhìn ngắm thông thoáng; địa hình thấp trũng nên cần tôn đắp trước khi thi công xây dựng.

Tiếp giáp phía Đông Bắc, Đông Nam và Tây Nam của dự án là khu dân cư TDP Bình Phúc tiếp giáp phía Đông Bắc của dự án có cao độ từ 1,2m÷1,3m. Đường Lê Lợi đoạn qua khu vực dự án có cao độ 2,2m÷2,3m. Hướng nghiêng địa hình hai hướng chính Đông Nam và hướng Tây, nước mặt được thoát ra kênh Cầu Tây.

c. Đặc điểm địa chất

* **Địa hình, địa mạo:** Theo báo cáo khảo sát địa chất công trình của dự án, khu vực xây dựng công trình nằm trong kiểu địa hình đồng bằng và chưa được san lấp bằng phẳng. Phủ trên bề mặt kiểu địa hình này là các trầm tích kỷ Đệ tứ (Q_{IV}) có thành phần là sét pha lẫn sỏi sạn, có bề dày khá lớn.

* Địa tầng và đặc tính cơ lý

Căn cứ kết quả khoan khảo sát và kết quả thí nghiệm các mẫu đất, địa tầng khu vực được phân chia thành các lớp thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

- Lớp D: Đất đắp, đất sét pha màu đen dạng bùn.
- Lớp 1: Đất sét pha màu xám vàng
 - Thành phần chủ yếu: Đất sét pha màu xám vàng, kết cấu xốp, trạng thái dẻo mềm.
 - Thành phần hạt: Sét: 44%; Bụi: 17,89%; Cát: 37,7%; Hạt sỏi: 0,41%.
 - Độ ẩm: 37,7%; Cường độ chịu tải: 1,2kG/cm².
 - Khả năng chịu tải kém.
- Lớp 2: Đất sét pha lẫn sỏi sạn.
 - Thành phần chủ yếu: Đất sét pha lẫn sỏi sạn màu xám, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng.
 - Thành phần hạt: Sét: 14,38%; Bụi: 15,51%; Cát: 58,59%; Hạt sỏi: 8,9%; Dăm cuội: 2,62%.
 - Độ ẩm: 20,30%; Cường độ chịu tải: 2,2kG/cm².
 - Khả năng chịu tải trung bình.
- Lớp 3: Đất sét pha lẫn sỏi sạn dăm cuội
 - Thành phần chủ yếu: Đất sét pha lẫn sỏi sạn dăm cuội thạch anh màu trắng xám, kết cấu chặt, trạng thái nửa cứng đến cứng.
 - Thành phần hạt: Sét: 12,37%; Bụi: 12,24%; Cát: 38,85%; Hạt sỏi: 21,44%; Dăm cuội: 15,1%.
 - Độ ẩm: 11,79%; Cường độ chịu tải: 2,7kG/cm².
 - Khả năng chịu tải tốt.

Căn cứ vào kết quả khảo sát, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy mô công trình có thể nghiên cứu sử dụng giải pháp móng đơn nhưng cần phải đặt móng công trình vào lớp đất thứ 2.

Tuy nhiên, tùy vào tải trọng công trình, kết quả số liệu thí nghiệm trong phòng mà các kỹ sư thiết kế tính toán đưa ra các giải pháp móng phù hợp đảm bảo ổn định cho công trình và hiệu quả kinh tế.

2.1.2. Điều kiện khí hậu, khí tượng

a. Khí hậu

a. Khí hậu

Quảng Bình nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam, với đặc trưng của khí hậu nhiệt đới điển hình ở phía Nam và có mùa Đông tương đối lạnh ở miền Bắc. Khí hậu chia làm 02 mùa rõ rệt: Mùa khô và mùa mưa.

Mùa khô: Từ tháng 5 đến tháng 8, trùng với mùa gió Tây Nam khô nóng, lượng bốc hơi lớn nên thường xuyên gây hạn hán, cát bay, cát chảy lấp đồng ruộng và khu dân cư. Nhiệt độ trung bình năm từ 24°C - 32°C. Mùa nóng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm với nhiệt độ trung bình trên 29°C, mùa lạnh bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau

với nhiệt độ trung bình 22°C. Tổng nhiệt độ hàng năm khoảng 8.600 - 8.700°C, số giờ nắng trung bình hàng năm khoảng 1.700 - 1.800 giờ/năm.

Mùa mưa: Từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau, chiếm 80% tổng lượng mưa cả năm nên thường gây lũ lụt trên diện rộng, lượng mưa trung bình nhiều năm là 2.100 - 2.200mm, số ngày mưa trung bình là 152 ngày/năm.

Như vậy, với nhiệt độ và tổng nhiệt độ năm xếp vào loại khá cao và được đánh giá là phù hợp, thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của các loại cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp như: Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả, gia súc, thủy sản.

Điều kiện thời tiết bất lợi là gió Tây Nam khô nóng xuất hiện chủ yếu tập trung trong các tháng 6, 7, 8 kết hợp với lượng mưa ít gây hạn hán. Mùa mưa bão tập trung vào tháng 8, 10, bão thường đi kèm với mưa lớn. Do địa hình hẹp, sông ngấn và dốc nên mùa mưa bão thường xảy ra lũ lụt gây thiệt hại lớn về người và tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hàng năm.

Để hạn chế sự bất lợi cần phải có các chương trình khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên có căn cứ khoa học như: Trồng rừng đầu nguồn, thiết lập vành đai rừng phòng hộ, nghiên cứu cơ cấu mùa vụ cây trồng, vật nuôi, tuyển chọn cơ cấu giống chống chịu để tránh các điều kiện bất lợi về khí hậu, thời tiết.

** Nhiệt độ không khí*

Nhiệt độ bình quân hàng năm ở thành phố Đồng Hới dao động từ 25°C đến 26°C, miền núi tùy theo độ cao mà giảm xuống dưới 24°C và được chia thành 2 mùa rõ rệt, cụ thể:

- Mùa hè: Vào các tháng 6, 7, 8 là các tháng nóng nhất, nhiệt độ trung bình các tháng này từ 29,5 - 30,0°C.

- Mùa đông: Nhiệt độ trung bình tháng giêng khoảng 19°C. Nhiệt độ trung bình tối từ 16 - 17°C. Khi có không khí lạnh tràn về với cường độ mạnh, nhiệt độ thấp nhất có thể xuống dưới 10°C.

- Bình quân nhiệt độ các tháng như sau:

Bảng 2.1. Nhiệt độ trung bình tháng (Trạm đo Đồng Hới)

Đơn vị tính: °C

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	22,0	22,1	24,6	23,8	29,8	32,0	31,1	29,6	29,5	24,7	23,2	19,2

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

** Độ ẩm không khí*

- Độ ẩm trung bình hàng năm khoảng 70% - 90%. Mùa ẩm ướt kéo dài từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau, có độ ẩm trung bình từ 80% - 90%. Tháng ẩm nhất là các tháng cuối mùa đông.

- Thời kỳ khô nhất là các tháng giữa mùa hạ, tháng 7 có độ ẩm trung bình từ 70 - 79%. Chênh lệch độ ẩm trung bình tháng ẩm nhất và tháng khô nhất đạt tới 19 - 20%.

Bảng 2.2. Độ ẩm tương đối trung bình tháng (Trạm đo Đồng Hới)

Đơn vị tính: %

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Độ ẩm	86	84	88	86	85	65	70	76	80	87	88	86

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

** Lượng mưa*

Theo số liệu thu thập tại Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình, tổng lượng mưa bình quân năm 2020 tại khu vực Dự án là 3.496,8mm. Mùa mưa thường tập trung trong các tháng 10, 11, 12 với tổng lượng mưa chiếm 83% tổng lượng mưa cả năm, các tháng có lượng mưa thấp là tháng 1, 2, 3, 4, 6.

Bảng 2.3. Lượng mưa trung bình tháng tại Trạm đo Đồng Hới

Đơn vị tính: mm

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	49,6	25,3	37,9	33,8	43,1	11,1	29,6	202,6	160,5	1532,9	448,4	922

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

** Năng*

Số giờ nắng trong năm 2020 đạt 1.939,8 giờ, tháng có số giờ nắng ít nhất là tháng 12 với số giờ nắng trung bình 30,6 giờ, tháng có số giờ nắng nhiều nhất là tháng 7 với số giờ nắng trung bình là 318,1 giờ.

Bảng 2.4. Số giờ nắng tại Trạm đo Đồng Hới

Đơn vị tính: Giờ

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	148,4	163,5	102,8	77,3	247,1	293,4	318,1	195,1	214,1	67,9	81,5	30,6

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

* *Gió*: Khu vực cửa Nhật Lệ nằm gần trạm khí tượng Đồng Hới, ngoài biển có trạm khí tượng hải văn Cồn Cỏ. Trạm Cồn Cỏ mang đặc trưng cho khu vực ven bờ tỉnh Quảng Bình. Các số liệu đo có thể áp dụng cho tính toán sóng vì số liệu đo ít bị biến đổi về tốc độ và hướng do ảnh hưởng của đường bờ.

Gió trạm Cồn Cỏ được phân biệt thành 2 mùa rõ rệt: gió Đông Bắc từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau và gió Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 8. Hai tháng có chế độ gió chuyển tiếp là tháng 4 và tháng 9.

Mùa đông gió thịnh hành vùng ven bờ là hướng Tây Bắc đến hướng Bắc. Gió mùa hè có hướng thịnh hành là Tây Nam. Gió mùa Tây Nam đi qua dãy trường sơn gây mưa ở phía Tây và do vậy mất hàm lượng hơi nước.

Vận tốc gió trung bình tháng thay đổi từ 2,2m/s vào tháng 5 đến 3,1m/s vào tháng 11. Vận tốc gió cực đại thay đổi từ 8m/s đến 15m/s trong điều kiện có gió mùa mạnh hoặc bão.

Bảng 2.5. Vận tốc gió theo các hướng tại Trạm đo Đồng Hới

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Trung bình (m/s)	2,7	2,5	2,2	2,1	2,2	2,5	2,8	2,2	2,0	2,8	3,1	2,9
Lớn nhất (m/s)	10	8	7	8	12	8	8	10	12	12	15	8
Ngày gió lớn nhất	26	8	10	12	12	1	15	23	18	17	15	4

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

*** Bão và áp thấp nhiệt đới**

Tỉnh Quảng bình, nhất là khu vực ven biển là một trong những nơi hàng năm chịu ảnh hưởng rất nặng nề của bão, thuộc vào loại nhất nước ta. Theo số liệu thống kê, tính trung bình mỗi năm ở Quảng bình có từ 1-2 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào biển của tỉnh. Bão có thể xuất hiện vào thời kỳ từ tháng 6 đến tháng 10, trong đó nhiều nhất vào 3 tháng 8, 9, 10. Theo thống kê từ năm 2000 đến nay tỉnh Quảng Bình đã đón tổng cộng 12 cơn bão, tần suất 0,63 cơn/năm. Đặc biệt, trong năm 2011 có đến 04 cơn bão và 07 trận lũ lụt nghiêm trọng.

Khu vực từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế: mùa bão từ tháng 8 đến tháng 10. Tần suất bão lớn nhất trong tháng 9: 41%, tháng 8: 17%, tháng 10: 26%. Tuy vậy, có năm đã xuất hiện bão trong các tháng 6, 7.

Bảng 2.6. Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp vào các khu vực

Vùng bờ biển	Thời gian xuất hiện	Tên cơn bão	Cấp bão
Hà Tĩnh - Quảng Bình	15/9/2017	Doksuri	Cấp 15
Hà Tĩnh - Thừa Thiên Huế	30/9/2013	Wutip	Cấp 10-14 (102-149 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	21/08/2010	Mindulee	Cấp 10 (89-102 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	13/10/2008	ATNĐ	Cấp 7 (50-61 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	27/09/2008	Mekkhala	Cấp 9 (75-88 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	27/09/2007	Lekima	Cấp 11 (103-117 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	28/10/2005	Kaitak (Số 8)	Cấp 9 (75-88 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	15/09/2005	Vicente (Số 6)	Cấp 9 (75-88 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	08/09/2003	ATNĐ	Cấp 6 (39-49 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	10/09/2002	Hagupit (Số 4)	Cấp 6 (39-49 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	10/08/2001	Usagi (Số 5)	Cấp 8 (62-74 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	05/09/2000	Wukong (Số 4)	Cấp 10 (89-102 km/h)

Bảng 2.7. Tần suất bão, lũ lụt ở Quảng Bình từ năm 2016 đến năm 2020

Năm	Số cơn bão	Số trận lũ lụt
2016	2	3
2017	2	5
2018	1	3

Năm	Số cơn bão	Số trận lũ lụt
2019	2	3
2020	2	1
Tổng	13	15
Trung bình	1,8	3,3

Năm 2020, mưa lũ tại tỉnh Quảng Bình diễn biến phức tạp do chịu ảnh hưởng của 2 cơn bão Saudel vào ngày 26/10 và bão Vamco ngày 15/10 gây mưa lớn, đẩy nước lũ trên các sông ở Quảng Bình dâng lên cao gây nhiều thiệt hại cho địa phương. Đến 07h sáng ngày 20/10/2020, mưa lũ trên địa bàn tỉnh đã làm 04 người chết (02 người ở xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, 01 người xã Gia Ninh, 01 người ở xã Hiền Ninh huyện Quảng Ninh); 09 người bị thương (06 người ở huyện Tuyên Hóa, 02 người ở huyện Minh Hóa và 01 người ở huyện Bố Trạch). Mưa lũ đã làm gần 2.500 nhà ở thành phố Đồng Hới bị ngập lụt, có 30 hộ dân ở xã Lộc Ninh và 57 bản/07 xã/04 huyện biên giới gồm: Minh Hóa (17 bản/03 xã); Bố Trạch (20 bản/02 xã; Quảng Ninh (19 thôn, bản/01 xã); Lệ Thủy (02 bản/02 xã) bị cô lập.

b. Chế độ thủy văn

- *Đặc điểm nước mặt khu vực:* Khu vực xây dựng dự án có địa hình chủ yếu là ruộng lúa, nằm gần hệ thống kênh Cầu Tây, sông Lệ Kỳ, vì vậy nguồn nước mặt ở đây là nước từ các đồng ruộng, hệ thống kênh mương,... mực nước phụ thuộc theo mùa mưa, mùa vụ. Về mùa khô nước mặt xuất hiện tại vùng trũng ở khoảng từ (0,4m) so với mặt đất tự nhiên. Về mùa mưa, nước dâng cao tại các ruộng lúa do tiếp nhận nước mưa bề mặt và nước mưa chảy tràn, nước trong khu vực được tiêu thoát theo hệ thống kênh, mương về kênh Cầu Tây chảy ra sông Lệ Kỳ.

- Kênh Cầu Tây nằm tiếp giáp về phía Tây Nam khu vực Dự án và nối ra sông Lệ Kỳ cách khoảng 200m về phía Đông. Mực nước của kênh Cầu Tây thay đổi trong ngày theo thủy triều của sông Lệ Kỳ. Vào mùa mưa lũ, cos ngập lụt trung bình tại khu vực dự án và kênh Cầu Tây là +1,8m (cos ngập lụt cao nhất tính đến thời điểm hiện tại là +2,8m). Kênh Cầu Tây được dẫn ra sông Lệ Kỳ nên mực nước của kênh cũng chịu tác động của chế độ triều của sông Lệ Kỳ.

- Chế độ thủy triều sông Lệ Kỳ chịu tác động của chế độ triều sông Nhật Lệ có chế độ bán nhật triều không đều, trong ngày có 2 lần triều lên và 2 lần triều xuống. Vào mùa mưa, chiều cao mực nước lớn nhất là 2,3 m; vào mùa khô, chiều cao mực nước lớn nhất là 1,3 m. Theo ghi nhận đến thời điểm hiện tại, mức nước sông Lệ Kỳ chưa từng vượt quá chiều cao bờ đê.

Biên độ giao động mực nước trong năm TBNN của sông Nhật Lệ trung bình: 237cm, cao nhất: 302cm, thấp nhất 130cm. Những ngày nhật triều không đều thời gian triều lên trung bình 8,3h, lớn nhất lên đến 10h, ngắn nhất là 6h, thời gian triều xuống trung bình 16h, dài nhất là 18h, ngắn nhất là 13h.

Những ngày bán nhật triều thời gian triều lên trung bình 5-6h, thời gian triều xuống trung bình 6-7h. Thời gian triều lên hoặc xuống ngắn nhất là 2-3h, dài nhất là 10-12h.

2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng khu vực dự án

2.1.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

a. Kinh tế - xã hội

Để xây dựng phường phát triển, nâng cao đời sống cho nhân dân, định hướng xuyên suốt mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường Đức Ninh Đông các khoá XXIV và khoá XXV đã đề ra là “chuyên mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp”. Cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, sự nỗ lực vượt qua khó khăn của toàn Đảng bộ và nhân dân trong phường, 10 năm qua phường Đức Ninh Đông đã đạt được thành tựu to lớn.

Trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, phong trào tự học nghề, tạo việc làm phát triển mạnh mẽ trong các thôn xóm; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ hình thành ngày càng nhiều và lớn thêm về quy mô. Đến nay toàn phường có 9 doanh nghiệp, 85 tổ mộc nề, 70 cơ sở kinh doanh dịch vụ, 27 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Nhờ vậy giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng nhanh, nếu năm 2005 mới đạt khoảng 24 tỷ đồng, thì năm 2017 là 94 tỷ đồng. Tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh trong cơ cấu kinh tế địa phương, năm 2010 đã đạt tỷ lệ 72,5%.

Nông nghiệp đang được chuyển dần sang sản xuất hàng hoá. Bên cạnh đẩy mạnh dồn điền đổi thửa, nhiều diện tích lúa năng suất thấp đã chuyển qua nuôi trồng thủy sản và lúa cá kết hợp, từ đó nhiều mô hình sản xuất lúa cá, nuôi trồng thủy sản đưa lại lợi nhuận cao, góp phần đưa tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2017 lên 15 tỷ đồng và giá trị bình quân thu nhập đạt 42 triệu đồng/ha và tổng sản lượng lương thực đạt 1.200 tấn.

Cùng với phát triển sản xuất kinh doanh, những năm qua phường đã chú trọng công tác quy hoạch và quản lý đô thị theo quy hoạch của thành phố, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển. Ngoài trụ sở phường thì trụ sở các cơ quan khác cũng được xây dựng khang trang, đầy đủ tiện nghi làm việc. Đặc biệt trường học từ mầm non đến trung học cơ sở được xây dựng đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, phục vụ tốt việc học hành của con em. Với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, hệ thống đường giao thông nông thôn nhỏ đã cơ bản được kiên cố hoá với kinh phí đầu tư ước tính hơn 13 tỷ đồng.

Với việc triển khai nhiều chương trình, dự án để động viên nhân dân học nghề, tạo việc làm, trong 10 năm qua đã chuyển được 1.000 lao động nông nghiệp sang các lĩnh vực khác; giảm hộ nghèo từ 10,5% năm 2005 xuống 2,1% năm 2013; thu nhập bình quân đầu người đạt 1.750.000 đồng/ người/ tháng. Thực hiện tốt chính sách với thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng, đi đôi với đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động nhân đạo từ thiện để giúp đỡ các gia đình chính sách vươn lên ổn định cuộc sống.

Cùng với phát triển kinh tế-xã hội, trong những năm qua, phường Đức Ninh Đông chú trọng giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Phong trào "Ba an toàn, hai tự quản", xây dựng cơ sở an toàn làm chủ được đầy mạnh tạo thế vững chắc ở cơ sở.

b. Y tế, giáo dục

- Về y tế: Công tác chăm sóc sức khỏe người dân đã có bước chuyển biến tích cực. Trong những năm qua phường đã thực hiện đồng bộ chương trình y tế quốc gia, chương trình tiêm chủng mở rộng, chương trình bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em... Trạm y tế phường hiện có 1 bác sỹ, 4 y sỹ và 9 cộng tác viên ở các tổ dân phố, phục vụ tích cực công tác khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Về giáo dục: Toàn phường Đức Ninh Đông có 1 trường mầm non, 1 trường tiểu học và 1 trường trung học. Đặc biệt các trường đều được xây dựng đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, phục vụ tốt việc học hành của con em.

2.1.3.2. Điều kiện về cơ sở hạ tầng

a. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông của phường Đức Ninh Đông khá phát triển với đa số các tuyến đường về tận các hộ dân đều đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và kết nối với các tuyến đường lớn khác của thành phố Đồng Hới.

Đối với khu vực Dự án có hệ thống giao thông khá thuận lợi do giáp với đường Lê Lợi ở phía Tây Bắc, xung quanh là các tuyến đường của khu dân cư đã được xây dựng hoàn chỉnh. Từ tuyến đường này có thể kết nối với các tuyến đường lớn trong thành phố cũng như đường Hồ Chí Minh, đường Quốc lộ 1A.

b. Thoát nước

+ Nước mưa: Hiện tại khu vực dự án đã có hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước mặt được thu gom thoát về kênh Cầu Tây và sông Lệ Kỳ.

+ Nước thải: Khu vực thực hiện dự án đã có hệ thống thu gom nước thải dọc theo tuyến đường Lê Lợi dẫn về Nhà máy xử lý nước thải Đức Ninh để xử lý.

c. Vệ sinh môi trường: Hiện nay, việc quản lý và thu gom rác thải trên địa bàn do đội thu gom của Công ty Cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình đảm nhiệm với tỷ lệ thu gom cao.

d. Cấp điện: Dọc theo các tuyến đường giao thông chính đều có tuyến đường điện 22kV đi qua.

e. Cấp nước: Khu vực đã có hệ thống cấp nước sạch được cung cấp bởi Nhà máy nước Phú Vinh, xã Thuận Đức, TP. Đồng Hới.

f. Thông tin liên lạc: Khu vực quy hoạch đã được phủ sóng và sử dụng dịch vụ của các mạng Vina Phone, Mobile phone, Viettel. Nhiều dịch vụ viễn thông di động và mạng cố định được cung cấp và hỗ trợ. Mật độ phủ sóng dịch vụ viễn thông đạt 100%.

2.1.3.3. Điều kiện về thể dục thể thao của thành phố

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chiến lược, sự nghiệp thể dục - thể thao tỉnh Quảng Bình ngày càng phát triển đúng hướng và có nhiều khởi sắc.

Trong phong trào thể thao quần chúng, ngành TDTT Quảng Bình đã triển khai có hiệu quả chủ trương của lãnh đạo tỉnh hướng hoạt động thể thao về cơ sở, qua đó nhằm xây dựng phong trào cơ sở, phục vụ nhu cầu hưởng thụ của quần chúng Nhân dân, tạo khí thế tươi mới, sôi nổi. Đến nay năm 2020, tổng số người tập luyện TDTT thường xuyên ước đạt 32,4%, tăng 6,8% so với năm 2010; số gia đình thể thao ước đạt 26,3%, tăng 4,6%; có 720 Câu lạc bộ TDTT tăng 350 CLB so với năm 2010 với 2.700 điểm tập luyện. Hằng năm, trung bình khoảng 750 cuộc thi đấu thể thao các cấp được tổ chức, trong đó cấp tỉnh tổ chức 28 - 30 cuộc; cấp huyện, thành phố, thị xã tổ chức 70 - 80 cuộc và cấp xã, phường, thị trấn tổ chức 630 - 650 cuộc. Toàn tỉnh đã có 151/151 xã, phường, thị trấn quy hoạch quỹ đất dành hoạt động TDTT. Cơ sở vật chất trên toàn tỉnh hiện có 140 bể bơi các loại, 38 nhà tập luyện thể thao, 58 sân quần vợt, 422 sân bóng đá, 1.450 sân bóng chuyền, 800 sân cầu lông, khoảng 1.200 sân bãi khác phục vụ nhu cầu tập luyện TDTT của quần chúng Nhân dân.

Bên cạnh một số kết quả đạt được, ngành TDTT Quảng Bình vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, đó là: Cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động thể dục thể thao như Sân vận động, Nhà thi đấu, Bể bơi từ tỉnh đến huyện còn thiếu và xuống cấp nên chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện, thi đấu và đăng cai các giải khu vực và toàn quốc. Ngân sách đầu tư cho lĩnh vực TDTT hàng năm còn hạn chế, chính vì vậy, phát triển thêm các môn thể thao mới, nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động TDTT cũng như tuyển chọn, đào tạo lực lượng vận động viên gặp nhiều khó khăn. Mức độ xã hội hóa phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, địa phương, giữa thành thị và nông thôn. Cơ chế chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa hoạt động TDTT còn thiếu và chưa đồng bộ nên trong tổ chức thực hiện bộc lộ sự lúng túng, hiệu quả mang lại thấp... Hoạt động của các Liên đoàn, Hội Thể thao cấp tỉnh chưa thực sự hiệu quả và đi vào chiều sâu do mới được thành lập, kinh phí hoạt động còn hạn chế...

Hiện nay trên địa bàn thành phố Đồng Hới không có nhà thi đấu nào đủ tiêu chuẩn để tổ chức các sự kiện thể thao mỗi khi có sự tác động của thời tiết, do đó ảnh hưởng đến việc huấn luyện cũng như tổ chức các giải thi đấu chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao thành phố nhằm phục vụ nhu cầu giải trí, thể dục thể thao cho nhân dân, vừa là nơi luyện tập thể thao thành tích cao của đội tuyển thể thao cấp huyện và tổ chức thi đấu các bộ môn thể thao trong nhà mang tính cấp huyện và khu vực là rất cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân trong huyện.

2.1.4. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện Dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội của khu vực

Việc lựa chọn địa điểm thực hiện Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới là hết sức phù hợp, nhằm tạo cơ sở, nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của phường Đức Ninh Đông nói riêng và thành phố Đồng Hới nói chung. Tạo cơ hội phát triển nhanh và toàn diện hơn, tạo đà tiếp tục đầu tư mạnh mẽ hơn nữa nhằm phát huy những yếu tố tiềm năng, phát triển kinh tế - xã hội của phường Đức Ninh Đông.

2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

2.2.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

a. Dữ liệu về hiện trạng môi trường: Hiện tại trong khu vực dự án chưa có thống kê, dữ liệu nào về hiện trạng môi trường không khí, nước....Theo thực tế thì trong khu vực dự án và các vị trí tiếp giáp chủ yếu là ruộng lúa nên hiện trạng môi trường không bị tác động nhiều.

b. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật: Theo như điều tra khảo sát thực tế của đơn vị tư vấn thì hiện trên khu vực dự án chủ yếu là:

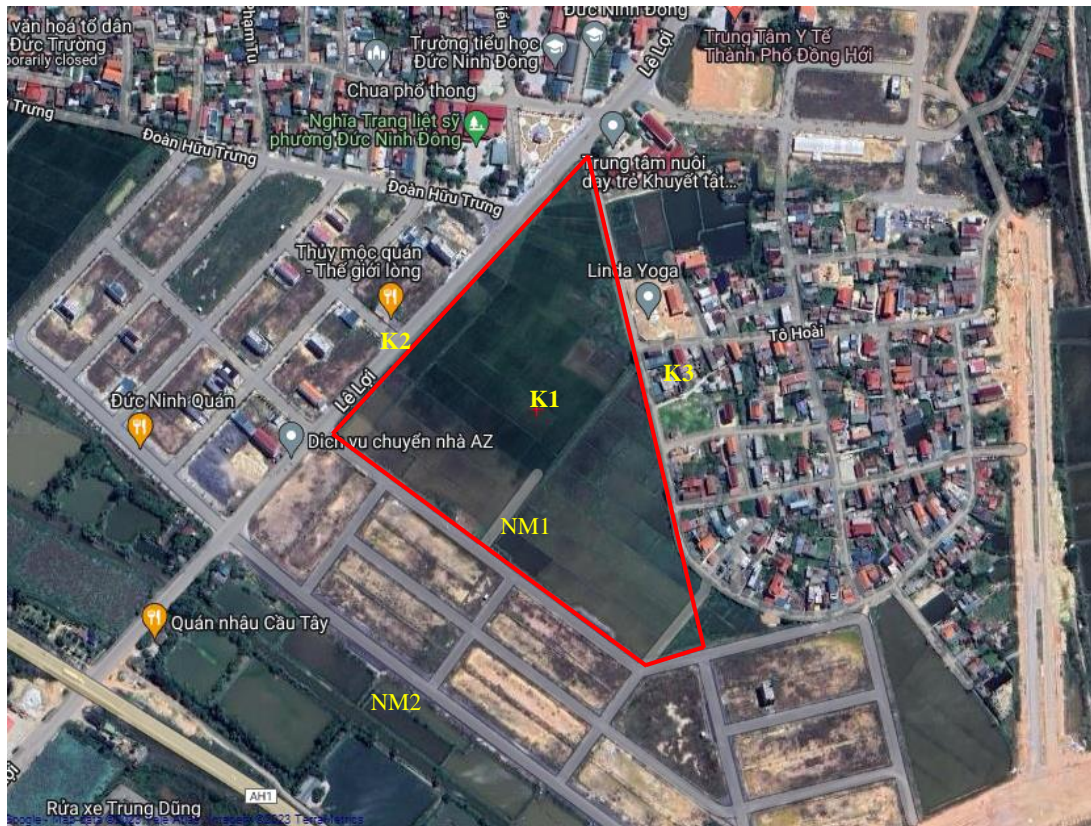
- Động vật: Động vật trên cạn chủ yếu là các loài gia cầm như gà, vịt; các chim nhỏ như chim sẻ, chim sâu,... và các loài bò sát da trơn như tắc kè, thằn lằn, rắn. Động vật dưới nước chủ yếu là các loài cá nhỏ, cá chép, cá trắm,... ở các hồ nuôi.

- Thực vật: Hầu hết là đất canh tác lúa nước nên thực vật ở đây chủ yếu là lúa, cây bụi thấp và một số cây gỗ nhỏ, mọc thưa, thảm cỏ.

Nhìn chung, số lượng và chủng loại các loài động thực vật trong khu vực rất nghèo nàn cả về thành phần và chủng loại, trong đó, không có các loài quý hiếm nằm trong danh mục cần được bảo vệ.

2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí

Để đánh giá chất lượng môi trường nền khu vực thực hiện Dự án làm cơ sở cho việc đánh giá tác động sau này khi dự án đi vào thi công, hoạt động, Chủ dự án đã phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng tiến hành lấy mẫu, phân tích đánh giá và đo tại hiện trường một số chỉ tiêu chất lượng môi trường không khí. Các vị trí lấy mẫu được mô tả ở hình sau:



Sơ đồ lấy mẫu khu vực dự án

*** Không khí**

- + K₁: Tại trung tâm khu vực thực hiện Dự án: Tọa độ X: 1930083.61; Y: 565591.19.
- + K₂: Tại tuyến đường Lê Lợi tiếp giáp phía Tây Bắc Dự án: Tọa độ X: 1930181.26; Y: 565489.45.
- + K₃: Tại khu dân cư phía Đông Bắc Dự án: Tọa độ X: 1930165.77; Y: 565689.22

*** Nước mặt**

- + NM₁: Tại mương nước trong khu vực Dự án: Tọa độ X: 19300002.88; Y: 565562.04
- + NM₂: Nước mặt tại khu vực công xã phía Tây Nam Dự án: Tọa độ X: 1929865.97; Y: 565487.62

a. Hiện trạng môi trường không khí: Chất lượng môi trường không khí xung quanh: Nguồn phát sinh ô nhiễm chủ yếu do phát tán khí thải, bụi của các phương tiện tham gia giao thông. Kết quả phân tích một số chỉ tiêu chất lượng môi trường không khí khu vực Dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 2.10. Chất lượng môi trường không khí, độ ồn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN
----	----------	--------	--------------------	------

			K1	K2	K3	05:2013/BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	32,0	31,8	32,1	-
2	Độ ẩm	%	80	82	79	-
3	Tốc độ gió	m/s	2,2	2,1	1,9	-
4	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,107	0,112	0,119	0,3
5	NO ₂	mg/m ³	0,064	0,071	0,064	0,2
6	CO ^(*)	mg/m ³	3,03	3,19	3,44	30
7	SO ₂ ^(*)	mg/m ³	0,062	0,070	0,064	0,35
8	Độ ồn	dBA	60,2	60,5	61,3	70⁽¹⁾

(Nguồn: Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng)

Ghi chú:

- Thời gian lấy mẫu: 7h30 – 11h30 ngày 22/03/2023

- Vị trí lấy mẫu:

+ K₁: Tại trung tâm khu vực thực hiện Dự án: Tọa độ X: 1930083.61; Y: 565591.19.

+ K₂: Tại tuyến đường Lê Lợi tiếp giáp phía Tây Bắc Dự án: Tọa độ X: 1930181.26; Y: 565489.45.

+ K₃: Tại khu dân cư phía Đông Bắc Dự án: Tọa độ X: 1930165.77; Y: 565689.22

Dấu "-": Không quy định;

- Quy chuẩn so sánh

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt: Kết quả phân tích một số chỉ tiêu chất lượng môi trường nước mặt khu vực Dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 2.13. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B ₁
			NM1	NM2	
1	pH	-	6,81	6,81	5,5-9
2	DO	mg/l	5,02	5,02	≥ 4
3	TSS ^(*)	mg/l	21	21	50
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	13,9	13,9	15
5	COD	mg/l	26	26	30
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,34	0,34	0,9
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	0,36	0,36	10
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	0,16	0,16	0,3
9	Sắt (Fe)	mg/l	0,23	0,23	1,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B ₁
			NM1	NM2	
10	Nitrit (tính theo N)	mg/l	0,013	0,013	0,05
11	Mangan (Mn)	mg/l	0,28	0,28	0,5
12	Crom(VI)	mg/l	0,5	0,5	0,04
13	Coliform ^(*)	MPN/ 100ml	2.900	2.900	7.500

(Nguồn: Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng)

Ghi chú:

- Thời gian lấy mẫu: Ngày 01/08/2022

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM₁: Tại mương nước trong khu vực Dự án: Tọa độ X: 19300002.88; Y: 565562.04

+ NM₂: Nước mặt tại khu vực công xã phía Tây Nam Dự án: Tọa độ X: 1929865.97; Y: 565487.62

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (Cột B₁ - Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂).

Nhận xét: Chất lượng môi trường khu vực chưa có dấu hiệu ô nhiễm, nguồn nước mặt đáp ứng nhu cầu sử dụng phục vụ nước sản xuất nông nghiệp.

2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Quá trình khảo sát, điều tra hiện trạng hệ sinh thái tự nhiên khu vực dự án cho thấy hệ sinh thái nằm trên vùng canh tác nông nghiệp có địa hình bằng phẳng, chỉ có các ruộng lúa xung quanh, do đó hệ sinh thái đặc trưng bởi các loại cây trồng, vật nuôi,... sản xuất nông nghiệp.

* **Về thực vật:** thảm thực vật khu vực này chủ yếu là lúa, rau muống, rau khoai, cây bụi thấp và một số cây gỗ nhỏ, mọc thưa, cỏ mọc tại các bờ ruộng, bờ mương.



Hiện trạng thực vật khu vực dự án

* **Về động vật trên cạn:** khu vực thực hiện dự án và vùng lân cận xung quanh không có động vật quý hiếm, chủ yếu là động vật nuôi của người dân như bò, heo, gà,...

và một số động vật nội đồng như rắn, chuột, ếch, nhái, bò sát, côn trùng, chim....

* **Về động vật dưới nước:** hệ sinh thái dưới nước khu vực này chủ yếu các loài cá đồng, tôm nhỏ xuất hiện tại các nương dẫn nước tưới tiêu, đồng ruộng,...

Số lượng và chủng loại các loài động thực vật trong khu vực không có các loài động vật quý hiếm nằm trong danh mục cần được bảo vệ.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Các đối tượng bị tác động bởi dự án:

- Dân cư: Khu dân cư tiếp giáp phía Đông Bắc, phía Tây Bắc dự án trên tuyến đường Nguyễn Phong Sắc, Lê Lợi và cộng đồng dân cư trên các tuyến đường vận chuyển, đặc biệt trên đường Lê Lợi.

- Các tuyến đường vận chuyển: Dự án nằm cạnh tuyến đường Lê Lợi bề rộng 15m. Đây là tuyến đường chịu tác động trong quá trình vận chuyển nguyên liệu xây dựng khi có lưu lượng xe cộ tập trung về dự án tăng cao, tải trọng 7 – 10 tấn trong quá trình thi công xây dựng.

Tuy nhiên với quy mô của dự án, mức độ tác động lên các đối tượng tương đối nhỏ và chỉ chịu ảnh hưởng chủ yếu trong giai đoạn thi công dự án.

Yếu tố nhạy cảm: Dự án thực hiện trên tổng diện tích 62.656,3m² là đất chuyên trồng lúa nước vì vậy cần thực hiện các phương án sử dụng lượng đất bóc hữu cơ và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.

2.4. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện Dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội của khu vực

Đức Ninh Đông là phường thuộc khu vực trung tâm thành phố, trong tương lai gần sẽ trở thành một khu đô thị mới văn minh, hiện đại nhất nhì thành phố Đồng Hới khi hàng loạt công trình quy mô lớn hình thành trên địa bàn phường như khu nhà ở thương mại tại trung tâm hành chính phường; hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư ven sông Lê Kỳ; khu đô thị mới Đông Nam, Tây Bắc đường Lê Lợi...

Vị trí Dự án đảm bảo kết nối đồng bộ về giao thông, cấp thoát nước, cấp điện sinh hoạt theo quy hoạch chi tiết Khu dân cư phía Đông Nam đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 08/8/2016.

Vị trí xây dựng trên diện tích đất ruộng lúa có năng suất canh tác thấp và thường xuyên bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết, mưa lũ.

Hệ thống giao thông hoàn chỉnh, thuận lợi: dự án nằm ngay trên tuyến đường Lê Lợi, đây là một trong các tuyến đường huyết mạch của thành phố Đồng Hới. Toàn bộ hệ thống đường cơ bản hoàn chỉnh, định hướng quy hoạch mở rộng, phục vụ phương tiện đến tham gia hoạt động thể dục thể thao.

Vì vậy, việc lựa chọn địa điểm thực hiện Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới là hết sức phù hợp, góp phần tạo không gian cảnh quan đô thị theo định hướng chung của phường và thành phố.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai dự án

3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn chuyển đổi mục đích sử dụng đất

a. Tác động đến kinh tế - xã hội do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đền bù GPMB

Khu đất được giao để lập dự án có nguồn gốc chủ yếu là đất trồng lúa. Hiện trạng khu vực lập dự án là ruộng lúa đã thu hoạch với thảm thực vật chủ yếu như: bụi cây nhỏ, cỏ dại,... và trong khu vực lập dự án chưa có các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Chủ dự án đang thực hiện thống kê, lên phương án đền bù GPMB với các chủ sở hữu đất và tài sản trên đất. Tất cả các hộ dân bị ảnh hưởng đều đã có nhà ở ổn định ở các khu vực khác, tuy nhiên hoạt động sản xuất nông nghiệp trên khu đất Dự án cũng là một trong các nguồn thu nhập chính của các hộ này nên việc thu hồi đất rất có thể ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân. Cho nên hoạt động đền bù nếu không thực hiện tốt và không có kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho các hộ dân thì có thể gây ra các mâu thuẫn xã hội không đáng có.

Việc tổ chức bồi thường GPMB phải được tính toán và phối hợp thực hiện một cách đồng bộ, nghiêm túc, khoa học giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương để hạn chế những tác động xấu có thể xảy ra khi triển khai thực hiện dự án.

b. Tác động về mục đích sử dụng đất

Khi dự án triển khai sẽ sử dụng diện tích các loại đất trồng lúa hình thành trung tâm văn hóa thể thao do đó làm thay đổi hoàn toàn mục đích sử dụng đất của khu vực. Đất dự kiến thu hồi phục vụ cho dự án chủ yếu có giá trị kinh tế không lớn và thường bị rủi ro trong quá trình sản xuất do mưa bão, lũ lụt.

Dự án hình thành và đi vào hoạt động sẽ là điểm nhấn cho phường, phù hợp với quy hoạch chi tiết của phường đã được phê duyệt, đáp ứng nhu cầu của địa phương, của thành phố và có ý nghĩa rất quan trọng đối với kinh tế - xã hội của khu vực. Góp phần đưa thị phường Đức Ninh Đông trở thành một khu đô thị mới văn minh, hiện đại nhất nhì thành phố Đồng Hới.

3.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình giải phóng mặt bằng

- Tổ chức các cuộc họp phổ biến, tham vấn ý kiến cộng đồng về dự án, nhằm nâng cao sự hiểu biết của người dân về dự án, về sự cần thiết, những lợi ích của dự án, về tính hợp lý của việc bồi thường giải phóng mặt bằng,...;

- Thực hiện công tác kiểm định, bồi thường: Việc kiểm định và bồi thường áp dụng theo các nguyên tắc, quy định của UBND tỉnh Quảng Bình đối với từng hạng mục cụ thể và căn cứ theo các quyết định sau:

+ Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành Quy định mức bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

+ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành Quy định mức bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản, phần lãng, mộ và chi phí di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

+ Các văn bản khác có liên quan của UBND tỉnh Quảng Bình chỉ đạo trong quá trình triển khai dự án.

- Trình tự thực hiện công tác bồi thường:

+ Đối với hộ giải tỏa khi nhận được Quyết định thu hồi đất, bảng kiểm định khối lượng, bản vẽ mặt bằng bị giải tỏa, bảng tính giá trị thiệt hại để tự kiểm tra đối chiếu giữa khối lượng kiểm định, đơn giá bồi thường, hỗ trợ so với thực tế. Trong thời gian quy định kể từ khi nhận được các văn bản nêu trên, nếu hộ giải tỏa không có kiến nghị gì khác, thì Ban giải tỏa đền bù gửi Thông báo nhận tiền bồi thường và phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan tiếp nhận mặt bằng từ các hộ giải tỏa bàn giao.

+ Các hộ giải tỏa phát hiện còn thiếu sót khối lượng kiểm định, áp giá bồi thường thì viết đơn kiến nghị thẩm tra gửi UBND thành phố Đồng Hới hoặc Ban giải tỏa đền bù để thành lập tổ công tác phúc tra, bổ sung khối lượng. Thành viên tổ công tác gồm: Đại diện thôn, UBND phường Đức Ninh Đông, UBND thành phố Đồng Hới và cán bộ Ban giải tỏa đền bù, cán bộ Ban Quản lý dự án thành phố.

+ Các khiếu nại, kiến nghị về chính sách bồi thường thiệt hại sẽ được Ban giải phóng mặt bằng tổng hợp báo cáo đề xuất các cấp có thẩm quyền của UBND thành phố, UBND tỉnh giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Thông báo công khai phương án bồi thường để người dân biết trước khi tiến hành công tác bồi thường và niêm yết danh sách về số người và kinh phí bồi thường tại trụ sở UBND phường;

- Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất:

Người bị thu hồi đất đang sử dụng đất (hợp pháp) vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao lại đất có cùng mục đích sử dụng (nếu có), nếu có sự chênh lệch về diện tích hoặc giá trị thì người bị thu hồi đất được bồi thường thêm bằng tiền. Nếu không có đất để bồi thường, thì được bồi thường bằng tiền theo giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

- Phương án bồi thường, hỗ trợ về cây cối

Đối với cây trồng, mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây (bao gồm toàn bộ chi phí đầu tư ban đầu và chi phí chăm sóc đến thời điểm thu hồi đất trừ đi giá trị đã thu hồi (nếu có)).

- Đối với các đối tượng khác (nếu có): Thực hiện đền bù giải pháp đền bù, di dời theo đúng quy định của pháp luật và sự đồng thuận của các bên liên quan. Chỉ khi nào công tác thu hồi và bồi thường được tiến hành xong và có biên bản ký nhận giữa chủ đầu tư, người được bồi thường và chính quyền địa phương đồng thời hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật thì chủ đầu tư mới được tiến hành GPMB để thi công các hạng mục dự án.

3.2. Đánh giá dự báo tác động trong giai đoạn tiến hành thi công xây dựng

3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động

Hoạt động thi công dự án sẽ làm phát sinh bụi, khí thải và các chất thải ra môi trường xung quanh, gây ảnh hưởng đến các yếu tố môi trường tự nhiên và môi trường xã

hội của khu vực (đây là giai đoạn gây tác động tiêu cực nhất trong cả quá trình thực hiện dự án). Các tác động này mang tính chất liên tục và kéo dài trong suốt thời gian thi công. Các nguồn gây tác động trong giai đoạn này được tóm tắt và trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.1. Tóm tắt các nguồn gây tác động trong giai đoạn thi công

TT	Hoạt động tạo nguồn gây tác động	Nguồn gây tác động
I	<i>Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải</i>	
1	Hoạt động đào móng, bóc đất hữu cơ, san nền	Bụi, khí thải, chất thải rắn, mùi hôi
2	Hoạt động vận chuyển đất, cát vật liệu xây dựng đến công trường	Bụi, khí thải động cơ, chất thải rắn
3	Hoạt động thi công các hạng mục dự án	Bụi, khí thải động cơ, chất thải rắn
4	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	Nước thải, mùi và chất thải rắn sinh hoạt
5	Nước mưa chảy tràn	Chất bẩn từ bề mặt khu vực
II	<i>Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải</i>	
1	Hoạt động thi công xây dựng	Tiếng ồn, độ rung, an toàn lao động trên công trường
2	Hoạt động vận chuyển nguyên liệu	Tiếng ồn, độ rung, gia tăng lưu lượng các phương tiện trên đường, ảnh hưởng đến lưu thông của người dân khu vực và các sự cố mất an toàn giao thông.
3	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	Lây lan dịch bệnh, mâu thuẫn xã hội

A. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

3.2.1.1 Nguồn tác động đến môi trường không khí

a. Nguồn phát sinh

Quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường không khí khu vực chủ yếu phát sinh từ các nguồn sau:

- Bụi, khí thải trong quá trình giải phóng mặt bằng;
- Bụi phát sinh trong quá trình đào bóc hữu cơ, san nền;
- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển đất bóc bề mặt, đất cát san nền, nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án;
- Bụi phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục dự án;
- Khí thải phát sinh của thiết bị, máy móc phục vụ thi công dự án;
- Khí thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Dự báo tải lượng và mức độ tác động

*** Đối với bụi phát sinh trong quá trình san lấp mặt bằng**

Khu vực dự án có hiện trạng chủ yếu là ruộng lúa. Do đó, trước khi thi công các hạng mục dự án, sẽ tiến hành bóc nền đất hữu cơ và thực vật hiện hữu trên toàn bộ dự án. Với đặc điểm lớp đất này có độ ẩm cao nên hoạt động đào nền đất hữu cơ hầu như không

gây bụi. Hoạt động gây bụi lớn nhất tại công trình phát sinh từ quá trình san lấp với khối lượng đất, cát lớn.

Theo hồ sơ thiết kế dự án, ước tính tổng khối lượng đất hữu cơ bóc bỏ và đất, cát đắp nền được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.2. Bảng khối lượng bóc hữu cơ san nền

TT	Hạng mục	Khối lượng (m ³)	Khối lượng (tấn)	Ghi chú
1	Khối lượng bóc hữu cơ	17.556,44	24.579	
2	Khối lượng cát đắp trả	17.556,44	24.579	
3	Đất đắp	108.781,31	152.293,8	
I	Tổng	143.894,1	201.451,8	

Nguồn: Hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án

Ghi chú: 1m³ đất cát ≈ 1,4 tấn;

Vậy tổng khối lượng đào, đắp trong quá trình san nền, làm đường của dự án khoảng **143.894,1m³ ≈ 201.451,8** tấn (trong đó có khoảng 24.579 tấn khối lượng đất hữu cơ dự báo có độ ẩm lớn nên khả năng phát sinh bụi không đáng kể). Thời gian thi công hạng mục san nền ước tính khoảng 180 ngày.

* *Tính nồng độ bụi phát sinh*

Theo tài liệu “*Environment assessment sourcebook, volume II, sectorial guidelines, environment, Word Bank, Washington D.C, 8/1991*”, hệ số ô nhiễm được tính theo công thức sau:

$$E = k \times 0,0016 \times (U/2,2)^{1,4} / (M/2)^{1,3}$$

Trong đó:

- + E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất);
- + k: Cấu trúc hạt, có giá trị trung bình 0,35;
- + U: Tốc độ gió lớn nhất, U = 2,5 m/s;
- + M : Độ ẩm trung bình của vật liệu, M = 20%;

Tính toán có được hệ số ô nhiễm bụi: E = 0,013 kg/tấn.

Tổng khối lượng đất san ủi để tạo mặt bằng dự án là **152.293,8** tấn.

Thời gian san nền dự kiến là 180 ngày, mỗi ngày làm việc 8 giờ.

=> Khối lượng đất san nền trung bình là: 366,5 tấn/ngày.

=> Lượng bụi phát sinh từ quá trình san nền là:

$$M_{\text{bụi}} = 366,5 \text{ tấn/ngày} \times 0,013 \text{ kg/tấn} = 4,76 \text{ kg/ngày} \approx 0,165 \text{ g/s} \approx 165 \text{ mg/s}$$

Bụi sinh ra trong quá trình đào đắp, san ủi phát tán trên diện tích rộng nên có thể áp dụng mô hình khuếch tán nguồn mặt để tính toán nồng độ bụi. Khối không khí tại khu vực san lấp được hình dung như một hình hộp với các kích thước chiều dài L (m), chiều rộng W (m) và chiều cao H (m), một cạnh đáy của hình hộp không khí song song với hướng gió. Giả sử luồng gió thổi vào hộp là không ô nhiễm và không khí tại công trường vào thời điểm chưa thi công là sạch thì nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 01 giờ được tính theo công thức:

$$C = \frac{E_s \cdot L}{u \cdot H} (1 - e^{-uL/H})$$

Trong đó:

+ C : Nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 1 giờ (mg/m^3);

+ E_s : Lượng phát thải ô nhiễm tính trên đơn vị diện tích;

$$E_s = M_{\text{bụi}} / (L \times W) \quad (\text{mg}/\text{m}^2 \cdot \text{s})$$

+ $M_{\text{bụi}}$ - tải lượng bụi (mg/s); $M_{\text{bụi}} = 165 \text{ mg}/\text{s}$.

+ U: Tốc độ gió lớn nhất thổi vuông góc với một cạnh của hộp không khí (m/s), lấy $u = 2,5 \text{ m}/\text{s}$;

+ H: Chiều cao xáo trộn (m), lấy $H = 10 \text{ m}$;

+ L, W: Chiều dài và chiều rộng của hộp khí (m).

(Nguồn: Trần Ngọc Chấn, 2001, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, tập 3, NXB KH&KT, Hà Nội).

Kết quả tính toán nồng độ bụi phát tán theo chiều dài (L) và chiều rộng (W) của hộp không khí được trình bày trong bảng sau:

Nồng độ bụi phát tán trong không khí do hoạt động đào, đắp đất			
L (m)	W (m)	Nồng độ C (mg/m^3)	QCVN 05:2013/BTNMT
1	1	6.058	0,3
2	2	2.355	
5	5	0.519	
7	7	0.283	
14	14	0.077	
27	27	0.022	
33	33	0.015	
87	87	0.002	
100	100	0.002	

Ghi chú: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật QG về chất lượng không khí xung quanh

Theo kết quả đã tính toán với giả thiết ở trên, trong phạm vi 100m nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,002 – 6,05 mg/m^3 . Nồng độ tại điểm đào, đắp trong vòng 1m phát sinh bụi với nồng độ lớn, từ phạm vi 7m trở đi nồng độ bụi nhỏ hơn 0,3 mg/m^3 . So sánh với QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (quy định nồng độ bụi lơ lửng cho phép trung bình giờ là $\leq 0,3 \text{ mg}/\text{m}^3$) cho thấy bụi phát sinh trong khu vực có hoạt động đào đắp và gần đó theo hướng gió thì nồng độ sẽ vượt nồng độ cho phép của quy chuẩn nhiều lần nhưng với đặc tính bụi có kích thước lớn, dễ lắng đọng nên ngoài phạm vi 7 m thì nồng độ bụi nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

Ngoài tính toán liên quan đến khối lượng và diện tích thi công như trên, nồng độ bụi

còn phụ thuộc vào biện pháp thi công, thời gian thi công, tính chất của đất và đặc điểm thời tiết cụ thể tại từng thời điểm. Nhìn chung, nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp nền sẽ gây ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí. Tuy nhiên, các hạng mục công trình thường thi công vào những giai đoạn khác nhau và thường không phải tập trung ở một nơi mà phân tán trên mặt bằng dự án, do đó nồng độ thực tế sẽ thấp hơn so với tính toán lý thuyết. Nồng độ bụi cao tập trung chủ yếu ở khu vực có hoạt động xây dựng, đào đắp, san gạt. Việc phát sinh bụi này chỉ diễn ra trong thời gian thi công và sẽ kết thúc khi quá trình XD/CB hoàn tất.

Đối tượng chịu tác động chính trong giai đoạn san nền chủ yếu là công nhân làm việc tại công trường, người dân đi lại tuyến đường Lê Lợi và đặc biệt là khu dân cư dọc tuyến đường Nguyễn Phong Sắc.

* **Bụi, khí thải phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển**

Trong quá trình xây dựng, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu như đất, đá, sắt, thép, xi măng,... đến công trường sẽ làm phát sinh bụi, khí thải trên các tuyến đường vận chuyển. Nồng độ chất thải phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như khối lượng nguyên vật liệu, loại phương tiện, cự ly vận chuyển, mật độ, tốc độ phương tiện lưu thông, chất lượng nền đường, thời tiết,...

Theo các nội dung trình bày tại chương 1, khối lượng vật liệu xây dựng cần vận chuyển vào dự án khoảng 79.490,5 tấn với khối lượng đất đá lớn, chủ yếu đi trên tuyến đường Lê Lợi, đường phía Tây Nam dự án thuộc khu dân cư phía Đông Nam đường Lê Lợi, thời gian thi công dự án khoảng 360 ngày, phương tiện vận chuyển chủ yếu sử dụng các loại xe vận tải < 10 tấn. Nồng độ chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển được dự báo như sau:

• *Bụi phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển:* Theo Air Chief, Cục Môi trường Mỹ - 1995, hệ số phát thải bụi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu được tính theo công thức sau:

$$E_2 = 1,7 \times k \times \frac{s}{12} \times \frac{S}{48} \times \left(\frac{W}{2,7}\right)^{0,7} \times \left(\frac{w}{4}\right)^{0,5} [(365-p)/365]$$

Trong đó:

- + E₂: Hệ số phát thải bụi (kg/km.xe)
- + k: Hệ số liên quan kích thước bụi (chọn k = 0,3 cho bụi có kích thước 5 - 10µm)
- + s: Hệ số liên quan đến mặt đường (chọn hệ số trung bình s = 1,6).
- + S: Tốc độ trung bình của xe (chọn S = 40 km/h)
- + W: Tải trọng xe (chọn W = 10 tấn)
- + w: Số bánh xe (chọn w = 6 bánh)
- + p: Theo tài liệu khí tượng thủy văn Quảng Bình thì số ngày mưa trung bình năm ở khu vực là 124 ngày, chọn p = 124.

Kết quả tính toán được hệ số phát sinh bụi do xe vận chuyển nguyên vật liệu là E₂ = 0,09 kg/km.xe.

• *Khối lượng vận chuyển:* Ước tính tổng khối lượng vật liệu phục vụ thi công các hạng mục dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.5. Ước tính tổng hợp khối lượng thi công các hạng mục của dự án

TT	Chủng loại	Khối lượng	Khối lượng (tấn)	Chiều dài vận chuyển (km)	Xe sử dụng vận chuyển	Tổng chiều dài vận chuyển (km)
1	Đất đắp K85	40.443,2 m ³	56.620,5	12	10	67944.6
2	Đất đắp K98	2.639 m ³	3.694,6	12		4433.52
3	Cát đắp	6.679 m ³	9.350,6	7		6545.42
4	Đá các loại	4.741 m ³	7.585,6	15		11378.4
5	Xi măng		150	5		75
6	Sắt thép		1.200	5		0.6
7	Gạch	269.280 viên	404	5		202
8	Ống cống BTCT	30m	4,86	5		2.43
9	Ống nhựa HDPE	380m	0,5	5		0.25
10	Hồ ga các loại	24	12	5		6
11	Các vật tư khác + hệ số phát sinh	5% VLXD	467,8	5		233.9
Tổng			79.490,5			90822.1

- Khối lượng bóc hữu cơ được tận dụng phục vụ cho các khu đất cây xanh của dự án nên không có quá trình vận chuyển.

• Ước tính số chuyến xe và tải lượng bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển như sau:

Khối lượng (tấn)	Số chuyến xe (chuyến)	Hệ số ô nhiễm (kg/km/lượt xe)	Tải lượng (kg/km)
79.490,5	7.950	0,09	1.431

Ước tính thời gian vận chuyển nguyên vật liệu 180 ngày và vận tốc vận chuyển của xe là 40km/h, sử dụng xe ≤ 10 tấn.

Tải lượng bụi từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng như sau:

$$E_1 = 1.431 * 10^6 / (10^3 * (180 * 8 * 60 * 60)) = 0,276\text{mg/m.s}$$

Để đánh giá bụi trong giai đoạn vận chuyển đất ta áp dụng mô hình tính toán Sutton – xác định nồng độ chất ô nhiễm tại một điểm bất kỳ. Nồng độ của chất ô nhiễm tính toán theo công thức như sau:

$$C = \frac{0.8E_1 \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\delta_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\delta_z^2} \right] \right\}}{\delta_z u}$$

Trong đó:

+ C: nồng độ bụi trong không khí (mg/m³).

+ E_1 : tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/m.s); (trong trường hợp vận tốc xe trung bình 40 km/h): $E_1 = 0,276$ mg/m.s;

+ z: độ cao của điểm tính toán: 1 (m).

+ h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh: 0,5 (m).

+ u: Tốc độ gió trung bình tại khu vực 2,5 (m/s).

+ x: tọa độ điểm cần tính (m).

Kết quả tính toán được thể hiện ở Bảng dưới đây:

Bảng 3.6: Nồng độ bụi trong không khí

Độ cao	E (mg/m.s)	Nồng độ bụi ở khoảng cách x (mg/m ³)							
		1	2	3	5	10	30	50	100
δ_z		0.53	0.87	1.18	1.71	2.84	6.34	9.21	15.3
1	0,276	0.1098	0.1090	0.1018	0.0846	0.0577	0.0274	0.0190	0.0115
2		0.0030	0.0246	0.0413	0.0529	0.0482	0.0264	0.0187	0.0114

Qua bảng tính ở trên ta thấy, dự báo nồng độ bụi tại các điểm cách phương tiện vận tải theo phương ngang trên tuyến đường vận chuyển nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (nồng độ bụi cho phép là $\leq 0,3\text{mg/m}^3$). Tuy nhiên, tại độ cao 1m, theo phương ngang trong phạm vi 5m, nồng độ bụi cuốn phát sinh khá cao (0,1 – 0,08mg/m³) vì vậy nếu không có các biện pháp giảm thiểu trong quá trình vận chuyển, hàm lượng bụi, đất, cát rơi khắp bề mặt tuyến đường càng ngày càng lớn dẫn đến hệ số phát sinh bụi do cuốn theo bánh xe sẽ tăng lên và nồng độ bụi sẽ vượt mức quy chuẩn cho phép. Nên đặc biệt cần có các biện pháp vệ sinh, che chắn, phun ẩm để giảm thiểu tác động này đến dân cư khu vực và môi trường xung quanh các tuyến đường vận chuyển.

Đối tượng chịu tác động chính là công nhân thi công, người tham gia giao thông và cộng đồng dân cư, công trình trụ sở hai bên tuyến đường vận chuyển.

Mức độ tác động: Lớn (nếu không thực hiện các biện pháp giảm thiểu).

Thời gian chịu tác động: Trong suốt quá trình thi công.

• Bụi do gió cuốn hay rung động tác động lên nguyên vật liệu vận chuyển ở thùng xe và đất, cát dính bám bánh xe

Với khối lượng đất đắp, cát để san nền và thi công xây dựng các hạng mục của dự án lớn nên số lượng xe vận chuyển ra vào khu vực dự án nhiều. Đặc điểm đất, cát san đắp thường dễ rơi vãi do rung lắc và bám dính vào lốp xe vào lúc thời tiết khu vực có mưa.

Trong quá trình thi công dự án, xe vận chuyển ra, vào công trình mang theo một lượng bùn đất bám theo bánh xe và lượng đất cát rơi từ thùng xe rải dọc tuyến đường từ khu vực dự án ra đường Lê Lợi sau đó đi đến các tuyến đường khác trong khu vực.

Vào mùa khô, lớp đất bề mặt cuốn theo bánh xe làm phát sinh bụi gây cảm giác khó chịu, ảnh hưởng đến tầm nhìn của người tham gia giao thông trên các tuyến đường. Lượng bụi này dễ bị cuốn theo gió, bám trên thực vật, các nhà dân sống dọc tuyến đường gần dự án. Vào mùa mưa lượng đất này dính bám vào mặt đường gây mất vệ sinh môi trường, làm cho đường giao thông trơn trượt gây mất an toàn cho người dân khi lưu thông.

Tải lượng và nồng độ nguồn bụi này phụ thuộc rất nhiều vào tình trạng vệ sinh bánh xe, các biện pháp che chắn thùng xe, tốc độ của các xe vận chuyển và điều kiện thời tiết do đó, nhà thầu cần áp dụng các biện pháp quản lý đối với tải xế, đơn vị vận tải. Nếu thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh, phun ẩm, che phủ thùng xe khi vận chuyển thì nồng độ bụi sẽ được giảm thiểu. Do đó, chủ đầu tư cần phối hợp với đơn vị giám sát yêu cầu nhà thầu thi công đặc biệt quan tâm đến các biện pháp để hạn chế tác động đến môi trường không khí trên các tuyến đường vận chuyển.

• *Khí thải động cơ chủ yếu là các khí CO, NO₂, SO₂ và VOC_s phát sinh từ hoạt động của các loại xe tham gia vận chuyển*

Khối lượng nguyên vật liệu cần phục vụ cho quá trình thi công xây dựng Dự án sẽ được vận chuyển bằng ô tô với tải trọng từ 5 - 10 tấn, sử dụng nguyên liệu dầu diesel. Hàm lượng lưu huỳnh (S) trong dầu diesel là 0,05%. Quãng đường vận chuyển đến nơi tiêu thụ ước tính trung bình khoảng 10km. Ước tính tổng quãng đường vận chuyển khoảng 90.822,1 km/thời gian vận chuyển. Thời gian vận chuyển ước tính khoảng 180 ngày/thời gian thi công.

Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập đối với các loại xe vận tải sử dụng dầu diesel có công suất 3,5 - 16,0 tấn, ước tính lượng khí thải sinh ra do hoạt động giao thông phục vụ cho Dự án (với tốc độ vận chuyển trung bình 35 - 40km/h) như sau:

Bảng 3.7. Tải lượng các chất ô nhiễm không khí sinh ra từ hoạt động vận tải phục vụ thi công xây dựng Dự án

Hệ số phát thải bụi đất và khí thải từ hoạt động vận chuyển				
Loại xe (tấn)	Hệ số phát thải (kg/1000km)			
	Bụi khói	SO ₂	NO ₂	CO
3,5 – 16	0,9	4,15S	14,4	2,9
	Tải lượng (mg/m.s)			
	0,041	0,009	0,66	0,13

(Nguồn: Đánh giá nguồn ô nhiễm không khí, nước và đất - WHO 1993)

Ghi chú: S: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu diesel là 0,05%.

Ước tính tương đối tại từng thời điểm nhất định, ở một điểm phát sinh xác định trên tuyến đường vận chuyển, nguồn phát sinh được xem là một nguồn điểm. Khi đó, nồng độ phát tán các khí thải ra môi trường được xác định theo công thức:

$$C(x,0) = 0,8 \times E \{ \exp[-(z+h)^2/2\sigma_z^2] + \exp[-(z-h)^2/2\sigma_z^2] \} / (\sigma_z \cdot u)$$

Trong đó:

- + C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất, mg/m³;
- + M: Tải lượng nguồn thải (mg/m/s)
- + x: Khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải (km), tính theo chiều gió.
- + u: Tốc độ gió trung bình của khu vực, m/s (chọn u = 2,4m/s).
- + h: Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m) h = 0,5m;
- + σ_z : hệ số khuếch tán theo phương x (m). Đối với nguồn đường giao thông thì hệ

số σ_z thường được xác định theo công thức Slade phụ thuộc vào cấp độ ổn định khí quyển. Với độ ổn định khí quyển loại B: $\sigma_z = 0,53 \cdot x^{0,73}$

Bảng 3.8. Nồng độ khí thải ở các khoảng cách khác nhau trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công từ một điểm phát sinh trên tuyến

Đơn vị: mg/m^3

Nồng độ bụi khói và khí thải từ hoạt động vận chuyển						
Chất ô nhiễm	Khoảng cách x (m)	Nồng độ (mg/m^3)				QCVN 05:2013/BTNMT
		z = 0,5	z = 1	z = 1,5	z = 2	
Bụi khói	1	0.0289	0.0163	0.0042	0.0005	0,3
	2	0.0229	0.0162	0.0089	0.0037	
	3	0.0189	0.0151	0.0104	0.0061	
	5	0.0141	0.0126	0.0103	0.0079	
	10	0.0090	0.0086	0.0079	0.0072	
SO ₂	1	0.0064	0.0036	0.0009	0.0001	0,35
	2	0.0050	0.0050	0.0019	0.0008	
	3	0.0041	0.0041	0.0023	0.0013	
	5	0.0031	0.0031	0.0023	0.0017	
	10	0.0020	0.0020	0.0017	0.0016	
NO ₂	1	0.4657	0.2626	0.0675	0.0073	0,2
	2	0.3682	0.2607	0.1427	0.0588	
	3	0.3040	0.2434	0.1675	0.0988	
	5	0.2276	0.2024	0.1664	0.1265	
	10	0.1443	0.1379	0.1279	0.1152	
CO	1	0.0917	0.0517	0.0133	0.0014	30
	2	0.0725	0.0514	0.0281	0.0116	
	3	0.0599	0.0479	0.0330	0.0195	
	5	0.0448	0.0399	0.0328	0.0249	
	10	0.0284	0.0272	0.0252	0.0227	

So sánh kết quả tính toán ở Bảng trên với QCVN 05:2013/BTNMT (ở cột nồng độ trung bình trong 1 giờ) cho thấy, ở độ cao 0,5m theo phương ngang từ nguồn thải, nồng độ NO₂ phát sinh từ phương tiện vận chuyển cao hơn so với giá trị quy định trong quy chuẩn. Đối với các điểm cách phương tiện vận tải từ 5m trở lên thì nồng độ khí thải này sẽ nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT. Các thành phần còn lại nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT.

Ở trên chỉ tính toán trong trường hợp tại một thời điểm nhất định và phương tiện vận chuyển được xem như nguồn thải đứng yên. Nhưng thực tế thì nồng độ chất ô nhiễm sẽ có sự cộng hưởng của dải khí thải từ các phương tiện lưu thông trên tuyến đường. Tuy nhiên, với con số tính toán ở bảng trên thì mức độ ô nhiễm do khí thải phương tiện vận chuyển không lớn, chỉ mang tính chất tức thời, gián đoạn, khí thải nhanh chóng pha loãng

trong môi trường do điều kiện thông thoáng nên dự báo sự cộng hưởng sẽ không làm tăng nồng độ và vượt quy chuẩn, nhất là ở vị trí sát lề đường đối với chất ô nhiễm NO₂, Bụi khói.

Đọc hai bên tuyến đường vận chuyển từ các vị trí cung ứng nguyên liệu đến khu vực thi công đi qua nhiều đoạn tập trung nhiều nhà dân, càng về gần khu vực dự án lưu lượng xe vận tải sẽ tăng lên (đặc biệt vào những giờ cao điểm) nên cũng cần phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu để hạn chế tác động từ khí thải nêu trên.

*** Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật dự án (cấp, thoát nước thải, điện chiếu sáng...)**

Trong quá trình xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dự án sẽ làm phát sinh lượng bụi nhất định. Tải lượng nguồn thải này khó tính toán được, phụ thuộc vào khối lượng các hạng mục cần thi công, thời tiết khu vực,.... Bụi chủ yếu phát sinh nhiều tại các vị trí đào hố móng, đào thi công hệ thống cống thu gom nước, tập kết nguyên vật liệu. Khi thời tiết khô hanh và có gió thì tải lượng bụi phát tán càng nhiều. Tuy nhiên, do khối lượng công việc không lớn, khối lượng thi công hạ tầng kỹ thuật theo từng khu vực, thi công theo hình thức cuốn chiếu nên dự báo phạm vi và mức độ ảnh hưởng của nguồn phát sinh này không đáng kể. Chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân lao động tại khu vực thi công.

*** Bụi phát sinh trong quá trình xây dựng các công trình**

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp móng

Quá trình xây dựng các công trình sẽ phát sinh bụi lớn nhất là trong công tác đào, đắp móng đặc biệt đối với nhà thi đấu có diện tích lớn, hệ thống thoát nước, hàng rào,.... Với diện tích các công trình của dự án, khối lượng đất đào trong công tác đào móng ước tính khoảng 2.000 m³ ≈ 4.800 tấn. Thời gian thi công thực hiện đào móng diễn ra trong khoảng 30 ngày.

*** Tính nồng độ bụi phát sinh**

Theo tài liệu “*Environment assessment sourcebook, volume II, sectorial guidelines, environment, Word Bank, Washington D.C, 8/1991*”, hệ số ô nhiễm được tính theo công thức sau:

$$E = k \times 0,0016 \times (U/2,2)^{1,4} / (M/2)^{1,3}$$

Trong đó:

- + E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất);
- + k: Cấu trúc hạt, có giá trị trung bình 0,35;
- + U: Tốc độ gió lớn nhất, U = 2,9 m/s;
- + M : Độ ẩm trung bình của vật liệu, M = 20%;

Tính toán có được hệ số ô nhiễm bụi: E = 0,016 kg/tấn.

Tổng khối lượng đất đào là 4.800 tấn.

Thời gian đào dự kiến là 30 ngày, mỗi ngày làm việc 8 giờ.

=> Khối lượng đất san nền trung bình là: 160 tấn/ngày.

=> Lượng bụi phát sinh từ quá trình san nền là:

$$M_{\text{bụi}} = 160 \text{ tấn/ngày} \times 0,016 \text{ kg/tấn} = 2,56 \text{ kg/ngày} \approx 0,08 \text{ g/s} \approx 80 \text{ mg/s}$$

Bụi sinh ra trong quá trình đào đắp, san ủi phát tán trên diện tích rộng nên có thể áp dụng mô hình khuếch tán nguồn mặt để tính toán nồng độ bụi.

Khối không khí tại khu vực san lấp được hình dung như một hình hộp với các kích thước chiều dài L (m), chiều rộng W (m) và chiều cao H (m), một cạnh đáy của hình hộp không khí song song với hướng gió. Giả sử luồng gió thổi vào hộp là không ô nhiễm và không khí tại công trường vào thời điểm chưa thi công là sạch thì nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 01 giờ được tính theo công thức:

$$C = \frac{E_s \cdot L}{u \cdot H} (1 - e^{-uL/H})$$

Trong đó:

+ C : Nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 1 giờ (mg/m³);

+ Es: Lượng phát thải ô nhiễm tính trên đơn vị diện tích:

$$E_s = M_{\text{bụi}} / (L \times W) \quad (\text{mg}/\text{m}^2 \cdot \text{s})$$

+ M_{bụi} - tải lượng bụi (mg/s), M_{bụi} = 129mg/s.

+ U: Tốc độ gió lớn nhất thổi vuông góc với một cạnh của hộp không khí (m/s), lấy u = 2,9 m/s;

+ H: Chiều cao xáo trộn (m), lấy H = 10 m;

+ L, W: Chiều dài và chiều rộng của hộp khí (m).

(Nguồn: Trần Ngọc Chấn, 2001, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, NXB KH&KT, Hà Nội).

Kết quả tính toán nồng độ bụi phát tán theo chiều dài (L) và chiều rộng (W) của hộp không khí được trình bày trong bảng sau:

Nồng độ bụi phát tán trong không khí do hoạt động đào, đắp đất			
L (m)	W (m)	Nồng độ C (mg/m³)	QCVN 05:2013/BTNMT
1	1	2.937	0,3
3	3	0.603	
5	5	0.252	
6	6	0.182	
14	14	0.037	
50	50	0.003	
75	75	0.001	
100	100	0.001	

Ghi chú: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Theo kết quả đã tính toán ở trên cho thấy, nồng độ bụi phát sinh vào thời điểm trời khô, có gió nhẹ và chưa có biện pháp giảm thiểu thì trong phạm vi <5m sẽ vượt quá phạm vi cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, còn từ 5m trở lên thì nằm trong phạm vi QCVN

05:2013/BTNMT.

Ngoài ra, tải lượng bụi phát sinh từ quá trình đào đất thi công móng phát sinh nhiều hay ít phụ thuộc vào các yếu tố: Phương pháp thi công, điều kiện thời tiết, độ ẩm của đất, tần suất và khối lượng thi công trong ngày,... và việc tuân thủ biện pháp phun ẩm trên bề mặt của đơn vị thi công. Vì vậy, cần phải thực hiện các phương án nhằm giảm thiểu tác động của bụi đến các đối tượng xung quanh.

Đối tượng chịu tác động chính trong giai đoạn thi công các công trình chủ yếu là công nhân làm việc tại công trường và các đối tượng trong phạm vi bán kính 5 m tính từ điểm phát sinh hoạt động đào móng thi công công trình.

*** Khí thải động cơ của phương tiện, máy móc thi công trên công trường**

Hoạt động thi công xây dựng của Dự án sẽ sử dụng khoảng 05 máy đào gầu nghịch, đây là phương tiện tiêu thụ nhiều nhiên liệu nhất với 65 lít dầu diesel/ca. Sự phát tán khí thải của phương tiện này được đánh giá cụ thể, không có tác động cộng hưởng.

Máy đào là phương tiện tiêu thụ nhiều nhiên liệu nhất với 65 lít dầu diesel/ca. Theo tài liệu của Tổ chức Y tế Thế giới, Hệ số phát thải (EFi) của thiết bị và máy loại động cơ diesel cố định dựa trên cơ sở lượng nhiên liệu tiêu thụ như sau:

Bảng 3.10. Hệ số phát thải của máy tham gia thi công sử dụng dầu diesel

Đơn vị: kg/lít

TT	Thiết bị / Khí thải	TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
1	Máy ủi, máy đào	0,00327	0,00374	0,031	0,0102	0,00228
2	Máy xúc	0,00177	0,00374	0,0343	0,0147	0,00158
3	Xe lu	0,0029	0,00373	0,0485	0,0226	0,0036
4	Cần cẩu	0,00361	0,00373	0,0441	0,0184	0,00404

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới)

Trên cơ sở khối lượng nhiên liệu tiêu thụ của máy đào và hệ số phát thải ở Bảng 3.10 cho thấy đây là thiết bị làm phát sinh chất ô nhiễm nhiều nhất. Do đó, tải lượng của các khí thải do hoạt động của máy đào sinh ra trong một ca máy có kết quả tính toán ở bảng sau:

Bảng 3.11. Tải lượng khí thải trên khu vực có tập trung thiết bị thi công

Thành phần	TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
Tải lượng kg/ca máy	0,3121	0,2090	2,0150	0,6330	0,1212
Tải lượng g/s	0,0108	0,0073	0,0700	0,0220	0,0042

Nồng độ phát tán các khí thải ra môi trường từ hoạt động của máy đào theo một chiều gió thổi được xác định theo công thức Gauss như sau:

$$C(x,0) = \frac{2.10 M}{\sqrt{2\pi\sigma_z u}} \text{EXP} \left[-\frac{1}{2} \left(\frac{H}{\sigma_z} \right)^2 \right] \quad [mg / m^3]$$

Trong đó:

+ C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất (mg/m³);

+ M: Tải lượng nguồn thải (g/s);

$$\text{Với } x \leq 1\text{km: } \sigma_z = 0,53 \cdot x^{0,73}$$

+ x: Khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải (km), tính theo chiều gió;

+ u: Tốc độ gió trung bình của khu vực (m/s), (chọn u=2,4 m/s);

+ h: Độ cao của điểm xả ống khói so với mặt đất xung quanh (m), chọn h=1m.

Thay số vào công thức trên ta có kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm ứng với các khoảng cách x được trình bày ở Bảng sau:

Bảng 3.12. Nồng độ các chất ô nhiễm do máy thi công tại khu vực công trường

Đơn vị: mg/m³

Kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm từ phương tiện giao thông					
Khoảng cách x (m)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/m³)				
	TSP	SO₂	NO_x	CO	VOCs
1	0,0281	0,0338	0,2810	0,0925	0,0205
2	0,0232	0,0270	0,2249	0,0740	0,0164
3	0,0189	0,0216	0,1798	0,0592	0,0131
5	0,0139	0,0156	0,1298	0,0427	0,0095
10	0,0079	0,0097	0,0804	0,0265	0,0059
20	0,0055	0,0059	0,0490	0,0161	0,0036
50	0,0029	0,0030	0,0252	0,0083	0,0018
100	0,0012	0,0018	0,0152	0,0050	0,0011
200	0,0009	0,0011	0,0092	0,0030	0,0007
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30	-

So sánh kết quả tính toán ở Bảng trên với QCVN 05:2013/BTNMT (ở cột nồng độ trung bình trong 1 giờ) cho thấy, bắt đầu ở khoảng cách 1m từ nguồn thải, nồng độ các khí thải trong ống khói của máy đào thấp hơn so với giá trị quy định trong quy chuẩn (riêng VOCs không có quy định ở QCVN 05:2013/BTNMT và ở QCVN 06:2009/BTNMT, chỉ có quy định cho từng chất hữu cơ dễ bay hơi riêng ở QCVN 06:2009/BTNMT). Đây là loại máy tiêu tốn nhiều nhiên liệu trong quá trình thi công xây dựng và dễ gây ô nhiễm không khí, tuy nhiên trên toàn phạm vi dự án rộng và chỉ sử dụng khoảng 5 máy đào nên căn cứ tính toán ở trên có thể dự báo nồng độ khí thải trung bình phát sinh từ máy đào trên khu vực dự án cũng như khu vực xung quanh sẽ nhỏ hơn so với quy định của quy chuẩn. Tác động của khí thải đến sức khỏe lao động của công nhân tham gia thi công và tác động tới môi trường là không đáng kể.

*** Bụi phát sinh từ quá trình xây dựng và hoàn thiện các hạng mục: nhà thi đấu, nhà dịch vụ,...**

Các hạng mục xây dựng như đổ móng, giằng, dầm, sàn, xây tường bao, cắt uốn cầu kiện sắt, lắp đặt các hệ thống điện, nước, PCCC và quá trình hoàn thiện như lát cắt đá Granite, đá hoa, nhất là quá trình xả bột tít gây phát sinh bụi cục bộ và lan tỏa xung quanh tác động trực tiếp đến công nhân và dân cư xung quanh dự án. Bao gồm bụi vô cơ từ các nguyên vật liệu xây dựng xi măng, cát, đá; bụi kim loại. Tải lượng của loại bụi này rất khó xác định và khó kiểm soát nếu không có biện pháp che chắn, giảm thiểu thích hợp.

Các loại bụi này tác động trực tiếp đến công nhân thi công trên công trường, tác động lớn đến môi trường không khí trong khuôn viên dự án và các đối tượng công trình, cây cối trong phạm vi phát thải. Đặc biệt khi xây dựng hay hoàn thiện các tầng càng cao thì bụi theo gió phát tán càng xa tác động đến các khu vực xung quanh đặc biệt là khu dân cư. Tác động này xuyên suốt trong quá trình thi công vì vậy chủ dự án cần có biện pháp phù hợp để giảm thiểu.

*** Khói hàn và nhiệt dư phát sinh từ các quá trình thi công gia nhiệt**

Trong quá trình hàn các kết cấu thép, hàn ván khuôn bằng sắt các loại hoá chất chứa trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa các chất độc hại như Fe₂O₃, SiO₂, K₂O, CaO,... tồn tại ở dạng khói bụi, có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân lao động.

Thành phần bụi khói một số loại que hàn được tổng hợp ở bảng sau:

Loại que hàn	MnO ₂ (%)	SiO ₂ (%)	Fe ₂ O ₃ (%)	Cr ₂ O ₃ (%)
Que hàn baza UONI 13/4S	1,1 – 8,8/4,2	7,03– 7,1/7,06	3,3– 62,2/47,2	0,002-0,02/0,001
Que hàn Austent bazo		0,29-0,37/0,33	89,9-96,5/93,1	

(Nguồn: Ngô Lê Thông, công nghệ hàn điện nóng chảy - tập 1)

Bảng sau cho biết nồng độ các chất khí độc trong quá trình hàn điện các vật liệu kim loại. Căn cứ vào khối lượng và chủng loại que hàn sử dụng sẽ dự báo được tải lượng các chất ô nhiễm không khí phát sinh từ công đoạn hàn.

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (mg/que hàn) ứng với đường kính θ			
	3,2 mm	4 mm	5 mm	6 mm
Khói hàn (chứa nhiều chất)	508	706	1100	1578
CO	15	25	35	50
NO _x	20	30	45	70

(Nguồn: Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng. NXB KH&KT, 2003.).

Với lượng que hàn cần dùng trung bình là 0,3kg/m² sàn và giả thiết sử dụng loại que hàn đường kính trung bình 3,2mm và 25que/kg, tổng diện tích sàn là 5.887m². Tải lượng các chất khí được phát sinh từ công đoạn hàn khi thi công xây dựng các hạ tầng kỹ thuật như sau:

- Khói hàn: 32,5 kg/ thời gian thi công.
- CO: 0,95 kg/ thời gian thi công.
- NO_x: 12,86 kg/ thời gian thi công.

Tải lượng khói hàn và nhiệt dư phát sinh từ các quá trình thi công gia nhiệt là không cao, nhất là khi so sánh tải lượng khí CO và NO_x với khí thải phát sinh từ các xe vận tải. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, lượng bụi kim loại ở mức thấp và mang tính chất gián đoạn nên không gây tác động nghiêm trọng cho môi trường không khí xung quanh. Tuy nhiên nó lại ảnh hưởng trực tiếp đến người thợ hàn. Các bệnh mang lại cho công nhân nếu tiếp xúc với khói hàn nhiều: Viêm phế quản, viêm phổi, hen suyễn, ung thư phổi, các bệnh về mắt, về da.... Nếu không có các phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp, người thợ hàn khi tiếp xúc với các loại khí độc hại có thể bị ảnh hưởng lâu dài đến

sức khỏe, thậm chí ở nồng độ cao có thể bị nhiễm độc cấp tính.

*** Bụi và hơi dung môi từ quá trình sơn**

Trong quá trình sơn bề mặt công trình có phát sinh hơi dung môi như: xylen, toluen, benzen,... có mùi rất đặc trưng. Do tính đặc thù của mùi này rất dễ nhận biết bằng khứu giác dù nồng độ rất nhỏ và thường gây cảm giác khó chịu. Do vậy cần phải có giải pháp kỹ thuật để xử lý các nguồn ô nhiễm này nhằm đảm bảo các quy chuẩn về nguồn thải cũng như tiêu chuẩn cho phép trong môi trường lao động để đảm bảo cho sức khỏe của công nhân.

Bên cạnh đó còn phát sinh bụi sơn và bụi từ quá trình xả bột tít là loại bụi hóa học tổng hợp, còn phải tính đến những hóa chất có trong sản xuất sơn. Trong số các hóa chất đó, đáng lưu ý là chì và thủy ngân rất độc hại đối với cơ thể. Chì có trong bột chống gỉ, trong bột màu vô cơ làm cho màu sắc tươi hơn (nhất là các màu đỏ, cam, vàng và trắng), có tác động tích cực đến quá trình làm khô mặt sơn. Còn thủy ngân thì có tác dụng bảo quản, chống vi khuẩn và rêu mốc. Đó là những hóa chất có tác dụng quan trọng đối với đặc tính cơ bản của sơn, mà những nhà sản xuất sơn thường hay sử dụng. Nếu hít thở phải nhiều bụi sơn dẫn đến khả năng nhiễm độc có thể xảy ra.

Tuy nhiên, đây không phải là nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng nhưng dự án sẽ có các biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo các cho phép trong môi trường lao động để đảm bảo cho sức khỏe của công nhân.

*** Mùi hôi của chất hữu cơ bốc phong hóa:** Khối lượng bốc hữu cơ của dự án khá lớn, nên khả năng sẽ phát sinh mùi khi nạo vét hay gây mùi trong thời gian ban đầu tại vị trí tập kết. Tuy nhiên, đất hữu cơ tại khu vực dự án chủ yếu là đất ruộng không chứa các tạp chất ô nhiễm hay phát sinh khí thải độc hại trong quá trình phân hủy, không gian khu vực thoáng đãng, thời gian diễn ra ngắn cũng như nhà thầu sẽ thực hiện các phương án tháo nước, làm ráo trước khi bốc hữu cơ nên khả năng tác động của mùi hôi gây ra là không đáng kể.

*** Khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu nhà vệ sinh, thùng chứa rác, mương thoát nước, hố lắng, mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy chất rắn hữu cơ**

Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong thời gian thực hiện thi công sẽ phát sinh một lượng chất thải các loại bao gồm: rác thải, nước thải và chất thải vệ sinh. Nếu lượng chất thải này không được thu gom và xử lý, chất đọng lâu ngày sẽ gây mùi hôi do quá trình phân hủy các chất hữu cơ. Đây là môi trường thích hợp cho sự phát triển của các sinh vật gây bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và vệ sinh môi trường khu vực.

Do đó, nếu khu vực lán trại, khu nhà vệ sinh không được bố trí thích hợp, chất thải vệ sinh, sinh hoạt không được thu gom và xử lý tốt thì ngoài tác động gây mùi hôi ở khu vực lán trại thì còn có khả năng gây tác động đến môi trường không khí xung quanh, mất mỹ quan khu vực, gây cảm giác khó chịu cho công nhân, người dân. Tuy nhiên, dự báo tác động này là không đáng kể.

c. Đánh giá phạm vi, mức độ và đối tượng chịu tác động

*** Phạm vi và đối tượng chịu ảnh hưởng**

- Đối với bụi, khí thải phát sinh trong khu vực thực hiện Dự án sẽ tác động trực tiếp đến công nhân hoạt động trên công trường và khu dân cư xung quanh, đặc biệt là khu dân cư dọc tuyến đường Nguyễn Phong Sắc và đường Lê Lợi.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh trên tuyến đường vận chuyển vật liệu: Đối tượng chịu tác động chính là dân cư, các công trình, cơ sở hoạt động kinh doanh dịch vụ trên các tuyến đường như Lê Lợi,... càng về gần dự án mức độ tác động lên các tuyến đường này càng lớn.

*** Mức độ tác động**

+ Tác động đến sức khỏe con người: khi công nhân, người dân tiếp xúc với môi trường không khí bị ô nhiễm bụi có thể mắc các bệnh về đường hô hấp, tuyến lệ,... Với loại bụi có kích thước lớn, khó xâm nhập sâu vào hệ hô hấp, loại bụi này thường gây tác hại cho da, mắt, gây nhiễm trùng và dị ứng,... mang đến cảm giác đau rất khó chịu cho con người. Những hạt bụi có kích thước nhỏ (đường kính < 0,3µm) có thể dễ dàng đi sâu vào phổi và đặc biệt nguy hiểm khi chúng mang các hydrocarbon mạch vòng có độ độc cao sẽ tích tụ và gây ra một số bệnh nguy hiểm như: khó thở, hen,....

Tổng hợp chung một số tác động của bụi và khí thải phát sinh liên quan đến hoạt động của dự án đến sức khỏe người tiếp xúc như sau:

Bảng 3.14. Tác động của các chất gây ô nhiễm không khí

TT	Thông số	Tác động
1	Bụi	- Kích thích hô hấp, xơ hoá phổi, ung thư phổi - Gây tổn thương da, giác mạc mắt...
2	Khí axit (SO _x , NO _x)	- Gây ảnh hưởng hệ hô hấp, phân tán vào máu.
3	Oxít cacbon (CO)	Giảm khả năng vận chuyển ôxy của máu đến các tổ chức, tế bào do CO kết hợp với Hemoglobin thành cacboxyhemoglobin.
4	Khí cacbonic (CO ₂)	Gây rối loạn hô hấp phổi.
5	Hydrocarbons	Gây nhiễm độc cấp tính: suy nhược, chóng mặt, nhức đầu, rối loạn giác quan có khi gây tử vong.
6	NH ₃	- Gây rối loạn hô hấp - Tiếp xúc lâu với nồng độ cao nguy hiểm đến tính mạng
7	H ₂ S	H ₂ S có mùi trứng thối, là khí gây ngạt vì chúng tước đoạt ôxy rất mạnh; khi hít phải nạn nhân có thể bị các bệnh về phổi vì hệ thống hô hấp bị kích thích mạnh do thiếu ôxy.
8	Mercaptan	Là các hợp chất hữu cơ chứa nhóm sulfhydryl - SH gắn vào nguyên tử cacbon, có mùi hôi đặc trưng tùy theo gốc cacbon. Độc tính của mercaptan là kích ứng với da, niêm mạc (mắt, mũi,...), gây nôn, buồn nôn, đau đầu, rối loạn ý thức,...

Ở quy mô Dự án, bụi phát sinh chủ yếu mang tính chất vật lý có kích thước lớn, dễ lắng đọng, không mang các yếu tố độc hại. Khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận tải, máy móc với mức độ phát thải thấp, phân tán trên các tuyến đường do đó các tác động chủ yếu như: gây khó chịu về mắt, đường hô hấp,... và ở mức độ thấp. Thời gian tác động chỉ diễn ra trong quá trình thi công dự án và có thể hạn chế bằng các biện pháp giảm thiểu trong quá trình thực hiện.

Ngoài tác động trực tiếp đến sức khỏe con người, bụi phát sinh trong quá trình thi công dự án còn ảnh hưởng tới đời sống, hoạt động thường ngày, mỹ quan khu vực,... cụ thể như sau:

+ Bụi nếu phát tán đến khu dân cư lân cận, trường học có thể gây các cảm giác khó chịu, bụi bám vào nhà, cây cối làm mất vệ sinh môi trường, mất mỹ quan ảnh hưởng đến chất lượng, thẩm mỹ công trình, đời sống sinh hoạt của khu dân cư, hoạt động của trường học,....

+ Bụi phát sinh trên các tuyến đường làm giảm tầm nhìn của người tham gia giao thông, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, gây ra các cảm giác khó chịu của người đi đường và là nguyên nhân gián tiếp xảy ra các sự cố tai nạn giao thông.

+ Bụi phát sinh trong quá trình thi công và quá trình vận chuyển bám trên lá làm giảm khả năng quang hợp, giảm sức sống và cản trở khả năng thụ phấn của cây gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của thực xung quanh dự án và trên tuyến đường vận chuyển.

3.2.1.2. Nguồn gây tác động đến môi trường nước

a. Nguồn phát sinh

Trong quá trình thi công dự án phát sinh các loại nước thải sau:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường.
- Nước thải do hoạt động xây dựng thải ra (nước trộn bê tông, nước vệ sinh thiết bị xây dựng,...);
- Nước mưa chảy tràn cuốn theo các chất bề mặt như bụi đất đá, dầu mỡ trên công trường, tại bãi thải.

b. Dự báo tải lượng và mức độ tác động

*** Đối với nước thải sinh hoạt**

Dự án dự kiến sử dụng khoảng 20 công nhân lao động làm việc trên công trường (trong thời điểm cao nhất). Hoạt động sinh hoạt và vệ sinh cá nhân của số cán bộ, công nhân này làm phát sinh một lượng nước thải tại khu vực lán trại của công nhân. Tải lượng nước thải phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng nước và số lượng công nhân trên công trường. Nguồn thải này liên quan đến các hoạt động vệ sinh tay chân, chất thải sinh hoạt hàng ngày,....

Theo TCVN 33-2006 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn cấp nước theo đầu người tại khu vực là 80–150 lít/ngày, ở đây theo điều kiện của Dự án và tham khảo một số dự án tương tự lấy con số 100 lít/người/ngày. Như vậy, với số lượng công nhân như trên thì tổng lượng nước cần sử dụng là khoảng 2.000 lít/ngày = 2m³/ngày. Lượng nước thải phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp.

Trong đó:

- + Lượng nước thải xám (nước rửa tay chân, rửa mặt, tắm,...) chiếm khoảng 80% tổng lượng nước thải là khoảng 1,6 m³/ngày;
- + Lượng nước thải đen (nước dùng cho mục đích vệ sinh cá nhân) chiếm khoảng 20% tổng lượng nước thải là khoảng 0,4 m³/ngày.

Đặc trưng của nguồn nước thải này là chứa nhiều thành phần hữu cơ dễ phân hủy và vi khuẩn gây bệnh.

- Nước thải xám: Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động như: vệ sinh chân tay, rửa mặt,... Đặc điểm của nước thải xám là thường chứa các chất tẩy rửa, coliform, chất rắn lơ lửng, BOD₅, NH₃, các vi khuẩn gây bệnh,... Tuy nhiên, với tính chất hoạt động tại khu vực thi công chủ yếu rửa tay, chân, không có các hoạt động tắm, giặt, nấu ăn,... nên hàm

lượng chất bản không lớn.

- Nước thải đen: Loại nước thải này phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của cán bộ, công nhân tham gia thi công trên công trường. Theo kết quả thống kê và tính toán của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), dựa vào hệ số ô nhiễm do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường (khi nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý) đối với các quốc gia đang phát triển, có thể dự báo tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.15. Thành phần và khối lượng chất ô nhiễm do công nhân thải ra

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng theo WHO (g/người/ngày đêm)	Tải lượng ước tính (g/ngày đêm)
1	BOD ₅	45 – 54	315 - 378
2	COD	72 – 103	504 - 721
3	Chất rắn lơ lửng	70 – 145	490 – 1.015
4	Dầu mỡ	10 – 30	70 - 210
5	Tổng nitơ	6 – 12	42 - 84
6	Amoni	2,4 - 4,8	16,8 – 33,6
7	Tổng phốtpho	0,6 - 4,5	4,2 – 31,5
8	Tổng Coliform	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml

Từ hệ số tải lượng, số lao động và lưu lượng nước thải ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt theo công thức sau:

$$C = C_0 \cdot 10^3 \cdot N / Q$$

Trong đó:

- + C: là nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)
- + C₀: Tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày đêm)
- + N: số công nhân (người)
- + Q: Lưu lượng nước thải (l/ngày đêm)

Bảng 3.16. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (mg/l)
1	BOD ₅	562,5 – 675	≤ 50
2	COD	900 - 1.287	-
3	Chất rắn lơ lửng	875 – 1.812	≤ 100
4	Dầu mỡ	125 – 375	≤ 20
5	Tổng nitơ	656,2 – 1.312	≤ 50
6	Amoni	30 - 60	≤ 10
7	Tổng phốtpho	7,5 – 56	≤ 10
8	Tổng Coliform	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml	≤ 5.000

Như vậy, khi so sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua

xử lý với QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, thì các chất ô nhiễm có trong thành phần nước thải đen có hàm lượng vượt nhiều lần giới hạn cho phép.

Nếu nguồn thải này không được thu gom và xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường thì sẽ gây ô nhiễm đất, có thể gây ô nhiễm nước ngầm, chảy vào kênh mương dẫn nước, ruộng lúa gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Bên cạnh đó, nguồn thải này còn làm phát tán vi khuẩn gây bệnh làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân cũng như cộng đồng dân cư, gây mất vệ sinh môi trường khu vực. Vì vậy trong quá trình thi công chủ đầu tư phải có các biện pháp thu gom và xử lý nhằm hạn chế tác động của nguồn thải này đến môi trường.

*** Đối với nước thải xây dựng**

Nguồn thải này chủ yếu là nước thải từ các hoạt động trộn bê tông, vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình, phun ẩm vật liệu, tuyến đường. Tải lượng nguồn thải rất khó tính toán vì nó phụ thuộc vào khối lượng các hạng mục thi công trong ngày, cách thức sử dụng nước của công nhân.

- Nước phối trộn nguyên vật liệu: Trong giai đoạn thi công xây dựng, nước chỉ sử dụng trong khâu làm vữa. Hầu hết nước sử dụng trong các công đoạn này đều ngấm vào vật liệu xây dựng và dần bay hơi theo thời gian. Khối lượng bê tông sử dụng cho dự án lựa chọn bê tông thương phẩm, do vậy nước thải phát sinh từ quá trình trộn bê tông được đánh giá là không nhiều khoảng 0,3 m³/ngày.

- Nước phun ẩm: Trong điều kiện thời tiết gió lớn, nắng nóng làm tăng khả năng phát tán bụi, chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công tiến hành phun ẩm các tuyến đường, bãi tập kết vật liệu khoảng 2 lần/ngày, mỗi lần khoảng 2m³. Như vậy, tổng lượng nước phát sinh từ quá trình phun ẩm tuyến đường khoảng 4m³/ngày. Cơ bản nước phun ẩm sẽ ở mức độ vừa phải đủ thấm tạo độ ẩm cho bề mặt đường, vật liệu mà không tạo thành dòng nước bề mặt và bay hơi dần theo thời gian.

- Nước vệ sinh dụng cụ: Sau quá trình thi công, các dụng cụ như bay, xẻng, thước, xô chậu,... cần được làm sạch tránh các mảng bám của xi măng, đất cát. Khối lượng nước cần sử dụng tùy thuộc vào số lượng vật liệu, ý thức tiết kiệm nước và phương án thu gom tái sử dụng của công nhân. Ước tính lượng nước mỗi ngày cần từ 1 – 2m³ nước.

Qua đó, dự báo khối lượng nước thải xây dựng phát sinh trong ngày không lớn. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là xi măng, đất, cát xây dựng,... thuộc loại ít độc nên mức độ tác động đến môi trường ở mức trung bình. Tuy nhiên, hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải cao, dễ lắng đọng nên cần tránh xả thẳng ra môi trường, mương dẫn sẽ làm tích tụ gây tắc nghẽn, làm mất vệ sinh môi trường và ảnh hưởng chất lượng nước tưới tiêu.

*** Đối với nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn trong giai đoạn này chủ yếu chứa các chất lơ lửng, đất, đá, chất bẩn bề mặt công trường,... Tải lượng nguồn thải này phụ thuộc vào điều kiện thời tiết có mưa hay không và diện tích khu vực. Có thể ước tính tải lượng nước mưa chảy tràn của khu vực trong ngày mưa lớn nhất như sau:

Trích dẫn tài liệu “Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản của tác giả Lê Văn Nãi - Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật”

$$Q_{\max} = 0,278 * K * I * A$$

Trong đó:

- + 0,278: Hệ số quy đổi đơn vị;
- + Q_{max}: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn, m³/s;
- + K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất; K= 0,15

Bảng 3.17. Hệ số dòng chảy theo đặc điểm mặt phủ

TT	Loại mặt phủ	Hệ số (ψ)
1	Mái nhà, đường bê tông	0,80 - 0,90
2	Đường nhựa	0,60 - 0,70
3	Đường lát đá hộc	0,45 - 0,50
4	Đường rải sỏi	0,30 - 0,35
5	Mặt đất san	0,20 - 0,30
6	Bãi cỏ	0,10 - 0,15

(Nguồn: TCXDVN 51:2006)

+ I: Lượng mưa lớn nhất trong ngày từng xuất hiện của khu vực là 686,6 mm (Trạm đo Lệ Thủy).

+ A: Diện tích đất khu vực dự án S = 22.265m².

Thay các giá trị trên vào công thức, xác định được lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực dự án như sau:

Bảng 3.18. Bảng tính lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất ngày

TT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Hệ số dòng chảy bề mặt	Lượng mưa (mm/ng.đ)	Lượng mưa (m ³ /ng.đ)
1	Khu vực dự án	68.656,3 m ²	0,3	747	1.275

(Nguồn: Mạng lưới thoát nước – Tiến sỹ Nguyễn Trung Việt – Trần Thị Mỹ Diệu)

Theo số liệu tính toán được ở trên cho thấy lượng nước mưa của dự án chảy tràn trên toàn bộ khu vực dự án là rất lớn 1.275 m³/ngđ = 0,014 m³/s. Nước mưa sẽ tạo thành các dòng chảy bề mặt làm cuốn trôi các chất bẩn, đất cát, cỏ lá khô trên bề mặt gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước dưới đất và gây bồi lấp đất về phía có địa hình thấp hơn xung quanh gây tù, ứ đọng nước, rác ở hồ trũng tạo điều kiện sinh vật, vi khuẩn phát sinh, phát triển như muỗi, bọ quặng. Nước mưa chảy tràn mang theo bùn đất làm tăng độ đục, hàm lượng cặn lơ lửng đối với kênh mương, làm bồi lấp vùng trũng, xói mòn địa hình và mang theo các chất bẩn đến môi trường tiếp nhận, cụ thể là các ao hồ nuôi trồng và kênh Cầu Tây phía Nam dự án.

Đặc biệt, trong giai đoạn đào, đổ đất thi công các hạng mục gặp thời tiết mưa lớn thì nước mưa chảy tràn dễ cuốn trôi lượng lớn đất, đá vừa mới đào đắp gây bồi lấp các tuyến kênh, mương gần dự án và ruộng lúa xung quanh dự án. Do đó, trong quá trình thi công chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động của nguồn nước mưa chảy tràn đến môi trường xung quanh.

b. Đánh giá mức độ tác động

* **Đối với nước thải sinh hoạt:** Đặc trưng của nước thải sinh hoạt chứa nhiều thành phần hữu cơ và vi khuẩn. Nếu không được thu gom và xử lý nguồn thải này sẽ gây mùi hôi thối khó chịu, gây ô nhiễm môi trường đất, nước ngầm khu vực. Với địa hình chủ yếu

là ruộng lúa, các kênh mương dẫn nước nguồn thải này dễ dàng phân tán theo dòng nước khi trời mưa đến các vùng tiếp nhận như ruộng lúa của người dân gây ảnh hưởng đến năng suất và hoạt động canh tác của một hoặc nhiều hộ gia đình. Tuy nhiên, với điều kiện cơ sở, vật chất phục vụ thi công hiện nay, việc thu gom và lưu giữ chất thải sinh hoạt đang được các chủ thầu thực hiện tốt. Lượng công nhân chủ yếu là người dân địa phương nên hoạt động vệ sinh tại công trường cũng hạn chế. Vì vậy, mức độ tác động của nước thải sinh hoạt dự báo không đáng kể nếu thực hiện tốt các công tác thu gom và quản lý.

* **Đối với nước thải xây dựng:** Như đã phân tích ở trên tải lượng nguồn thải này là không lớn, ít có khả năng tạo thành dòng chảy bề mặt và không chứa các chất độc hại nên tác động từ nguồn thải này là không đáng kể.

* **Đối với nước mưa chảy tràn:** Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn bề mặt như xi măng, dầu mỡ,... gây ô nhiễm môi trường khu vực đặc biệt là chất lượng nước mặt, có thể làm xói lở, trôi bùn đất gây bồi lắng các khu vực trũng thấp xung quanh khu vực dự án. Đây là tác động xấu bất khả kháng và có tác động đáng kể đến môi trường nếu không có biện pháp thu gom và xử lý thích hợp. Đặc biệt do khối lượng đất đào hữu cơ, đào nền đường, đất san lấp là rất lớn nên nếu quá trình đào đất, cát nền đường, san lấp các tuyến đường tiến hành vào các ngày thời tiết có mưa, khối lượng đất nói trên không được vận chuyển đi xử lý hợp lý mà tập trung thành đống trên công trường, nền đường không được lu lèn, nén chặt thì chúng sẽ bị nước mưa chảy tràn cuốn theo gây sạt lở, bồi lấp các khu vực xung quanh.

3.2.1.3. Tác động do chất thải rắn

a. Nguồn phát sinh

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục dự án chủ yếu từ:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng;
- Rác thải sinh hoạt của công nhân trên công trường;
- Rác thải trong quá trình xây dựng;
- Lượng đất phong hóa bóc lớp hữu cơ bề mặt;
- Rác thải trong quá trình thi công hệ thống điện chiếu sáng;
- Chất thải nguy hại trong quá trình thi công.

b. Dự báo tải lượng và mức độ tác động

*** Chất thải rắn phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng**

Trước khi thi công, khu vực dự án chủ yếu là ruộng lúa, đã được thu hồi, các hộ dân đã không còn canh tác trên khu vực này nữa, khối lượng rơm rạ phần lớn đã được người dân lấy về làm thức ăn cho trâu bò và ủ phân, phần nhỏ còn lại đang trong quá trình phân hủy. Do đó không phát sinh lớn khối lượng thực vật bóc phong hóa cần đổ bỏ.

Ngoài ra, còn có chất thải rắn do hoạt động phá dỡ hệ thống mương bê tông thủy lợi. Mương bê tông thủy lợi kích thước B500 x 500mm, chiều dày mương 10cm, chiều dài khoảng 400m, ước tính phát sinh 49,6m³ bê tông, trung bình 1m³ bê tông có khối lượng khoảng 2,4 tấn. Ước tính khối lượng phá dỡ khoảng 120 tấn.

Đây không phải nguồn chất thải nguy hại, dễ dàng thu gom nên sẽ được thu gom và xử lý như phế thải xây dựng.

*** Lượng đất phong hóa phát sinh từ quá trình bóc hữu cơ**

Theo hồ sơ dự án thì trước khi thi công các hạng mục sẽ cần bóc khoảng 17.556,44m³ (24.579 tấn) đất phong hóa, trong đó có 17.000m³ đất tầng mặt đất lúa. Do tính chất âm nên đất, bùn hữu cơ hầu như không gây bụi trong quá trình nạo vét mà chỉ có khả năng gây bụi ở điểm đổ bỏ sau khi đất khô. Tuy nhiên, nếu không có các biện pháp quản lý tốt sẽ gây phát sinh mùi ảnh hưởng đến người dân khu vực, cản trở giao thông, cũng như làm cản trở quá trình thi công và mỹ quan khu vực. Trong điều kiện gió to, mưa lớn, khả năng cuốn trôi gây bồi lấp và phát tán bụi làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực, chất lượng nguồn nước mặt tiếp nhận.

Theo Điều 14 Nghị định số 94/2019NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác: “Tổ chức, cá nhân xây dựng các công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước có tác động đến tầng đất mặt thì phải bóc riêng tầng đất mặt đó để sử dụng vào mục đích nông nghiệp”. Do đó, Chủ dự án cần có các phương án để tận dụng khối lượng 5.400m³ đất tầng mặt đất lúa, không gây lãng phí theo đúng quy định vì thành phần đất hữu cơ tại khu vực là đất phù sa tự nhiên đã đầy đủ các chất hữu cơ, chất khoáng, vô cơ, vi lượng, đa lượng, vi sinh vật, các hạt keo liên kết đất,... rất thích hợp cho công tác cải tạo đất trồng cây.

*** Chất thải rắn xây dựng**

Khối lượng CTR sinh ra trong khi thi công xây lắp các hạng mục của Dự án gồm: đất đá, cốp pha gỗ, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch vỡ, bao bì đựng vật liệu xây dựng, sắt, thép dư thừa,... Tải lượng các nguồn rác thải này khó định lượng, tải lượng tùy thuộc vào khả năng tiết kiệm nguyên vật liệu, trình độ tay nghề của công nhân và biện pháp thu gom tái sử dụng các phế liệu sản xuất vào các mục đích khác.

Khối lượng nguyên vật liệu xây dựng của Dự án theo ước tính khoảng 79.490,5 tấn. Các QCXDVN hiện nay chưa xác định rõ căn cứ tính khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh từ thi công xây dựng các công trình. Do đó, căn cứ theo giáo trình Môi trường trong xây dựng, Lê Anh Dũng, NXB Xây dựng, khối lượng CTR trong quá trình thi công ước tính bằng 0,01% tổng khối lượng nguyên vật liệu (gồm nguyên vật liệu không đạt tiêu chuẩn, nguyên liệu rơi vãi) có khối lượng khoảng: 0,01% x 79.490,5 = 7,95 (tấn/thời gian thi công).

Lượng CTR xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khá lớn. Các chất thải rắn này không bị thổi rửa, không mang tính độc hại, không phát sinh mùi và một số loại có thể tận dụng bán cho đơn vị thu mua (bao bì đựng vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép,...), còn lại một phần đất đá, gạch, vật liệu xây dựng được tận dụng san lấp cùng với quá trình san ủi mặt bằng, điều này sẽ hạn chế tới mức thấp nhất ảnh hưởng của loại chất thải này đến môi trường khu vực.

Các khối lượng vật tư xây dựng dư thừa này liên quan đến vấn đề kinh tế của nhà thầu nên trong trường hợp dư thừa hầu hết đều được các nhà thầu tận dụng hoặc vận chuyển để thực hiện các công trình khác. Do đó, dự báo tác động này là không đáng kể.

*** Đối với rác thải từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân lao động**

Theo Quy định tại QCVN 01/2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng thì lượng chất thải rắn phát sinh theo đầu người là 1 kg/ngày (thành phố Đồng Hới thuộc đô thị loại II). Tuy nhiên, theo thực tế thi công một số công trình có quy mô tương tự dự án, thời gian sinh hoạt tại công trường 8h/ngày thì lượng rác thải phát sinh từ công nhân trong quá trình xây dựng ước tính khoảng 0,2-0,3 kg/người/ngày. Với

số lượng công nhân tập trung tại công trường khoảng 20 người. Ước tính khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại công trường trong một ngày là: $0,3 \text{ kg/người/ngày} \times 20 \text{ người} = 6 \text{ kg/ngày}$.

Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: Thực phẩm thừa, rác hữu cơ, giấy cotton, ni lon, chất dẻo, kim loại, vỏ hộp,...

Lượng chất thải này tuy không nhiều song nếu không được thu gom hàng ngày sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và làm ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực. Khi rác thải xả bừa bãi trên mặt đất, dưới tác dụng của thời tiết và vi khuẩn, các hợp chất hữu cơ bị phân hủy tạo thành các mùi hôi thối gây ô nhiễm môi trường không khí.

*** Rác thải trong quá trình thi công hệ thống điện chiếu sáng:** Thành phần chủ yếu của nguồn thải này chủ yếu là những đoạn dây điện thừa, dây cáp, vỏ bọc ngoài, bao bì, bìa carton,... Khối lượng này rất nhỏ và dễ thu gom nên ảnh hưởng không đáng kể. Ước tính khoảng 2-3kg/tháng.

*** Đối với chất thải nguy hại**

Các loại chất thải nguy hại có khả năng phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án chủ yếu là các loại chất thải nhiễm dầu mỡ, sơn....

- Dầu mỡ thay định kỳ từ các xe, máy có tải lượng thải phụ thuộc các yếu tố: số lượng phương tiện vận chuyển và máy thi công trên công trường, lượng dầu mỡ thải ra từ các phương tiện vận chuyển thi công cơ giới, chu kỳ thay dầu và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng cũng như quá trình vận hành máy móc, thiết bị trong một khoảng thời gian nhất định cần phải thay dầu máy. Trung bình lượng dầu mỡ thải ra từ các phương tiện vận chuyển và thi công cơ giới là 7 lít/lần thay. Chu kỳ thay dầu và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trung bình khoảng 3 tháng thay một lần. Theo ước tính, số lượng phương tiện vận chuyển và thi công cơ giới sử dụng dầu trên công trường là 9 phương tiện. Vì vậy, lượng dầu mỡ thải phát sinh ước tính phát sinh trong một lần thay khoảng 63 lít $\approx 54,8\text{kg}$ (lượng thải này không tính đến các phương tiện vận tải nguyên vật liệu phục vụ cho thi công).

Nguồn thải này không lớn nhưng có mức độ gây ô nhiễm cao, khó phân hủy, nếu không được thu gom triệt để về lâu dài sẽ gây tác động đến môi trường khu vực. Đặc biệt là khi thời tiết khu vực có mưa, nguồn thải này sẽ thấm vào đất cát và bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn làm ô nhiễm nguồn tiếp nhận, đặc biệt các kênh mương dẫn nước, khe nước khu vực, thấm vào đất gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

- Đối với giẻ lau, bao bì dính dầu mỡ:

Lượng giẻ này chỉ được sử dụng khi bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tiếp nhiên liệu,... Tải lượng nguồn này là không lớn (ước tính khoảng 5kg/tháng), tuy nhiên nếu không được thu gom và xử lý mà vứt bỏ bừa bãi trên bề mặt sẽ làm mất mỹ quan khu vực, gây ô nhiễm đất, nước ngầm. Khi có mưa chúng sẽ bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn, dầu mỡ bám dính trên giẻ lau sẽ bao phủ lên bề mặt nước nguồn tiếp nhận khu vực, ngăn cản quá trình hô hấp của sinh vật, gây ảnh hưởng xấu đến chất môi trường xung quanh.

Tuy nhiên, dự kiến các hoạt động này được thực hiện trực tiếp tại các dịch vụ sửa chữa, thay dầu máy trên địa bàn khu vực mà không thực hiện tại khu vực thi công (trừ trường hợp hư hỏng đột xuất) nên chất thải nguy hại gồm xăng, dầu thải, giẻ lau dầu mỡ,... ít phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án.

B. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

3.2.1.4. Tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh

Tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị để thi công các hạng mục dự án.

Mức độ cũng như phạm vi ảnh hưởng của tiếng ồn trong quá trình thi công phụ thuộc vào đặc tính kỹ thuật, thời gian, tần suất hoạt động của máy móc, cũng như hướng và khoảng cách tới đối tượng tiếp nhận. Trong đó, mức áp âm đối với các loại máy, thiết bị khi vận tải và xây dựng điển hình như sau:

Bảng 3.19. Mức áp âm từ các phương tiện giao thông và máy xây dựng

STT	Phương tiện	Mức ồn phổ biến (dBA)	Mức ồn lớn nhất (dBA)
1	Ô tô có trọng tải < 3,5t	85 - 90	103
2	Ô tô có trọng tải > 3,5t	90 - 95	105
3	Máy đầm rung	70 - 80	85 - 90
4	Máy đào/xúc	70 - 80	85 - 90

(Nguồn: Trung tâm KHCN môi trường GTVT)

Từ bảng trên, dự báo mức áp âm trung bình trên công trường dao động trong khoảng từ 85 - 95 dBA, mức áp âm cực đại có thể vượt quá 115 dBA khi có sự cộng hưởng do hoạt động cùng một lúc của nhiều phương tiện, máy móc và thiết bị trong quá trình thi công xây dựng.

b. Cường độ tác động

* **Tiếng ồn:** Khả năng lan truyền của tiếng ồn từ các thiết bị thi công tới khu vực xung quanh được tính gần đúng bằng công thức sau:

$$L = L_p - \Delta L_d - \Delta L_b - \Delta L_n \text{ (dBA)}$$

Trong đó:

+ L : Mức ồn truyền tới điểm tính toán ở môi trường xung quanh (dBA);

+ L_p : Mức ồn của nguồn gây ồn (dBA);

+ ΔL_d : Mức ồn giảm đi theo khoảng cách (dBA);

$$+ \Delta L_d = 20 * \lg[(r_2/r_1)^{1+a}].$$

Trong đó:

+ r_1 : Khoảng cách dùng để xác định mức âm đặc trưng của nguồn gây ồn, thường lấy bằng 1m đối với nguồn điểm;

+ r_2 : Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn tính từ nguồn gây ồn (m);

+ a : Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất, đối với mặt đất trống trải a = 0;

+ ΔL_b : Mức ồn giảm đi khi truyền qua vật cản. Khu vực Công trình có địa hình rộng thoáng và không có vật cản nên $\Delta L_b = 0$;

+ ΔL_n : Mức ồn giảm đi do không khí và các bề mặt xung quanh hấp thụ. Trong

phạm vi tính toán nhỏ, chúng ta có thể bỏ qua mức giảm độ ồn này.

(Nguồn: GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội - 1997).

Từ các công thức trên, chúng ta có thể tính toán được mức ồn trong môi trường xung quanh tại các khoảng cách tính từ nguồn gây ồn. Kết quả tính toán được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 3.20. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị cơ giới

Stt	Thiết bị, phương tiện	Mức ồn phổ biến	Độ ồn (dBA) theo khoảng cách (m)				
			20	50	100	150	200
1	Ô tô có tải trọng <3,5 tấn	85 – 90	64	56	50	47.5	45
2	Ô tô có tải trọng >3,5 tấn	90 – 95	69	61	55	51.5	49
3	Máy xúc	80 – 95	69	61	55	51.5	49
4	Máy trộn bê tông	80 – 85	59	31	45	41.5	48
5	Máy cầu	75 – 80	54	46	40	36.5	34
QCVN 26:2010/BTNMT			70dBA (6-21h)				
			55dBA (21-6h)				

(Nguồn: GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội – 1997)

Mức ồn trong các hoạt động thi công các hạng mục được đánh giá cụ thể như sau:

- Trong môi trường lao động: Dự báo mức áp âm trung bình (khoảng cách 1m) trên công trường đạt từ 84,5 - 89,5dBA, mức áp âm cực đại có thể vượt ngưỡng 90dBA. Mức áp âm sẽ tăng khi có nhiều phương tiện, máy móc và thiết bị hoạt động cùng một lúc.

Tiếng ồn trong môi trường lao động được đánh giá theo QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc thì tiếng ồn chung tối đa cho phép trong suốt 8 giờ lao động không được vượt quá 85dBA, mức cực đại không được vượt quá 115dBA. Nếu tổng thời gian tiếp xúc với tiếng ồn trong ngày không quá:

4 h	làm việc không được vượt quá	90 dBA,
2 h	làm việc không được vượt quá	95 dBA,
1 h	làm việc không được vượt quá	100 dBA,
0,5 h	làm việc không được vượt quá	105 dBA,
15 phút	làm việc không được vượt quá	110 dBA,

Thời gian làm việc còn lại trong ngày chỉ được tiếp xúc với tiếng ồn dưới 80 dBA.

- Tiếng ồn trong khu vực công cộng và dân cư:

+ Tiếng ồn phát sinh từ khu vực dự án: Theo Bảng 3.20 thì tiếng ồn phát sinh từ khu vực dự án ở khoảng cách > 20m sẽ đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn khu vực thông thường ≤70 dBA (6-21h). Do đó, tiếng ồn trong quá trình thi công sẽ ảnh hưởng đến các hộ dân tiếp

giáp phía Bắc dự án khi tiến hành thi công các hạng mục tại khu vực tiếp giáp này.

+ Tiếng ồn trên các tuyến đường vận chuyển: Trong quá trình hoạt động của dự án, việc vận chuyển đất phần lớn là trên các tuyến đường có dân cư sinh sống. Dự báo mức ồn tại các khu dân cư ven đường nói trên sẽ vượt mức cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Tuy nhiên, các tác động này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn khi có phương tiện vận tải đi qua nên ảnh hưởng của tiếng ồn đến sức khỏe và sinh hoạt của người dân là không lớn.

Bảng 3.21. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

(Theo mức âm tương đương), dBA

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

*** Độ rung tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển**

Độ rung sinh ra trong quá trình thi công chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị tham gia thi công. Mức rung của một số máy móc, thiết bị sử dụng trong thi công được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 3.22. Mức rung của một số loại máy móc, thiết bị thi công

TT	Phương tiện thi công	Mức rung cách máy 10m (dBA)	Mức rung cách máy 30m (dBA)	Mức rung cách máy 60m (dBA)
1	Máy đào (*)	77	67	57
2	Máy đầm bê tông	82	72	62
3	Cần cẩu	77	67	57
4	Xe trộn bê tông	76	66	56
5	Máy bơm bê tông	68	58	48
6	Xe tải	74	64	54
7	Máy khoan	75	65	55
QCVN 27 : 2010/BTNMT		75 (Mức gia tốc rung cho phép trong hoạt động xây dựng từ 6h - 21h)		

(Nguồn: Viện KH&CN môi trường - Bộ GTVT)

Từ kết quả ở Bảng trên cho thấy, mức rung động sinh ra từ các máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải ở vị trí cách xa 10m so với nguồn rung ở vào khoảng 80dB, còn mức rung sinh ra từ khoảng cách từ 30m trở lên đều có giá trị nhỏ hơn 75dB và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động xây dựng $\leq 75dB$ - Áp dụng đối với khu vực thông thường từ 6h - 21h).

c. Phạm vi, đối tượng và mức độ tác động

- Đối tượng chịu tác động của tiếng ồn, độ rung: là công nhân trực tiếp lao động tại công trường và các hộ dân cư nằm trên dọc tuyến đường Lê Lợi và Nguyễn Phong Sắc.

- Đánh giá mức độ tác động:

+ Công nhân làm việc ở những nơi có độ ồn lớn, kéo dài có thể mắc các chứng bệnh như: đau đầu, giảm thính giác, ảnh hưởng đến hệ thần kinh,....

+ Hoạt động vận chuyển, thi công xây dựng sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh hoạt hàng ngày của các hộ dân sinh sống, cơ quan, trụ sở hai bên tuyến đường vận chuyển như: gây cảm giác khó chịu, mất tập trung, gây đau đầu, giảm hiệu quả làm việc, ảnh hưởng đến công tác giảng dạy của trường học,.... có thể gây mất an toàn cho người tham gia giao thông trên các tuyến đường khi có xe vận chuyển đất, cát đi qua.

3.2.1.5. Tác động đến kinh tế - xã hội

Các tác động kinh tế - xã hội trong quá trình thi công dự án như sau:

*** Tiêu cực**

- Các tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công dự án như đã phân tích ở trên sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, đời sống của công nhân, cộng đồng dân cư nằm trên tuyến đường vận chuyển, cụ thể đường Lê Lợi và Nguyễn Phong Sắc. Tuy nhiên các tác động này chỉ diễn ra trong quá trình thi công dự án.

- Việc tập trung một số lượng lớn công nhân (khoảng 20 người) trong quá trình thi công dự án tại khu vực nếu công tác tổ chức, quản lý không tốt cũng có thể nảy sinh những vấn đề về các tệ nạn xã hội (như ma túy, cờ bạc, rượu bia...); sinh ra mâu thuẫn giữa công nhân với công nhân, công nhân với người dân địa phương làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự khu vực.

- Cần phải có sự giám sát, quản lý và phối hợp chặt chẽ của chính quyền với đơn vị thi công để giảm thiểu những tác động tiêu cực này trong quá trình thi công.

*** Tích cực**

Bên cạnh những tác động tiêu cực như đã trình bày, thì quá trình thi công của dự án sẽ đem lại những hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội của khu vực bao gồm:

- Tạo công ăn việc làm cho một bộ phận lao động trong quá trình xây dựng Dự án;
- Thu được nguồn ngân sách đáng kể cho địa phương thông qua các khoản thu thuế, phí, nguyên vật liệu, nhiên liệu;
- Là động lực thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển theo như: thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải,....

3.2.1.6. Tác động đến hoạt động giao thông, canh tác nội đồng

*** Giao thông khu vực**

Sự xuất hiện các phương tiện vận tải phục vụ thi công Dự án sẽ làm tăng mật độ xe lưu thông trên đường, cùng với đó là bụi phát sinh từ thùng xe, bụi cuốn nên đường sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông trên các tuyến đường vận chuyển. Ngoài ra, nếu phương tiện chở quá tải, quá trọng cũng có thể gây ra hư hỏng nền đường. Trong đó, tuyến đường Lê Lợi sẽ là đoạn tuyến có nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông vì có mật độ dân cư và lưu lượng giao thông cao.

Cần phải hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu vào khu vực dự án trong các khung thời gian này và có phương án lựa chọn cung đường tiếp cận dự án phù hợp.

Ngoài ra, các tác động nêu trên phụ thuộc nhiều nhất vào kế hoạch vận chuyển của nhà thầu thi công, tải trọng xe vận chuyển. Do đó, Chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị tư

vấn giám sát chú trọng giám sát kế hoạch vận chuyển của nhà thầu thi công trong suốt quá trình xây dựng.

3.2.1.7. Tác động đến hệ sinh thái và môi trường tự nhiên

Sự hình thành và xây dựng dự án trước hết làm thay đổi mục đích sử dụng đất của khu vực, phá bỏ thảm thực vật, mất các đường canh tác, ruộng lúa, mương thoát nước do các hoạt động phát quang, đào, đắp, san lấp mặt bằng. Tuy nhiên, như đã trình bày, hiện trạng khu vực thực hiện dự án hầu hết là ruộng lúa. Hệ động thực vật mang màu sắc nông nghiệp, số lượng loài và sự đa dạng không quá lớn cho nên các tác động của hoạt động thi công đến hệ sinh thái và môi trường tự nhiên là không đáng kể.

Tác động đến hệ sinh thái đáng chú ý nhất là trường hợp quản lý không tốt dầu, mỡ thải, nước thải, các dòng chảy bề mặt dẫn đến dầu, mỡ, các chất bẩn xâm nhập vào khu đất xung quanh, cuốn theo dòng chảy dẫn về mương, ruộng lúa,... làm ô nhiễm nguồn nước mặt khu vực, ảnh hưởng đến hệ sinh thái trên quy mô rộng lớn. Tuy nhiên, theo đánh giá thì các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng được thực hiện tại các gara, trung tâm sửa chữa nên ít phát sinh dầu mỡ tại công trường, các hoạt động phát sinh chất thải, nước thải không quá lớn, do đó dự báo tác động đến hệ sinh thái khu vực ở mức độ thấp.

Nhìn chung, tác động đến hệ sinh thái và môi trường tự nhiên của khu vực Dự án tùy thuộc vào công tác quản lý, biện pháp xử lý các nguồn chất thải phát sinh của từng nhà thầu thi công.

3.2.1.8. Tác động cộng hưởng đối với các dự án xung quanh

Hiện nay, xung quanh khu vực dự án chủ yếu là hạ tầng khu dân cư cơ bản đã hoàn thiện. Các tác động liên quan trong khu vực sẽ tăng cao đặc biệt là vấn đề giao thông nếu các dự án triển khai cùng một thời điểm, sử dụng chung một tuyến đường. Sự xuất hiện các phương tiện vận tải tải trọng lớn phục vụ vận chuyển vật liệu thi công sẽ làm tăng mật độ xe lưu thông trên các tuyến đường xung quanh như đường Lê Lợi nơi có mật độ giao thông cao đặc biệt trong giờ cao điểm dẫn đến các vấn đề về an toàn giao thông, nguy cơ ùn tắc giao thông khu vực. Tuy nhiên các hoạt động này chủ yếu là thi công nhà ở nên mức độ không lớn.

Việc tập trung nhiều xe cộ vận tải, thiết bị thi công làm cộng hưởng lượng bụi phát sinh từ thùng xe, bụi cuốn nền đường và làm tăng nồng độ khí thải phát thải gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí khu vực. Cộng hưởng tiếng ồn làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, sinh hoạt hằng ngày của người dân khu vực. Ngoài ra, nếu phương tiện chở quá tải, quá trọng cũng có thể gây ra hư hỏng nền đường. Thực tế, tác động đến hoạt động giao thông phụ thuộc nhiều nhất vào kế hoạch vận chuyển của nhà thầu thi công, phương án vệ sinh, phun ẩm tuyến đường. Do đó, Chủ dự án sẽ chú trọng giám sát kế hoạch vận chuyển của nhà thầu thi công, phối hợp với các dự án xung quanh trong suốt quá trình xây dựng.

3.2.1.9. Các sự cố liên quan đến hoạt động của dự án

a. Sự cố tai nạn giao thông, hư hỏng tuyến đường giao thông

• Sự cố tai nạn giao thông

Việc thi công dự án gắn liền với hoạt động chuyên chở nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho dự án cũng như hoạt động vận chuyển đất, cát san lấp, đất phong hóa, điều này tiềm ẩn việc xảy ra sự cố tai nạn giao thông đặc biệt trên các tuyến đường như đường Lê Lợi đặc biệt đoạn giao Lê Lợi với Phạm Văn Đồng, đoạn qua trường

THCS Đức Ninh Đông và Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới. Nguyên nhân chủ yếu là:

- Do sự gia tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường vào những giờ cao điểm;
- Do chở quá tải trọng quy định;
- Do các tài xế điều khiển xe chạy quá tốc độ;
- Do sự cẩu thả trong công việc của các tài xế (uống rượu bia, hút thuốc lá khi lái xe) dẫn đến việc xảy ra tai nạn;

Khi các sự cố trên xảy ra có thể gây thiệt hại về vật chất, gây ảnh hưởng tới sức khỏe, thậm chí là tính mạng của công nhân điều khiển phương tiện của dự án và có thể gây thiệt hại tới tài sản, sức khỏe, tính mạng của các đối tượng liên quan khác;

Nguyên nhân gây ra sự cố trên chủ yếu là do yếu tố chủ quan của con người nên có thể tránh được thông qua các biện pháp giáo dục và quản lý lái xe.

• **Hư hỏng tuyến đường:** Quá trình thi công dự án sử dụng một lượng xe có tải trọng lớn chuyên chở nguyên vật liệu, đất, cát san lấp, bóc phong hóa,... Nếu sử dụng xe có tải trọng vượt quy định của các tuyến đường hoặc chở quá tải trọng quy định của xe sẽ gây ra sự cố hư hỏng như sụt lún, nứt gãy làm thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến quá trình tham gia giao thông của người dân, gián tiếp dẫn đến các tai nạn không đáng có.

b. Sự cố tai nạn lao động

Sự cố tai nạn lao động thường hay xảy ra trong giai đoạn thi công xây dựng. Những sự cố này hầu như bắt nguồn từ các nguyên nhân sau:

- Sự bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị có thể dẫn đến các sự cố đáng tiếc xảy ra;

- Ngoài ra, một yếu tố quan trọng gây nên sự cố trong lao động đó chính là thiếu trang bị bảo hộ lao động hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân thi công;

- Quá trình thi công các hạng mục đặc biệt là nhà thi đấu với chiều cao lớn có thể dẫn đến các sự cố như sau:

+ Công việc lao động nặng nhọc, trên cao, thời gian làm việc liên tục và lâu dài có thể ảnh hưởng đáng kể đến khỏe của công nhân, gây tình trạng mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu cho công nhân tại công trường.

+ Giàn giáo không được lắp đặt đúng kỹ thuật, giàn giáo không có sàn công tác hoặc sàn công tác không đảm bảo an toàn, do gãy, sụp sàn công tác.

+ Tai nạn cũng có thể xảy ra ngay trên công trường do các phương tiện thi công và vận chuyển nguyên vật liệu gây ra đối với công nhân.

+ Tất cả các công cụ, thiết bị nặng và nguyên vật liệu có thể rơi từ trên cao và mũ bảo hộ cứng không phải lúc nào cũng phát huy tác dụng bảo vệ người lao động.

+ Quá trình tời vật nguyên vật liệu lên cao bằng cần cẩu có thể đứt cáp, gãy cần cẩu hoặc sập cần cẩu đều gây nguy hiểm đến tính mạng của công nhân lao động ở phía dưới.

Khi sự cố này xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân gặp sự cố, thậm chí còn nguy hại đến tính mạng. Do đó, Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công dưới sự giám sát của đơn vị tư vấn QLDA, tư vấn giám sát công trình có kế hoạch điều động

máy móc, xe cộ, thiết bị kỹ thuật một cách hợp lý, bảo đảm nội quy an toàn lao động cho lực lượng công nhân làm việc trên công trường để hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động.

c. Sự cố sạt lở đất: Sự cố sạt lở đất có thể xảy ra ở khu vực biên giới phía Đông khu vực Dự án khi chênh cao địa hình khoảng +2.3m so với khu vực ruộng lúa xung quanh, sự cố dễ xảy ra trong những ngày mưa lớn gây xói mòn hoặc ngập lụt làm kết cấu đất bờ rời, do bất cẩn của lái xe khi tính toán không đúng khi đổ đất, do không thực hiện các biện pháp ổn định nền đất,... Sự cố xảy ra làm bồi lấp, ảnh hưởng đến đất canh tác của người dân, hư hại cây trồng, hư hỏng các công trình và dẫn đến các sự cố an toàn lao động liên quan. Do đó, cần thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở trong giai đoạn thi công.

d. Sự cố cháy nổ: Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong trường hợp cung cấp nhiên liệu, khí đốt hoặc do quá trình sử dụng điện của cán bộ công nhân viên làm việc trên công trường, các thiết bị điện lắp đặt không đúng kỹ thuật.

e. Sự cố bom mìn: Công tác GPMB, bóc phong hóa, thi công hệ thống điện, cấp thoát nước có thể gây nên sự cố bom mìn do hậu quả của chiến tranh để lại. Hiện nay ở khu vực này có thể còn bom đạn chưa được rà phá, tháo dỡ. Vì vậy, chủ dự án sẽ có phương án rà phá, tháo dỡ bom mìn, vật liệu nổ khu vực để tránh trường hợp bom đạn còn sót lại gây nguy hiểm đến tính mạng, tài sản trong quá trình thi công dự án.

f. Sự cố thời tiết tiêu cực, thiên tai, ngập lụt: Dự án thực hiện trong thời gian dài, do đó gió lớn, áp thấp nhiệt đới hoặc bão đổ bộ kèm theo mưa lớn dài ngày vào khu vực Dự án trong quá trình thi công có thể gây hư hại các hạng mục công trình, gây sự cố ngập úng cục bộ dẫn đến sạt lở chân công trình, ảnh hưởng đến nền đất, các sự cố liên quan về điện. Đặc biệt, khu vực là nơi tập trung nguồn nước mưa chảy về vào mùa mưa lũ, do đó tiến độ thi công để đảm bảo hoàn thành trước mùa mưa lũ là hết sức quan trọng.

3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

*** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công**

- Sử dụng bạt che phủ thùng xe để hạn chế khả năng bụi cuốn, bụi rơi vãi gây ô nhiễm môi trường sống của dân cư trên tuyến đường vận chuyển, đồng thời làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành;

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, không tập trung xe vận chuyển vào giờ cao điểm trên tuyến đường Lê Lợi để hạn chế sự cộng hưởng nồng độ khí thải do quá trình phát thải từ động cơ, bụi cuốn bánh xe;

- Xe chở vật liệu xây dựng sẽ không chở quá tải trọng cho phép và tuân thủ biển báo tốc độ, luật an toàn giao thông, khống chế tốc độ xe <5km khi ra vào dự án;

- Hạn chế vận chuyển tập kết nguyên vật liệu vào thời điểm khu vực có mưa để hạn chế được lượng bùn bám dính bánh xe ra các tuyến đường khu vực;

- Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, phương tiện, thiết bị tốt để hạn chế rơi vãi nguyên vật liệu ra môi trường trong quá trình vận chuyển;

- Bố trí xe chở nước để tưới nước phun ẩm đoạn đường vào khu vực dự án, tuyến đường Lê Lợi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án. Tàn

suất phun ẩm bình quân khoảng 2 lần/ngày, tăng tần suất lên 4 lần/ngày vào những ngày nắng nóng khô hanh, nhiều gió;

- Bố trí khu vực rửa xe trong khu vực dự án phía tiếp giáp ra tuyến đường Lê Lợi để xịt rửa bánh xe vận chuyển ra vào dự án. Tiến hành rải lớp đá dăm chiều dài từ 20 – 30m trên tuyến đường ra vào dự án để hạn chế bùn đất bám theo bánh xe.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh đất rơi vãi do xe vận chuyển gây ra, đặc biệt tại các nút giao cắt trên tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư;

- Phương tiện vận chuyển đất đi đổ thải phải hạn chế tối đa hiện tượng rơi vãi đất đá trong quá trình vận chuyển bằng cách không chở quá đầy thùng, phủ bạt thùng xe, di chuyển với tốc độ chậm.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển hiện đại, đăng kiểm, đảm bảo kiểm định chất lượng và thực hiện chế độ bảo dưỡng định kỳ nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu, đồng thời giảm lượng khí thải phát sinh ra môi trường;

- Tiếp nhận và phối hợp để giải quyết các khiếu nại (nếu có) của người dân địa phương về ô nhiễm không khí do bụi, khí thải, mùi hôi,... và có các biện pháp khắc phục;

- Lựa chọn các mỏ cung cấp nguyên, vật liệu gần nhất (đã được cấp phép về môi trường) lựa chọn tuyến đường vận tải phù hợp để rút ngắn thời gian vận chuyển.

*** Đối với bụi phát tán trên công trường từ quá trình san nền, bãi tập kết vật liệu**

- Áp dụng biện pháp thi công đào, đắp đất làm các tuyến đường, san nền theo hình thức cuốn chiếu, bắt đầu từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam khu đất để hạn chế khối lượng lớn cát đào đắp, san gạt vào cùng một thời điểm nhằm hạn chế lượng bụi phát tán trên diện tích rộng.

- Có kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp để hạn chế khối lượng lớn nguyên vật liệu tập kết cùng một lúc. Lập kế hoạch xây dựng và bố trí nhân lực chính xác, tiến độ thi công hợp lý để tránh chùng chéo giữa các quá trình thi công dự án.

- Vị trí tập kết nguyên vật liệu thi công ngoài việc thuận tiện cho quá trình thi công các hạng mục còn phải đảm bảo khoảng cách đến các khu dân cư để tránh sự phát tán bụi trong điều kiện gió lớn.

- Quá trình đổ đất san đắp thi công các tuyến đường đến đâu sẽ bố trí các xe ủi, san gạt, lu để tiến hành san gạt và lu chặt đến đó nhằm hạn chế bụi cuốn trên bề mặt công trường;

- Tại các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường (vị trí tập kết cát, đá dăm, các vị trí thực hiện đào đắp, trên các đoạn đường vận chuyển nguyên vật liệu trong vùng dự án) hạn chế bụi cuốn bằng biện pháp phun nước làm ẩm vào những ngày không có mưa nhưng nhiệt độ cao, độ ẩm thấp, tần suất phun ẩm tùy thuộc vào điều kiện thời tiết cụ thể, tăng tần suất phun ẩm lên (4 lần/ ngày) vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn, đặc biệt là vào thời kỳ gió Tây Nam hoạt động mạnh. Đồng thời vào những ngày thời tiết khu vực khô nóng, gió Tây Nam hoạt động mạnh sẽ hạn chế phương tiện ra vào khu vực nhằm hạn chế bụi cuốn ảnh hưởng đến công nhân thi công trên công trường, người tham gia giao thông đoạn qua khu vực;

- Che chắn tạm thời các bãi chứa nguyên vật liệu trong quá trình thi công để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh;

- Sử dụng bạt hoặc tôn cao 2,5m che chắn xung quanh ranh giới thực hiện dự án.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trên công trường như: khẩu trang, kính bảo vệ mắt, mũ nón, áo quần bảo hộ,...

*** Đối với bụi phát sinh trong quá trình rải đá dăm thi công các tuyến đường và rải nhựa**

Như đã phân tích, đánh giá ở mục 3.2.1.1, các tuyến đường được rải hỗn hợp bê tông nhựa, bê tông nhựa được vận chuyển trên các xe ben có phủ bạt kín từ các điểm cung cấp về khu vực dự án, không trực tiếp sản xuất trên công trường nên khí thải phát sinh từ hoạt động rải thảm bê tông nhựa sẽ giảm thiểu đi rất nhiều so với việc sản xuất trực tiếp trên công trường, thêm vào đó, việc sử dụng xe rải thảm sẽ giúp giảm thiểu tác động đến sức khỏe công nhân. Do đó, trong quá trình làm đường, tác động chính sẽ là bụi phát sinh từ hoạt động rải đá dăm. Vì vậy, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu và giám sát đơn vị thi công thực hiện một số biện pháp như sau:

+ Quá trình đổ đá dăm làm đường đến đâu sẽ bố trí các xe ủi, san gạt, lu để tiến hành san gạt và lu chặt đến đó nhằm hạn chế bụi cuốn trên bề mặt đường;

+ Bố trí xe tưới nước để phun ẩm bề mặt đường với tần suất tùy thuộc vào điều kiện thời tiết cụ thể nhằm hạn chế bụi phát tán. Ngày thường phun ẩm 2 lần/ngày, khi thời tiết khô nóng có gió Tây Nam hoạt động mạnh tiến hành phun ẩm với tần suất 4 lần/ngày (6h;11h; 13h;17h).

+ Thực hiện thi công tuyến theo hình thức cuốn chiếu, thi công theo từng phân đoạn để hạn chế bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động rải đá dăm, rải bê tông nhựa đường.

+ Công nhân thi công trong quá trình rải đá dăm và nhựa đường sẽ được trang bị bảo hộ chống bụi như: áo quần, khẩu trang, mũ, găng tay,....

*** Đối với bụi phát tán trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục**

- Tại các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường hạn chế bụi cuốn bằng biện pháp phun nước làm ẩm (2 lần/ngày), tăng tần suất phun ẩm 4 lần/ngày vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn;

- Lập kế hoạch xây dựng và bố trí nhân lực, máy móc hợp lý để tránh chồng chéo giữa các quá trình thi công dự án.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công như khẩu trang, kính bảo vệ mắt, mũ nón, áo quần bảo hộ,....

- Đẩy nhanh tiến độ thi công tuy nhiên chỉ được thi công trong khoảng thời gian hợp lý trong ngày ở khu vực tiếp giáp với các khu dân cư phía Bắc dự án.

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm đối với khí thải động cơ**

Đây là dạng nguồn thải phân tán, phát thải lưu lượng nhỏ, không liên tục và phân bố trên mặt thoáng rộng nên khả năng gây ô nhiễm đến chất lượng môi trường không khí khu vực là không đáng kể. Một số biện pháp có thể thực hiện, bao gồm:

- Lựa chọn những nhà thầu thi công có phương tiện vận tải được cơ quan đăng kiểm cấp phép (đây là một tiêu chí trong đấu thầu thi công);

- Lựa chọn các phương tiện cơ giới đồng bộ, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

- Không tập trung các phương tiện, máy móc, thiết bị hoạt động cùng lúc tại một địa điểm cố định để hạn chế ô nhiễm cục bộ;

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các chi tiết máy bị hỏng hóc để hạn chế thấp nhất mức tiêu hao nhiên liệu, tức là hạn chế lượng khí thải phát sinh;

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, mùi hôi từ các khu vực lán trại**

- Xây dựng nội quy sinh hoạt, yêu cầu mọi người tuân thủ các biện pháp giữ gìn vệ sinh chung, đổ rác đúng nơi quy định;

- Bố trí thùng rác di động loại 100 lít tại khu vực sinh hoạt của công nhân để thu gom rác thải hằng ngày.

- Nhà vệ sinh lưu động tại lán trại phải được che chắn ngăn mùi, có nắp đậy, vị trí xa dân cư, sau khi hoàn thành công trình sẽ hoàn trả lại mặt bằng cho khu vực;

- Nghiêm cấm công nhân tham gia thi công không được phóng uế trên công trường để tránh gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực.

*** Đối với mùi hôi do quá trình phân hủy các chất trong đất bùn hữu cơ và bụi tại vị trí đổ thải**

- Đối với lượng đất hữu cơ sẽ được vận chuyển đến vị trí đổ đất và san gạt ngay mà không được thải bỏ ra khu vực xung quanh Dự án để tránh làm mất mỹ quan, bụi khi đất khô, gió lớn và chiếm dụng diện tích;

- Lốp đất bùn ướt sẽ được cào thành đống rồi phơi ráo đạt độ ẩm phù hợp trong phạm vi dự án trước khi vận chuyển đến vị trí đổ đất và tận dụng trồng cây trong khuôn viên dự án;

- Tại khu vực đổ bỏ đất hữu cơ thì sẽ tiến hành san gạt ngay sau khi đổ để tránh sự chất đống gây bụi khi đất khô, có gió lớn và tạo mặt bằng phù hợp cho trồng cây.

*** Yêu cầu bảo vệ môi trường**

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

3.2.2.2. Về công trình xử lý nước thải

*** Nước thải sinh hoạt**

- Tại khu vực lán trại trên công trường sử dụng 02 nhà vệ sinh lưu động đặt tại khu vực lán trại, sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành bóc dỡ nhà vệ sinh lưu động.

- **Thiết kế nhà vệ sinh lưu động như sau:**

+ Chiều dài: 0,95 m; Chiều rộng: 1,3m;
Chiều cao: 2,5m.

+ Dung tích bể nước sạch: 400 lít.

+ Dung tích bể chứa chất thải: 500 lít.

+ Nội thất: Quạt thông gió, đèn chiếu sáng bên trong, gương, lô cuốn giấy, vòi nước, công tắc.

+ Vật liệu chế tạo bằng composite nên không bị han rỉ hay lão hóa, không bay màu.



Hình 3.1. Nhà vệ sinh di động

Nguyên lý hoạt động của nhà vệ sinh lưu động như sau:

+ Nhà vệ sinh di động gồm 2 bộ phận chính: buồng và hầm nhà vệ sinh.

+ Bể chứa nước của nhà vệ sinh công cộng hoạt động dựa trên nguyên lý phao cơ khí. Theo nguyên lý này thì nước sẽ tự động được bơm vào bồn khi hết nước và tự ngắt việc bơm này lại khi nước trong bể đạt tới một giới hạn đã định trước.

+ Các chất thải của nhà vệ sinh di động được dẫn truyền đến hầm chứa bên dưới thông qua hệ thống dây dẫn. Tại ngăn lắng tách phân (ngăn 1) phân và cặn được xử lý bằng vi sinh tạo thành dạng lỏng, sau đó được dẫn tiếp qua ngăn xử lý kỵ khí (ngăn 2) và xử lý hiếu khí (ngăn 3). Tiếp đó, nước dẫn tiếp qua ngăn lọc (ngăn 4) và dẫn ra ngoài bằng hệ thống ống (vật liệu lọc ở đây ta dùng than hoạt tính, đá sỏi). Chủ dự án cam kết xử lý nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – (cột B) trước khi thoát ra môi trường. Sau quá trình đảm bảo các chất thải lúc đầu không gây ô nhiễm môi trường thì sẽ được định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển xử lý đúng theo quy định.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng 3 tháng/ lần tiến hành hút các chất thải ở nhà vệ sinh lưu động đưa đi xử lý. Tránh tình trạng để quá đầy tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV, không phóng uế bừa bãi trên khu vực công trình và các khu vực lân cận.

- Với nước thải chế biến thức ăn, rửa chén bát (nếu có): Được chứa trong hố lắng có lớp cát lọc gần khu vực nhà bếp để lắng và tự thấm nguồn nước thải này. Khối lượng nguồn thải này rất nhỏ so với khả năng tiếp nhận của môi trường nên có thể cho tự thấm; sau khi kết thúc hoạt động thi công thì hố này sẽ được lấp lại;

- Với nước rửa tay chân của công nhân có thành phần chủ yếu là đất cát, cặn lơ lửng nên không gây tác động môi trường đáng kể và có thể cho tự thấm vào đất qua một hố đào thể tích khoảng 2m³ ở khu vực tắm rửa của công nhân.

- Bên cạnh đó, Chủ dự án khuyến khích nhà thầu thi công ưu tiên tuyển dụng công nhân trong khu vực, có điều kiện tự túc ăn ở. Tổ chức hợp lý nhân lực trong giai đoạn thi công. Ngoài ra còn tiến hành quản lý, nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm nước, không cho chảy tràn ra khu vực xây dựng, bảo vệ môi trường.

*** Nước thải xây dựng, xịt rửa**

- Không tập trung nguyên vật liệu, vật tư gần các tuyến thoát nước.
- Lót đáy bằng các vật liệu như các tấm kim loại hay bạt lót nếu có các quá trình trộn vữa bê tông không sử dụng máy trộn.
- Sử dụng các loại máy trộn tại các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất, gây ảnh hưởng môi trường.
- Đối với nước làm sạch dụng cụ xây dựng, đây nguồn thải không đáng kể có thể tái sử dụng cho việc vệ sinh dụng cụ. Do đó, bố trí khu vực rửa dẫn nước vệ sinh dụng cụ về hố lắng có lót bạt kích thước 1,5x1,5x1m. Sau quá trình xây dựng sẽ hoàn trả mặt bằng. Lượng cặn lắng sẽ được thu gom cùng phế thải xây dựng.
- Xây dựng 01 hố lắng kích thước khoảng 2m³ ở khu vực xịt rửa bánh xe để lắng đất, cát của nước xịt rửa trước khi thoát ra môi trường.

* Nước mưa chảy tràn

- Áp dụng phương thức thi công đào, đắp thi công các tuyến đường theo hình thức cuốn chiếu bắt đầu từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam. Việc thi công theo phương thức như trên sẽ hạn chế khối lượng đất đá bờ rời do đào nền thi công đường, đồng thời hạn chế khối lượng đất vận chuyển về đắp đường vào cùng một thời điểm nên hạn chế đất, đá bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi vào một thời điểm.

- Tạo 2 - 3 rãnh có kích thước rộng đáy 1m, sâu 1m, miệng 1,5m, tổng chiều dài khoảng 250m. Cứ 40m bố trí 01 hố để lắng cặn, kích thước hố (1x1x1)m, cuối hệ thống thoát nước (trước khi thoát trước khi thoát ra cửa thu phía Đông Nam dự án) bố trí hố lắng cặn (rộng 3m, dài 3m, sâu 2m) nhằm hạn chế nước mưa cuốn theo chất bẩn bề mặt, đất cát vào các hồ phía Nam, kênh Cầu Tây làm gia tăng độ đục, bồi lấp và ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực xung quanh.

- Đồng thời, để hạn chế công tác đào nền đường để thi công hệ thống thoát nước sau này, do đó hệ thống thoát nước thi công đồng bộ cùng giai đoạn san nền để đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực dự án, không gây hiện tượng ngập úng ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng của dự án.

- Đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành san đắp mặt bằng trong mùa khô nhằm hạn chế tác động của nước mưa chảy tràn rửa trôi đất cát ra khu vực xung quanh. Hơn nữa, đây là khu vực thấp nên thường xuyên bị ngập lụt, do vậy việc tính toán đẩy nhanh tốc độ san lấp mặt bằng trước mùa mưa lũ sẽ hạn chế rất nhiều khả năng ngập úng cũng như rửa trôi đất cát san đắp nền của Dự án.

- Thu dọn nạo vét các mương thoát nước trong quá trình thi công.

- Các điểm tập kết vật liệu, nhà xe, nhà chứa thiết bị thi công sẽ được che chắn cẩn thận để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng.

3.2.2.3. Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn từ phá dỡ hệ thống mương bê tông thủy lợi

- Sử dụng máy xúc bốc xúc trực tiếp lên xe vận tải 7-10 tấn rồi vận chuyển đến khu vực có nhu cầu san lấp mặt bằng trên địa thành phố, cụ thể:

- Khối lượng mương bê tông phá dỡ được vận chuyển để phục vụ san đắp mặt bằng cho các hộ dân có nhu cầu tại địa phương.

- Trong quá trình đổ thải đến đâu tiến hành san ủi đến đó tạo mặt bằng để cải tạo đất

về sau.

- Phun âm khu vực san lấp để hạn chế bụi phát tán và thực hiện đầy đủ các biện pháp vận chuyển trên các tuyến đường để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Trong trường hợp không tận dụng được sẽ vận chuyển lên bãi phế thải xây dựng của thành phố để đổ theo đúng quy định.

- Vị trí đổ thải phải được thực hiện đúng nơi quy định theo sự hướng dẫn của đơn vị quản lý.

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

- Chất thải sinh hoạt của công nhân như đã trình bày có khối lượng không đáng kể. Tuy nhiên để đảm bảo vệ sinh môi trường, yêu cầu đơn vị thi công bố trí 02 thùng rác di động 100l có nắp đậy tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom chất thải vô cơ và hợp đồng với đơn vị thu gom rác của Công ty Cổ phần môi trường và phát triển Đô thị để vận chuyển trong ngày theo đúng quy định;

- Đối với rác thải hữu cơ như thức ăn dư thừa, hoa quả hư hỏng,...: bố trí 01 thùng phi 100 lít, không rò rỉ, có nắp đậy để thu gom và cho các hộ chăn nuôi ở khu vực lân cận có nhu cầu; trường hợp không tận dụng được thì thu gom và xử lý như chất thải sinh hoạt vô cơ khác;

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng, không vứt rác bừa bãi mà tự thu gom vào các thùng chứa rác.

*** Biện pháp giảm thiểu đối với chất thải xây dựng**

+ Rác thải vật liệu xây dựng sẽ vận chuyển về bãi đổ thải theo quy định của khu vực;

+ Đối với các dạng sắt thép loại, vỏ bao xi măng,... được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua tái chế;

+ Các loại không tận dụng được như bao bì rách nát có thể thu gom và xử lý chung theo phương thức xử lý rác thải sinh hoạt;

+ Chất thải xây dựng được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của dự án để trả lại hiện trạng ban đầu của khu vực, tránh vứt bừa bãi, lãng phí, gây mất mỹ quan;

+ Đối với chất thải là đất đá rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển, Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công cắt cử người dọn vệ sinh trên đoạn đường qua khu vực dân cư (đặc biệt đối với đường Lê Lợi);

+ Tuyệt đối không để chất thải rắn bên ngoài khu vực dự án, vừa chiếm dụng đất, gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan khu vực;

+ Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát thi công giám sát việc thực hiện vệ sinh khu vực công trình và xung quanh dự án;

+ Đối với các nguyên vật liệu dư thừa như đất, cát, xi măng,...: Thu dọn toàn bộ nguyên vật liệu dư thừa trả lại mặt bằng sạch cho Dự án. Thực tế, nguyên vật liệu dư thừa liên quan đến vấn đề kinh tế của nhà thầu thi công nên thông thường nhà thầu thi công sẽ tính toán kỹ để không xảy ra tình trạng dư thừa, trường hợp dư thừa thì sẽ chủ động tận dụng cho hoạt động xây dựng của dự án khác.

*** Biện pháp giảm thiểu đối với lượng đất phong hóa, đất đào hữu cơ**

Khối lượng bóc hữu cơ của Dự án ước tính khoảng 17.556,44m³ đất hữu cơ trong đó khoảng 17.000m³ đất tầng mặt đất lúa cần tận dụng theo đúng quy định và 556,44m³ đất phong hóa bờ nương, đê nội đồng,... phương án xử lý như sau:

- Đối với khối lượng đất phong hóa (không phải tầng đất mặt đất lúa): Chủ dự án sẽ tập kết trong khuôn viên dự án và tận dụng cho khoảng đất cây xanh khuôn viên dự án.

- Đối với khối lượng tầng đất mặt đất lúa:

+ Đất tầng đất mặt đất lúa tại khu vực là đất phù sa tự nhiên đã đầy đủ các chất hữu cơ, chất khoáng, vô cơ, vi lượng, đa lượng, vi sinh vật, các hạt keo liên kết đất,... rất thích hợp cho công tác cải tạo đất trồng cây nên cần phải có phương án tận dụng, không gây lãng phí tài nguyên. Các lớp đất chuyên trồng lúa nước có tác động đến tầng đất mặt thì phải bóc riêng tầng đất mặt để sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo quy định, đất bùn hữu cơ bóc từ lớp đất mặt này được vận chuyển đến các khu đất nông nghiệp có địa hình thấp có nhu cầu đắp nền để cải tạo đất phục vụ sản xuất, cụ thể:

+ Khối lượng đất hữu cơ tầng đất mặt đất lúa sẽ được chủ dự án vận chuyển đến các nông trại trên địa bàn thị trấn Nông trường Việt trung để phục vụ sản xuất cây nông nghiệp.

+ Đất bùn hữu cơ đổ đến đâu sẽ tiến hành san gạt đến đó để tránh việc chất đồng gây bụi khi thời tiết khô, gây trượt lở, bồi lấp ra môi trường xung quanh khi có mưa đồng thời tạo mặt bằng phù hợp cho trồng cây. Cam kết đổ trộn trong phạm vi dự án dưới sự chỉ dẫn của đơn vị quản lý, không gây tác động đến các đối tượng xung quanh.

+ Với bùn hữu cơ ở khu vực dự án: Do thời điểm thực hiện hoạt động bóc đất bùn hữu cơ dự kiến diễn ra trong mùa khô nên lớp đất bùn sẽ được cào thành đồng rồi phơi ráo nước trước khi bốc vận chuyển đến các vị trí đổ đất quy hoạch cây xanh của dự án và khu vực tận dụng đất.

+ Thi công, san lấp tạo mặt bằng theo từng lô để giảm tải lượng đất hữu cơ cần bóc bỏ. Sử dụng phương pháp này sẽ đảm bảo được dung tích chứa của các lô bố trí đất hữu cơ.

+ Không được đổ đất đào hữu cơ bừa bãi trên bề mặt khu vực thi công để hạn chế các tác động do mùi, bụi khi thời tiết khu vực khô hanh, có gió hoặc bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn khi thời tiết có mưa;

+ Không đổ đất hữu cơ ra môi trường xung quanh ở bên ngoài khu đất Dự án để tránh sự trượt lở, rửa trôi theo nước mưa chảy tràn ra ruộng lúa của người dân.

*** Đối với bùn, đất dính bám theo phương tiện vận chuyển**

Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát giám sát đơn vị thi công thực hiện:

- Bồi trí vòi nước xịt rửa sạch bánh xe từ công trường, bãi thải đi ra để giảm thiểu lượng bùn đất bám theo bánh xe gây dính bám trên đường, rải đá dăm từ điểm xịt rửa phương tiện vận chuyển đi ra khỏi khu vực Dự án cũng với mục đích tránh đất dính bám lại phương tiện vận chuyển sau khi đã rửa sạch;

- Không chở quá tải trọng, quá khổ và có bạt che phủ thùng xe, đảm bảo thùng xe kín khi chở đất, cát san đắp cũng như đất hữu cơ đi đổ bỏ;

- Thu dọn vệ sinh nếu đề xảy ra tình trạng bùn, đất rơi vãi do hoạt động vận chuyển của mình gây ra.

*** Biện pháp giảm thiểu đối với rác thải từ quá trình thi công đường dây điện, trạm biến áp**

Sẽ thu gom và bán cho đơn vị thu mua đối với các loại như bao bì, những đoạn dây điện bị thừa..., còn những loại không tận dụng được thì thu gom và xử lý như rác thải sinh hoạt.

3.2.2.4. Đối với chất thải nguy hại

- Lượng chất thải nguy hại chủ yếu là dầu thải, giẻ lau dính dầu, mỡ từ quá trình bảo dưỡng thay dầu, sửa chữa xe, thiết bị. Như đã đánh giá ở mục 3.2.1.3 về tác động do chất thải rắn, các hoạt động này được thực hiện trực tiếp tại các cơ sở dịch vụ sửa chữa nên ít phát sinh tại khu vực thi công Dự án, do đó Chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn QLDA và tư vấn giám sát giám sát Nhà thầu thi công làm việc với các cơ sở sửa chữa, gara đã đăng ký chủ nguồn thải nguy hại và thực hiện lưu giữ, xử lý CTNH theo đúng quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong trường hợp khi có sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công mà cần sửa chữa tại công trường thì phải bố trí vật lót đáy (bạt hoặc tôn) để không cho dầu mỡ rơi vãi xuống nền đất sau đó thu gom vào thùng chứa 100 lít có nắp đậy, không rò rỉ, có nhãn giá CTNH, vị trí lưu giữ khoảng 5m² đặt cạnh lán trại, phải có che chắn hạn chế tác động của gió, mưa, nước mưa chảy tràn rồi hợp đồng thuê các đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kiểm tra, nhắc nhở công nhân thu gom chất thải nguy hại đúng nơi quy định.

- Cam kết thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2.2.5. Biện pháp giảm thiểu đến giao thông khu vực

• Giao thông khu vực

Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí các xe vận chuyển đất, vật liệu ra vào khu vực thi công với mật độ hợp lý, không tập trung quá nhiều cùng một lúc để tránh gây ùn tắc, mất an toàn giao thông, đặc biệt vào giờ cao điểm.

- Thông báo cho người dân, các cá nhân không tổ chức họp chợ tại các ngã tư và hướng dẫn tập trung đúng nơi quy định nhằm hạn chế tắc nghẽn và sự cố tai nạn giao thông.

- Yêu cầu công nhân lái xe chạy đúng tốc độ cho phép để đảm bảo an toàn giao thông;

- Có chế tài xử phạt đối với các xe hợp đồng vận chuyển nếu xảy ra vi phạm trong quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tăng cường giáo dục, tuyên truyền cho lái xe ý thức chấp hành các quy định an toàn giao thông, không uống rượu, chở quá tải trọng, lấn đường,...;

- Đặt biển cảnh báo công trường thi công tại hai đầu dự án trên tuyến đường Lê Lợi,

có đèn báo hiệu vào ban đêm để cảnh báo cho người dân, học sinh tham gia giao thông, quy định tốc độ lưu thông ra vào công trường <5km/h;

- Thường xuyên cử cán bộ kiểm tra các hạ tầng kỹ thuật giao thông, nhanh chóng khắc phục những điểm hư hỏng dẫn đến tai nạn giao thông.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công đã được đăng kiểm theo quy định nhằm hạn chế sự cố hỏng các chi tiết máy móc gây tai nạn giao thông.

• Hư hỏng tuyến đường

- Yêu cầu chở đúng tải trọng quy định của phương tiện;

- Sử dụng xe vận tải ≤10 tấn để đảm bảo hạn chế hư hỏng các tuyến đường;

- Trong trường hợp gây ra sự cố hư hỏng, nhanh chóng đặt các biển báo hiệu, đèn cảnh báo cho người tham gia giao thông, báo cáo với cơ quan quản lý tuyến đường để thực hiện phân luồng giao thông, tiến hành công tác hoàn trả nền đường.

- Cam kết khắc phục, sửa chữa, hoàn trả nền đường theo hiện trạng ban đầu nếu để xảy ra các sự cố trên tuyến đường vận chuyển.

3.2.2.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động đến sức khỏe công nhân trên công trường, đời sống hàng ngày của người dân, Chủ dự án sẽ thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Sử dụng các máy móc, phương tiện đã được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép;

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc bảo đảm các yêu cầu về cân bằng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn do thiết bị thi công và vận chuyển sinh ra;

- Bố trí lịch thi công hợp lý cho các đơn vị, tổ, nhóm công nhân thi công, nhất là ở các vị trí gây ồn lớn nhằm hạn chế các tác động đến sức khỏe người công nhân;

- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn sẽ trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân làm việc;

- Không tập trung phương tiện vận chuyển vào cùng một thời gian, nhất là thời gian nhạy cảm (từ 21h đến 6h sáng hôm sau) để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến môi trường sống của cư dân hai bên tuyến đường vận chuyển;

- Đối với các xe vận chuyển: Yêu cầu các lái xe phải chạy đúng tốc độ quy định khi vận chuyển nguyên vật liệu nhất là tại đoạn giao giữa tuyến đường Lê Lợi với đường Phạm Văn Đông, đoạn qua Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới và Trường THCS Đức Ninh Đông, giảm tốc độ khi đi qua các khu vực tập trung đông dân cư và không sử dụng còi hơi khi đi qua các khu vực này.

b. Giảm thiểu tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội

- Tổ chức các cuộc họp phổ biến, tham vấn ý kiến cộng đồng về Dự án, nhằm nâng cao sự hiểu biết của người dân về Dự án, sự cần thiết và lợi ích của Dự án,...;

- Giữ mối liên hệ tốt với chính quyền địa phương và dân cư trong vùng để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề phát sinh, xung đột trong quá trình thực hiện Dự án;

- Chấp hành đúng các luật và quy định của Nhà nước trong việc thuê nhân công lao

động nghiệp vụ và lao động phổ thông;

- Tiến hành đo đạc, cắm mốc trước khi thi công và cam kết thực hiện đúng thiết kế, đúng phạm vi dự án cho phép để không xảy ra các tình trạng lấn chiếm đất ruộng gây ảnh hưởng đến người dân dẫn đến các mâu thuẫn không đáng có;

- Hỗ trợ chính quyền địa phương trong công tác phúc lợi nhằm tránh gây xung đột giữa chủ dự án với người dân và chính quyền địa phương;

- Chủ dự án sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý chặt công nhân nhằm không để xảy ra mâu thuẫn với người dân địa phương cũng như ngăn chặn các tệ nạn xã hội như trộm cắp, rượu bia,...;

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trong quá trình thực hiện dự án.

c. Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

Việc thực hiện quản lý, xử lý tốt các nguồn chất thải phát sinh và tác động của nước mưa chảy tràn như đã trình bày ở các mục trên sẽ giúp tránh hay hạn chế tác động của các nguồn thải này đến hệ sinh thái ở khu vực Dự án cũng như hệ sinh thái lân cận khu vực đổ đất hữu cơ thải. Trong đó, đáng chú ý là việc quản lý để tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo dầu mỡ xâm nhập ao hồ, kênh Cầu Tây phía Nam dự án với công việc chính là che chắn không để nước mưa chảy tràn xâm nhập khu vực chứa dầu mỡ, máy móc thi công và thu dọn không để dầu mỡ rơi vãi trên nền công trường.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động cộng hưởng với các dự án xung quanh

- Phối hợp với các đơn vị thi công bố trí tuyến đường vận chuyển, lịch trình vận chuyển tránh chồng chéo gây ách tắc giao thông khu vực.

- Chủ động nắm bắt tiến độ thực hiện của các Dự án trong khu vực để xây dựng tiến độ thi công hợp lý.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp về an toàn giao thông, an ninh trật tự xã hội, tiếng ồn, độ rung để giảm thiểu sự cộng hưởng về tác động tiêu cực đối với các dự án xung quanh.

e. Giảm thiểu các sự cố liên quan đến hoạt động của dự án

• Sự cố bom mìn

- Trước khi thi công chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn, thực hiện việc rà phá bom mìn trên toàn bộ diện tích dự án.

- Việc rà phá bom mìn phải được thực hiện kỹ lưỡng, đúng quy định tránh tình trạng bom mìn nằm sâu trong lòng đất gây nguy hiểm cho công tác đào đất sau này.

- Bom mìn khi phát hiện cần phải xử lý theo quy định, không tự ý xử lý khi không được sự cho phép của cơ quan chức năng.

• Tai nạn lao động

Các biện pháp hạn chế tai nạn lao động trong quá trình thi công như sau:

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công (bố trí các thiết bị, máy móc thi công, hệ thống điện,...) để phòng ngừa tai nạn.

- Các công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị được đào tạo có chứng chỉ, thực hành theo nguyên tắc vận hành và bảo trì kỹ thuật.

- Các công nhân trong quá trình thi công có đầy đủ các thiết bị an toàn, dụng cụ cứu trợ và quần áo bảo hộ lao động cần thiết cho công trình: kính bảo hộ và các trang thiết bị bảo vệ tai, dây da và đai, thiết bị cấp cứu, cứu hoả, thiết bị sơ cứu, dây buộc, mũ cứng,....

- Công nhân phải tuyệt đối chấp hành kỷ luật lao động và nội quy an toàn làm việc trên cao.

- Khi tiếng ồn nơi làm việc > 85dBA, bắt buộc công nhân sẽ sử dụng dụng cụ bảo vệ tai. Công nhân được định kỳ kiểm tra sức khỏe.

- Biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng cần cẩu tháp: tuân thủ đúng các yêu cầu kỹ thuật an toàn cần trục tháp, kiểm tra định kỳ; tính toán lắp dựng, neo giằng cần trục tháp; lập và phê duyệt biện pháp đảm bảo an toàn cần trục tháp trong quá trình lắp đặt, sử dụng và khi có gió bão, tính toán vị trí lắp đặt đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sinh sống của người dân quanh khu vực công trường;...

** Trách nhiệm của nhà thầu xây dựng:*

- Khi tuyển dụng công nhân làm việc cho công trình phải đảm bảo từ 18 tuổi trở lên. Có giấy chứng nhận đảm bảo sức khỏe làm việc trên cao do cơ quan y tế cấp. Định kỳ 6 tháng phải được kiểm tra sức khỏe một lần. Phụ nữ có thai, người có bệnh tim, huyết áp, tai điếc, mắt kém không được làm việc trên cao.

- Phải trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường.

- Tuân thủ đúng quy trình thi công theo quy hoạch, thiết kế.

- Đôn đốc, nhắc nhở công nhân thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp an toàn lao động trong quá trình thi công.

- Nhà thầu cam kết và tuân thủ đúng theo các văn bản kỹ thuật đính kèm trong báo cáo của Nhà nước đã ban hành.

- Lập phương án xử lý, ứng cứu khẩn cấp khi xảy ra sự cố mất an toàn trong quá trình thi công xây dựng.

** Đối với chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng*

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn của nhà thầu thi công xây dựng;

- Kiên quyết dừng thi công và yêu cầu nhà thi công khắc phục khi phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định về an toàn trong thi công xây dựng.

• Sự cố cháy nổ

- Tuân thủ các quy định nghiêm ngặt trong việc sử dụng lửa tại những nơi dễ cháy nổ.

- Tuyên truyền cho toàn bộ công nhân làm việc chấp hành mọi nội quy về cháy nổ trong xây dựng cũng như trong sinh hoạt.

- Trong xây dựng, phải sử dụng các bình chứa nhiên liệu như bình ga, bình nén khí đạt tiêu chuẩn, các máy móc thiết bị trong thi công sử dụng đúng công suất.

- Trong lán trại, hệ thống dây điện cần phải bố trí thích hợp, chất lượng tốt tránh tình trạng chập nổ do quá tải.

- Nên sử dụng các loại vật liệu khó cháy làm lán trại như sắt thép, tôn, vệ sinh bếp

nấu sạch sẽ, sử dụng nhiên liệu để nấu nướng an toàn.

- Lắp đặt các cầu giao ngắt điện, khóa ga và các bình chữa cháy trong lán trại.

- Phối hợp với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho dự án khi đi vào xây dựng.

• **Sự cố thiên tai, ngập lụt:** Thiết kế của Dự án đã tính đến cao độ ngập lụt lớn nhất của khu vực. Tuy nhiên, với sự biến đổi thất thường của thời tiết hoặc quá trình tổ chức thi công chưa hợp lý có thể gây ngập lụt cục bộ làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Do đó, một số biện pháp sau sẽ giúp giảm thiểu tác động do thời tiết:

- Tính toán thời điểm thi công thích hợp, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện san nền trước mùa mưa bão;

- Thực hiện phương án hệ thống thoát nước tạm thời thu thoát nước mưa khu vực phía Bắc đổ về và khu vực dự án như đã trình bày trong quá trình thi công;

- Tránh sự cố trượt lở đất lấp các mương thoát nước mưa tạm bằng việc không tập kết hay đổ đồng nguyên vật liệu xây dựng gần các mương này; thực hiện nạo vét ngay nếu để xảy ra tình trạng đất, cát hay vật liệu xây dựng khác xâm nhập mương;

- Xây dựng phương án di chuyển thiết bị, máy móc thi công và nguyên vật liệu xây dựng khi có sự bất thường về thời tiết như bão, mưa lớn gây ngập lụt khu vực;

- Dùng giằng, dây neo để gia cố mái cho khu nhà tập kết vật liệu xây dựng, lán trại của công nhân khi có áp thấp nhiệt đới, bão đổ bộ để hạn chế sự cố tốc mái, đổ tường.

- Không tiến hành thi công trong những ngày mưa lớn, gió bão, giông sét;

- Lắp đặt cột thu sét tạm ở khu vực lán trại.

• **Đối với sự cố sạt lở đất**

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

- Khảo sát, đánh giá địa tầng địa chất khu vực để đưa ra các phương án nền móng, gia cố tối ưu trong quá trình thi công, đào đắp, vận tải.

- Thi công san gạt nền đến đâu thì lu lèn chặt đến đó; tạo mái taluy tỷ lệ phù hợp ở các vị trí ranh giới khu đất Dự án đắp đất $K=0,95$ và trồng cỏ gia cố mái taluy hoặc xây kè đá học để chống sạt lở;

- Phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế và trình Sở xây dựng thẩm định kết cấu mái taluy phù hợp với điều kiện địa hình khu vực;

- Tuyệt đối thi công theo đúng phương án thiết kế đưa ra;

- Không thi công san gạt nền vào những ngày mưa;

- Thường xuyên giám sát các lái xe đổ đất, cát thực hiện đỗ đúng vị trí;

- Ưu tiên thi công hệ thống thoát nước tại các khu vực đã san nền để đảm bảo khả năng thoát nước hết cho khu vực khi có mưa.

3.2.2.7. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tại bãi đổ đất

Trong quá trình đổ đất để giảm thiểu các tác động tiêu cực tại khu vực đô, đại diện chủ đầu tư sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Vận chuyển đất bóc hữu cơ khi phân đất này có độ ẩm phù hợp để không làm khả

năng phát sinh bụi hoặc rò rỉ nước bùn thải trên tuyến đường vận chuyển.

- Đất được vận chuyển đến đổ trộn trong khuôn viên, không đổ tràn ra ngoài khu vực bãi. Nếu khi đổ đất tràn ra ngoài khu vực sẽ bố trí công nhân đến thu gom đất ngoài khu vực đưa đến đổ trong khu vực bãi đất;

- Bố trí người thu dọn lượng đất phong hóa rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển. Đặc biệt là tuyến đường ra vào trang trại.

- Tưới nước phun ẩm trên các tuyến đường đoạn qua khu dân cư. Ngày thường phun ẩm 2 lần/ngày, khi thời tiết khô nóng có gió Tây Nam hoạt động mạnh tiến hành phun ẩm với tần suất 4 lần/ngày (6h; 11h – 13h; 17h).

- Quá trình đổ đất đến đâu sẽ tiến hành san gạt tạo mặt bằng cho khu vực đến đó.

- Vào những ngày nắng nóng, khô hanh có gió Tây Nam hoạt động Chủ đầu tư sẽ tiến hành phun ẩm tại bãi đổ đất này nhằm hạn chế bụi cuốn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Ngày thường sẽ phun ẩm 2 lần/ ngày, khi thời tiết khô nóng có gió Tây Nam hoạt động sẽ tiến hành phun ẩm 4 lần/ngày (6h, 11h – 13h, 17h).

3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới đi vào hoạt động sẽ là nơi bồi dưỡng, đào tạo và thi đấu thể thao cho các vận động viên phường Đức Ninh Đông nói riêng và thành phố Đồng Hới nói chung. Nơi tham quan, vui chơi, giải trí của người dân và du khách và là nơi thực hiện, tổ chức các sự kiện thi đấu thể thao của thành phố Đồng Hới. Các hoạt động này không mang nhiều tác động tiêu cực cũng như không phát sinh khối lượng lớn chất thải, nước thải có tác động lớn đến môi trường nếu có các chương trình quản lý và thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh môi trường.

3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.3.1.1. Tác động do bụi, khí thải và mùi hôi

a. Nguồn phát sinh:

Nguồn gây ô nhiễm không khí trong giai đoạn này chủ yếu là:

- Bụi cuốn ở khu vực Dự án;
- Khí thải động cơ phát sinh từ các phương tiện giao thông như: xe máy, ô tô con, xe tải,...;
- Khí, mùi hôi phát sinh từ các cống thoát nước, thùng rác, khu trung chuyển rác, khu nhà vệ sinh,...

b. Tải lượng, dự báo và mức độ tác động

*** Đối với bụi cuốn ở khu vực Dự án**

- Toàn bộ các tuyến đường nội bộ đều được nhựa hoá và luôn được đơn vị quản lý thường xuyên quét dọn đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động, cùng với đó, với tính chất là một Trung tâm Thể dục thể thao nên khi đi vào hoạt động, hoạt động giao thông chủ yếu ở đây là đi bộ hoặc đạp xe và các phương tiện như ô tô, xe máy của vận động viên, người chơi thể thao di chuyển đến các bãi đỗ xe trong khu vực nên dự báo bụi cuốn nền đường không đáng kể.

- Các khu vực khác thì đều được xây dựng cứng hóa như sân thể thao ngoài trời

hoặc trồng cỏ nên hoạt động chạy nhảy, chơi thể thao hầu như không phát sinh bụi cuốn.

- Khả năng ảnh hưởng của bụi cuốn khu vực dự báo ở mức độ thấp.

*** Đối với khí thải động cơ**

Phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch (xe máy, ô tô) chỉ hoạt động với lưu lượng lớn ở Trung tâm Thể dục thể thao khi ở đây có tổ chức các sự kiện thể dục thể thao lớn. Khi đó, ở các điểm tập trung đông phương tiện cùng hoạt động (ở các khu vực đỗ xe), ở độ cao dưới 2m, có thể phát sinh khí thải động cơ có nồng độ CO, NO₂, SO₂, bụi lơ lửng,... vượt QCVN 05:2013/BTNMT. Tuy nhiên, các điểm phát sinh khí thải cao này chỉ xảy ra trong thời gian ngắn, khi xe cùng vào điểm đỗ hoặc cùng đi ra điểm đỗ. Vì môi trường khu vực thoáng đãng và các bãi đỗ xe được bố trí nhiều nơi trong khuôn viên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các vận động viên nên khí thải nhanh chóng pha loãng vào môi trường. Hơn nữa, các sự kiện lớn tập trung đông phương tiện giao thông trong năm cũng không nhiều và thời gian cách xa nhau, do đó, các tác động của khí thải động cơ phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Trung tâm Thể dục thể thao không gây tác động đáng kể đến môi trường và sức khỏe con người.

Thực tế các hoạt động tổ chức sự kiện lớn trước đây ở các Dự án tương tự và quy mô lớn hơn cũng chưa gây ra sự cố môi trường xấu nào do bụi và khí thải của phương tiện giao thông gây ra.

*** Đối với khí, mùi hôi phát sinh từ các cống thoát nước, thùng rác, khu trung chuyển rác**

Các chất khí thải, mùi hôi phát sinh từ các khu vực vệ sinh dự báo là không đáng kể, do đặc điểm nước mưa là nguồn nước sạch chủ yếu chứa các chất vô cơ, các cống thoát nước mưa và nước thải được bố trí ngầm, các khu nhà vệ sinh được vệ sinh thường xuyên nên khả năng ảnh hưởng của mùi hôi, khí thải từ các nguồn này đến môi trường trong khu vực là không lớn. Mùi hôi chỉ phát sinh khi công tác vệ sinh môi trường thực hiện không đảm bảo, không thường xuyên làm chất bẩn, rác thải cuốn theo nước mưa tích tụ, tắc nghẽn, ú đọng phân hủy phát sinh mùi hôi và các sự cố liên quan như rò rỉ, hư hỏng đường ống và công trình xử lý nước thải. Quy mô tác động chỉ diễn ra ở quy mô nhỏ.

Đối với các khu vực đặt thùng rác: do rác thải được thu gom trong ngày và theo giờ cố định nên mùi hôi do rác thải gây ra tại các khu vực này chỉ xảy ra trong thời gian ngắn, ở không gian hẹp và không gây tác động đáng kể đến môi trường chung của khu vực.

3.3.1.2. Tác động do nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

Trong giai đoạn hoạt động của Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới, hoạt động vệ sinh của người dân, khách du lịch tham quan, vui chơi thể thao, tham dự các chương trình thể dục thể thao sẽ phát sinh lượng nước thải sinh hoạt.

Theo tính toán tại chương 1, mục 1.2.1.4, trong thời điểm lớn nhất, lượng nước cấp phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của Trung tâm thể dục thể thao là 16,86 m³/ngày. Lượng nước thải phát sinh cần được thu gom và xử lý ước tính bằng 100% nước cấp là 16,86 m³/ngày xác định theo nghị định 80/2014NĐ-CP quy định về thoát nước và xử lý nước thải. Trong đó nước thải xám chiếm khoảng 80% (13,488 m³/ngày) và nước thải đen chiếm 20% (3,372 m³/ngày).

Để đánh giá nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, chúng tôi dựa vào các số liệu đề cập trong giáo trình Xử lý nước thải đô thị - PGS.TS Trần Đức Hạ, hàm lượng chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt được trình bày tại bảng sau:

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT(cột B)
1	Chất rắn lơ lửng	100-350	100
2	BOD ₅	110-400	50
3	Amoni(Tính theo N)	12-50	10
4	Phốt phát	8	10
5	Coliforms	10 ⁶ – 10 ⁹ MNP/100ml	5000

(Nguồn: Bảng 1.3 – giáo trình xử lý nước thải đô thị - PGS.TS Trần Đức Hạ)
(Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B quy định giá trị nồng độ của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt)

Từ kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, các chất ô nhiễm có trong thành phần nước thải có mức độ gây ô nhiễm cao. Nếu nguồn thải này không được thu gom và xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường thì sẽ gây ô nhiễm đất, có thể gây ô nhiễm nước ngầm nhờ quá trình thấm qua đất, cát. Chảy vào kênh mương dẫn nước, ruộng lúa xung quanh gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Gây mùi hôi thối khó chịu do sự phân huỷ các hợp chất hữu cơ có trong nước thải, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại điểm xả thải và các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, nguồn thải này còn làm phát tán vi khuẩn gây bệnh như: thương hàn, tả, lỵ và vi trùng gan làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng dân cư, gây mất vệ sinh môi trường khu vực. Vì vậy trong quá trình hoạt động phải thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý nhằm hạn chế tác động của nguồn thải này đến môi trường.

Hiện nay, khu vực thực hiện dự án đã có hệ thống thu gom nước thải vì vậy, nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động sẽ được đầu nổi và đưa về Nhà máy xử lý nước thải Đức Ninh để xử lý đạt quy chuẩn. Do đó, tác động về nước thải của Dự án hầu như không có.

b. Nước mưa chảy tràn

Theo GS.TS Trần Đức Hạ tác giả sách Quản lý môi trường nước, NXB khoa học kỹ thuật, 2006, lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn từ khu vực dự án được xác định theo công thức thực nghiệm sau:

$$Q = 2,78 \times 10^{-7} \times \psi \times F \times h \text{ (m}^3\text{/s)}$$

Trong đó:

+ 2,78 x 10⁻⁷: Hệ số quy đổi đơn vị.

+ ψ - Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào đặc điểm mặt phủ, độ dốc;

+ h - Cường độ mưa trung bình tại trận mưa tính toán, chọn lượng mưa lớn nhất tới nay tại Lệ Thủy là 686,6mm (trạm đo Lệ Thủy);

+ F - Diện tích khu vực khu đất, bao gồm:

F₁ = 2.850 m² đất cây xanh, cảnh quan;

$F_2 = 19.415 \text{ m}^2$ bao gồm nhà thi đấu, sân thể thao, đường bê tông.

Cao độ san nền dự án có cos ngang bằng hoặc cao hơn so với các khu vực xung quanh nên không tiếp nhận nước mưa chảy tràn bề mặt từ các khu vực xung quanh đổ vào.

Bảng 3.26. Hệ số dòng chảy theo đặc điểm mặt phủ

TT	Loại mặt phủ	Hệ số (ψ)
1	Mái nhà, đường bê tông	0,80 - 0,90
2	Đường nhựa	0,60 - 0,70
3	Đường lát đá hộc	0,45 - 0,50
4	Đường rải sỏi	0,30 - 0,35
5	Mặt đất san	0,20 - 0,30
6	Bãi cỏ	0,10 - 0,15

(Nguồn: TCXDVN 51:2006)

Căn cứ vào đặc điểm bề mặt khu vực dự án sau khi hoàn thành chọn hệ số dòng chảy $\psi = 0,8$ đối với diện tích nhà thi đấu có mái che, sân thể thao, đường bê tông và $\psi = 0,15$ đối với diện tích khuôn viên cây xanh, bãi cỏ.... Thay các giá trị trên vào công thức, xác định được lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực dự án vào khoảng $0,3 \text{ (m}^3/\text{s)}$.

Bản chất nước mưa không làm ô nhiễm môi trường và là loại nước thải có tính ô nhiễm nhẹ nhưng khi dự án hoàn thành với các công trình đường bê tông, nhà có mái che làm giảm khả năng tự thấm của đất, hình thành dòng chảy bề mặt lớn sẽ cuốn lớp chất bẩn bề mặt, dầu mỡ, đất, cát, rác thải, bao bì... làm tắc nghẽn hoặc đi theo các tuyến thoát nước mưa của khu vực ra mương tiếp nhận hiện trạng phía Đông Nam dự án. Ngoài ra, qua tính toán ở trên cho thấy lượng nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích khu vực dự án phát sinh trong ngày mưa lớn nhất là rất lớn, vì vậy nếu quá trình thiết kế, thi công hệ thống thoát nước mặt không đảm bảo thu gom, tiêu thoát toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn này sẽ dẫn đến ngập úng cục bộ trong mùa mưa gây ảnh hưởng đến môi trường, công trình và hoạt động của trung tâm.

Trong quá trình hoạt động, đơn vị trực tiếp quản lý trung tâm cũng như các cơ quan chức năng luôn chú tâm công tác vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhằm tạo cảnh quan và môi trường trong lành cho các vận động viên, phục vụ tốt cho công tác thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe vì đây được tính nhà xem như là một điểm nhấn về kiến trúc và không gian của thành phố do đó, dự báo hàm lượng chất bẩn trong nước mưa chảy tràn không đáng kể và không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường tiếp nhận.

c. Nước tưới: Theo tính toán tại chương 1, mục 1.2.1.4, lượng nước lớn nhất để tưới cho diện tích cây xanh, thảm cỏ, đường của Trung tâm Thể dục thể thao khoảng $11 \text{ m}^3/\text{ngày}$ phục vụ công tác chăm sóc cỏ sân bóng. Nước tưới cây là nguồn nước sạch và hoạt động tưới cây nếu thực hiện tốt với mức độ thích hợp thì tự thấm vào đất và ít có khả năng gây chảy tràn nước mang theo bùn đất ra bên ngoài. Do đó, có thể nói nước tưới cây không gây tác động xấu đến môi trường.

d. Nước cứu hỏa: Nước cứu hỏa lấy từ các trụ cứu hỏa bố trí trên các đường ống $\Phi 110$. Nước cứu hỏa chỉ có thải ra môi trường khi có sự cố hỏa hoạn. Khi đó, nước có thể chứa các chất cặn lơ lửng, tro mùn,... từ các đám cháy và theo đường ống thoát nước

mưa thoát ra môi trường. Sự cố hỏa hoạn cùng với nước thải ra môi trường của nó là sự cố bất khả kháng và hiếm khi xảy ra. Mức độ tác động của nước cứu hỏa tùy thuộc vào quy mô cháy, nhưng nhìn chung với đặc điểm các công trình ở khu vực Trung tâm Thể dục thể thao thì nguồn nước không chứa các chất độc hại nên nếu có phát sinh thì cũng không gây tác động đáng kể đến môi trường.

3.3.1.3. Tác động do chất thải rắn

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Nhìn chung chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án chủ yếu là các dạng chất thải sinh hoạt để xử lý, là nguồn thải do người dân, du khách tham quan, vui chơi, sử dụng dịch vụ ở khu vực Trung tâm Thể dục thể thao xả thải. Rác thải sinh hoạt phát sinh có thành phần chủ yếu là rác thải hữu cơ như giấy loại, vỏ trái cây, hoa quả hư hỏng, thực phẩm dư thừa,... và rác thải vô cơ khó phân huỷ như vỏ lon, bao nilon,...

Vào những thời điểm tổ chức các sự kiện văn hóa, mít tin thì lượng người đổ về Trung tâm Thể dục thể thao có thể lên đến hàng nghìn người, tuy nhiên, lúc đó không phải ai cũng xả thải. Lượng xả thải chủ yếu liên quan đến vận động viên, người dân, du khách sử dụng dịch vụ tại khu Dịch vụ - phụ trợ. Giả sử, ước tính trong trường hợp lớn nhất với lượng người sử dụng dịch vụ là 950 người (bao gồm vận động viên, nhân viên, khán giả,...) và trung bình mỗi người thải khoảng 0,3 kg/ngày chất thải sinh hoạt thì tổng khối lượng xả thải vào ngày cao điểm khoảng 285 kg/ngày. Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh rất lớn này nếu không có phương án thu gom và vận chuyển xử lý ngay sẽ làm quá tải sức chứa, phát tán trong khuôn viên làm ảnh hưởng vệ sinh môi trường. Đặc biệt trong các dịp sự kiện tổ chức diễn ra nhiều ngày liên tục.

Nhìn chung, vào đa số các ngày trong năm, khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực Trung tâm Thể dục thể thao nhỏ hơn con số ước tính cho ngày cao điểm ở trên rất nhiều. Tuy nhiên, khi Trung tâm Thể dục thể thao đi vào hoạt động, dự báo đây sẽ là một trong những địa điểm tham quan, vui chơi của người dân và khách du lịch, do đó, nếu không thực hiện tốt việc thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt thì nguồn thải sẽ gây mất mỹ quan khu vực, ảnh hưởng đến hình ảnh thành phố du lịch xanh - sạch - đẹp.

b. Các nguồn chất thải rắn khác

- Lá cây: ở các khu vực trồng cây sẽ phát sinh lá cây già rơi rụng, nhất là vào mùa thay lá. Nguồn thải này tuy không độc hại nhưng nếu không được thu dọn cũng góp phần làm ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực, cuốn theo nước mưa làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước, ứ đọng phân huỷ làm phát sinh mùi hôi.

- Các chất thải là vật liệu trang trí, trang hoàng ở các sự kiện, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao: Sau các sự kiện thì nhiều vật liệu sử dụng trang trí, trang hoàng không tái sử dụng được sẽ trở thành rác thải, khối lượng phụ thuộc vào quy mô sự kiện, tuy nhiên đây là lượng chất thải không nguy hại và dễ dàng trong việc thu gom và quản lý.

Tương tự các nguồn rác thải khác, rác thải nếu không được thu gom tốt thì chủ yếu gây ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới.

c. Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của trung tâm thể dục thể thao chủ yếu là pin, bóng đèn huỳnh quang hỏng. Khối lượng CTNH trung bình ngày dự báo rất ít theo thực tế hoạt động vì bóng huỳnh quang có tuổi thọ trung bình theo mức độ sử dụng ít nhất là 3 năm. Hơn nữa, xu thế sử dụng bóng đèn led đang ngày càng phổ biến, mà tuổi thọ bóng đèn led ít nhất là 5 năm. Tuy khả năng phát sinh và khối lượng phát

sinh ít nhưng các chất thải này mang nhiều đặc tính nguy hại như dễ cháy, ăn mòn, gây nổ,... hoặc tương tác với các chất khác hình thành chất nguy hại gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người nên cần được thu gom và xử lý đúng quy định.

Ước tính khối lượng và chủng loại chất thải nguy hại có thể phát sinh tại Trung tâm:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	2
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	3
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	3
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	3
Tổng khối lượng			11

3.3.1.4. Tác động do tiếng ồn

a. Nguồn phát sinh: Khi Trung tâm Thể dục thể thao đi vào hoạt động thì tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau đây:

- Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường nội bộ.

- Tiếng ồn phát sinh từ hệ thống âm thanh ở mỗi hoạt động thể dục thể thao diễn ra ở Trung tâm Thể dục thể thao.

Ngoài ra, tiếng ồn còn phát sinh từ hoạt động tham quan, vui chơi của người dân và du khách ở Trung tâm Thể dục thể thao nhưng được đánh giá không đáng kể, chỉ là âm thanh đơn lẻ của con người.

b. Mức độ tác động

- Đối với tiếng ồn do phương tiện giao thông:

Hoạt động giao thông chính trong thời gian hoạt động của Trung tâm Thể dục thể thao chủ yếu là đi bộ và xe đạp, phương tiện đi lại của các người chơi thể thao ra vào nhưng chủ yếu tập trung vào các khu giờ như 5 – 7h sáng, 16h đến 19h và chỉ thỉnh thoảng có phương tiện vận tải vật tư ra vào khu dịch vụ - phụ trợ với lưu lượng nhỏ nên nhìn chung mức độ gây ồn không đáng kể.

Sự xuất hiện nhiều của các phương tiện giao thông có động cơ (ô tô, xe máy) chỉ có ở những thời điểm tổ chức các sự kiện thể dục thể thao. Khi đó, tuyến đường quy hoạch xung quanh sẽ tập trung đông các phương tiện giao thông ra vào, gây tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường khu dân cư xung quanh (đã được quy hoạch). Với sự tập trung đông phương tiện, dự báo mức ồn tối đa có thể đạt 80dBA ở khuôn viên các trụ sở, vượt mức cho phép theo QCVN 26:2010 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Đối với tiếng ồn từ hệ thống âm thanh tổ chức sự kiện: Thực tế các hoạt động tổ chức sự kiện hiện nay, nhất là các sự kiện ngoài trời, thường sử dụng hệ thống âm thanh có công suất lớn. Mức ồn của hệ thống âm thanh này đến khu vực các trụ sở cơ quan lân cận tùy thuộc vào điều chỉnh của đội ngũ kỹ thuật âm thanh cụ thể ở từng thời điểm, tuy nhiên, dự báo mức áp âm đến khuôn viên các nhà dân xung quanh có thể vượt mức cho phép theo QCVN 26:2010 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Đây có thể được xem là nguồn tác động tiếng ồn có mức độ lớn trong quá trình hoạt động của trung tâm.

Nhìn chung, tiếng ồn từ hoạt động ở Trung tâm Thể dục thể thao có ảnh hưởng đáng kể đến môi trường ở các trụ sở cơ quan chỉ có trong thời điểm tổ chức các sự kiện thể dục thể thao. Thực tế, hoạt động tổ chức các sự kiện thể dục thể thao thường được tổ chức vào buổi tối hay vào các ngày nghỉ lễ, tức thời điểm ngoài giờ làm việc ở các trụ sở nên các tác động do tiếng ồn gây ra không ảnh hưởng đến môi trường làm việc.

3.3.1.5. Tác động đến kinh tế - xã hội

*** Tác động tiêu cực**

Tác động tiêu cực trong hoạt động của Trung tâm Thể dục thể thao chỉ xảy ra khi không thực hiện tốt việc quản lý như:

+ Không chú trọng chăm sóc hệ thống cây xanh, cảnh quan, không xử lý tốt các nguồn thải phát sinh chất thải, qua đó làm xấu mỹ quan Trung tâm Thể dục thể thao và ảnh hưởng đến mỹ quan chung của khu vực, đến hình ảnh du lịch của thành phố.

+ Không thực hiện tốt, không thực hiện đúng các quy định an toàn, quy trình hướng dẫn dẫn đến các sự cố như cháy, nổ làm hư hại đến vật chất và cả con người.

+ Không thực hiện tốt các chương trình quản lý tiết kiệm điện, năng lượng, bảo quản vật tư làm tổn kém nguồn ngân sách của tỉnh nhà.

Tuy nhiên, khả năng này ít xảy ra vì đây là một trong những công trình trọng điểm của thành phố nên các vấn đề nêu trên sẽ được đơn vị quản lý chú trọng, được chính quyền và người dân thành phố giám sát, bảo vệ trong quá trình hoạt động.

*** Tác động tích cực:** Loại trừ yếu tố tiêu cực chủ quan trên, hoạt động của Trung tâm Thể dục thể thao đem lại nhiều tác động tích cực về kinh tế - xã hội, cụ thể:

+ Đầu tư xây dựng mới công trình Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới nhằm góp phần tăng cường cơ sở vật chất khang trang và hiện đại, tạo điều kiện bồi dưỡng, đào tạo và thi đấu cho các vận động viên của tỉnh nhà, từng bước tiếp cận với thành tích của nền thể thao mang tầm quốc gia và quốc tế

+ Góp phần phục vụ tốt nhất cho các sự kiện thi đấu thể dục thể thao cấp huyện, cấp tỉnh và quốc gia. Công trình còn là nơi tổ chức các sự kiện biểu diễn văn nghệ quần chúng; là điểm thăm quan, dạo chơi lý tưởng cho bà con nhân dân và du khách khi đến với thành phố Đồng Hới.

+ Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới sẽ là công trình kiến trúc có điểm nhấn, tạo dựng không gian kiến trúc đô thị phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới được khang trang, hiện đại, góp phần quảng bá hình ảnh du lịch tỉnh nhà trong mắt du khách thập phương mỗi khi đến thành phố góp phần thúc đẩy ngành du lịch và kinh tế phát triển.

+ Kéo theo sự phát triển các hoạt động vui chơi, giải trí, kinh doanh dịch vụ của người dân trong khu vực, góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển theo quy hoạch chung của thành phố.

3.3.1.6. Tác động do các rủi ro và sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động

Các sự cố môi trường, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của Trung tâm thể dục thể thao được dự báo:

a. Sự cố tai nạn giao thông: Trong những ngày thường thì nguy cơ sự cố tai nạn giao thông ít xảy ra do hoạt động giao thông chủ yếu ở đây là đi bộ, xe đạp và mật độ lưu

thông thấp. Tuy nhiên, vào những ngày tổ chức sự kiện thể dục thể thao, do sự tăng đột biến phương tiện giao thông có động cơ thì nguy cơ sự cố tai nạn giao thông có thể xảy ra, nhất là ở đoạn giao giữa đường Lê Lợi và cổng ra vào, đoạn qua Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới, Trường THCS Đức Ninh Đông.

b. Sự cố gây cháy, nổ: Trung tâm thể thao là nơi tập trung đông người từ nhân viên, vận động viên, người dân cho đến khách tham quan ra vào. Việc thiếu ý thức trong quá trình sử dụng các chất gây cháy nổ có thể làm xảy ra các sự cố hỏa hoạn do vứt tàn thuốc hay những nguồn lửa khác vào khu vực dễ bắt cháy hoặc do các sự cố liên quan về điện làm phát sinh tia lửa, nhiệt dẫn đến cháy.

c. Sự cố chập điện

Trung tâm thể thao đặc biệt là nhà thi đấu thường sử dụng nhiều máy móc, thiết bị điện với công suất lớn và sử dụng tối đa khi tổ chức các sự kiện thể thao. Vì vậy, sự cố có thể xảy ra nếu hệ thống điện được lắp đặt và vận hành không đúng kỹ thuật, sử dụng quá tải đối với hệ thống điện của toàn bộ Dự án.

Khi sự cố xảy ra sẽ gây tác động lớn đến tài sản và cả con người, mức độ thiệt hại tùy vào từng trường hợp và khả năng ứng phó khi xảy ra sự cố. Ở mức độ lớn có thể làm cháy nổ cả hệ thống, hư hỏng toàn bộ công trình gây thiệt hại to lớn cho ngân sách của tỉnh nhà nên cần đặc biệt chú ý các nguy cơ và thực hiện biện pháp phòng chống cháy, nổ, chập điện trong quá trình hoạt động.

d. Sự cố đối với hệ thống thoát nước thải

* Hệ thống thoát nước thải: Sự cố đối với đường ống thoát nước thải xảy ra khi đường ống đầu nối từ hố thu nước thải của dự án đến hố thu nước thải của toàn dự án bị tắc hoặc sự cố vỡ đường ống thoát nước thải. Khi sự cố này xảy ra thì khả năng thoát nước thải cho dự án sẽ tạm thời không còn, nước thải sẽ bị ứ đọng không thoát được, sẽ gây nên mùi hôi thối, nhiễm bẩn môi trường ở khu vực dự án, đặc biệt tại các khu vực có đường ống bị vỡ.

e. Sự cố do thiên tai, thời tiết

- Sự cố do bão, áp thấp nhiệt đới gây nên những thiệt hại đối với công trình xây dựng, cây xanh, gây sạt lở mái taluy, hệ thống điện của Trung tâm thể dục thể thao.

- Sự cố sét: Sự cố sét có thể xảy ra ở khu vực Dự án gây ảnh hưởng đến hệ thống và các trang thiết bị điện của toàn Dự án, ngoài ra có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng người dân, vận động viên và khách du lịch ở trong khu vực vào thời điểm có sét.

g. Sự cố ngập lụt

- Sự cố ngập lụt có thể xảy ra khi hệ thống thoát nước của khu vực bị sự cố tắc nghẽn, tuy nhiên, khả năng ngập cục bộ lâu dài cũng khó xảy ra vì với đặc điểm địa hình khu vực Dự án và lân cận thì nước mưa sẽ chảy tràn ra khu vực xung quanh để thoát về mương thoát nước mưa.

- Sự cố ngập cục bộ do thời tiết cực đoan: Khu vực thực hiện dự án nằm tại phường Đức Ninh Đông nằm cạnh hạ lưu thoát nước của kênh Cầu Tây và sông Lê Kỳ nên là một trong các khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề vào mùa lũ lụt hằng năm. Do đó, cần xây dựng phương án đối phó, phòng chống, bảo vệ tài sản của trung tâm vào các mùa mưa lũ.

i. Sự cố mất an ninh, trật tự xã hội: Trung tâm thể dục thể thao đi vào hoạt động dự kiến sẽ thu hút lượng lớn du khách, người dân đến tham quan, vui chơi, ngắm cảnh

nên có thể xảy ra các sự cố mất an ninh trật tự như tệ nạn trộm cắp, mâu thuẫn va chạm giữa các nhóm người và cá nhân với nhau,... nhất là trong những ngày tổ chức ngày hội thể dục thể thao lớn của tỉnh,... khi có số lượng rất lớn người tập trung ở Trung tâm thể dục thể thao thì khả năng xảy ra các sự cố sẽ rất lớn. Đặc biệt, các đối tượng xấu cũng có khả năng lợi dụng khu vực Trung tâm thể dục thể thao để tiến hành các hoạt động tụ tập biểu tình trái pháp luật. Những sự cố nói trên nếu không được quản lý, xử lý tốt thì sẽ gây mất an ninh khu vực nói riêng, xã hội nói chung, ảnh hưởng đến hình ảnh của phường, của thành phố.

3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Để giảm thiểu những tác động tiêu cực trong giai đoạn này như đã dự báo ở trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cơ bản sau:

3.3.2.1. Giảm thiểu tác động đến môi trường không khí

a. Đối với bụi cuốn, khí thải ở khu vực Trung tâm thể dục thể thao

Đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao có trách nhiệm thực hiện:

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn các tuyến đường trong khuôn viên Trung tâm thể dục thể thao;

- Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe hợp lý; phương tiện ra vào phải theo đúng nội quy, quy định hướng dẫn của trung tâm hoặc người quản lý; nghiêm cấm các phương tiện vận tải không phục vụ các hoạt động ở Trung tâm thể dục thể thao đi vào các tuyến đường thuộc Trung tâm thể dục thể thao;

- Chăm sóc, duy trì hệ thống cây xanh, thảm cỏ như thiết kế vừa tạo cảnh quan, bóng mát vừa giúp hạn chế bụi cuốn nên đất ở Trung tâm thể dục thể thao;

- Vào những ngày tổ chức sự kiện thể dục thể thao lớn thì cắt cử nhân viên giám sát để tuyên truyền và khuyến cáo các lái xe phải thực hiện tắt máy động cơ phương tiện khi dừng đỗ trong khuôn viên Trung tâm thể dục thể thao; đồng thời, phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị quản lý các khu đất trống lớn lân cận để phân tán các điểm trông giữ xe.

b. Đối với khí, mùi hôi phát sinh từ các cống thoát nước, thùng rác, khu trung chuyển rác

- Các thùng chứa rác phải sử dụng loại có nắp đậy để hạn chế mùi hôi phát sinh làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

- Đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao hợp đồng và thống nhất giờ thu gom rác với Công ty Cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình hạn chế tối đa mùi hôi tác động đến môi trường, tránh thu gom rác vào ban ngày và không để tồn lưu rác qua ngày;

- Thường xuyên vệ sinh các khu nhà vệ sinh và tuyên truyền người dân, vận động viên, khách du lịch có ý thức giữ gìn vệ sinh chung.

- Thường xuyên giám sát để kịp thời thông báo với cơ quan chức năng xử lý trường hợp phát hiện sự cố mùi hôi từ hệ thống cống thoát nước trong khu vực.

3.3.2.2. Giảm thiểu tác động do nước thải, nước mưa chảy tràn và nước tưới cây

a. Đối với nước mưa chảy tràn

Phương án thu gom và thoát nước mưa của trung tâm trong giai đoạn hoạt động như sau :

+ Nước mưa từ mái sẽ được thu bằng hệ thống thu sau đó theo ống nhựa PVC D110 chảy về hệ thống mương bê tông thoát nước bề mặt.

+ Nước mưa chảy tràn bề mặt theo địa hình về các mương bê tông thoát nước mưa B500 bố trí xung quanh các công trình và khuôn viên dự án sau đó chảy vào hồ điều hòa khu vực Dự án và thoát về kênh Cầu Tây. (Chi tiết đính kèm tại phụ lục bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước).

Để nước mưa chảy tràn dự án được thu gom và tiêu thoát tốt, không gây tác động đến môi trường khu vực thì hệ thống thoát nước mưa phải được tính toán kỹ lưỡng, thẩm tra trong giai đoạn thiết kế, đảm bảo một số nội dung sau:

- Hệ thống thiết kế phải tính toán đảm bảo thu gom và thoát nước mưa trong toàn bộ khu vực Dự án, không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước mưa của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa phải được thiết kế dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, cụ thể:

+ QCVN 07-2:2016/BXD Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước.

+ TCVN 7957-2008: Tiêu chuẩn thiết kế về thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.

+ QCXDVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng.

- Nguyên tắc thiết kế cho khu vực dự án:

+ Hệ thống thoát nước cho khu vực lập dự án được định hướng theo quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, độc lập với hệ thống thoát nước thải.

+ Nước mưa được xả thẳng vào mương nước gần nhất bằng cách tự chảy. Không xả nước vào những chỗ trũng không có khả năng tự thoát nước, vào các ao tù nước đọng và vào các vùng dễ bị xói mòn.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa đồng bộ, khớp nối với quy hoạch chung của khu vực.

+ Tuân thủ hiện trạng tiêu thoát nước hiện có, tận dụng hệ thống các khe tự thủy, cống hộp hiện có của khu vực để thoát nước, hạn chế phải cải tạo thay đổi dòng chảy nằm ngoài khu vực quy hoạch. Các dòng chảy hiện trạng được tôn trọng và đầu nối.

+ Vạch tuyến thoát nước theo hướng san nền và độ dốc đường giao thông để hạn chế độ sâu chôn cống.

- Trong giai đoạn thi công :

+ Chủ dự án sẽ thực hiện giám sát và phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện giám sát đảm bảo nghiệm thu hệ thống được thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm định, thẩm tra.

+ Tuân thủ các nguyên tắc trong xây dựng hệ thống thoát nước.

- Trong quá trình đi vào hoạt động :

+ Yêu cầu nhà thầu phải thực hiện duy tu, bảo dưỡng theo đúng quy định của nghị định 06/2021 NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 về Quy định chi tiết một số nội dung

về quản lý chất lượng, thi công xây dựng vào bảo trì công trình xây dựng.

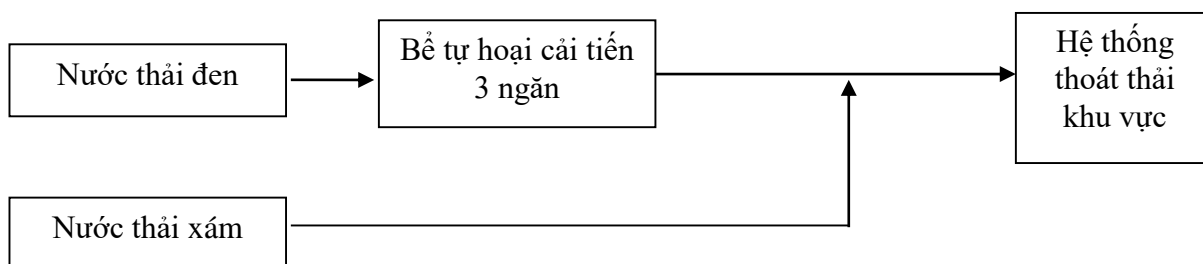
+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân trong công tác bảo vệ môi trường để không làm rác thải tắc nghẽn, hư hỏng đường ống thoát nước của dự án.

+ Thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh môi trường để hạn chế nguồn chất bẩn bề mặt theo nước mưa theo hệ thống thu gom và thoát ra các mương làm ảnh hưởng chất lượng môi trường nước mặt.

b. Đối với nước thải sinh hoạt

Hiện nay khu vực đã có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt trên tuyến đường Lê Lợi, vì vậy nước thải của Dự án sẽ được đầu nối và dẫn về nhà máy xử lý nước thải Đức Ninh.

Phương án xử lý nước thải sinh hoạt của dự án như sau:

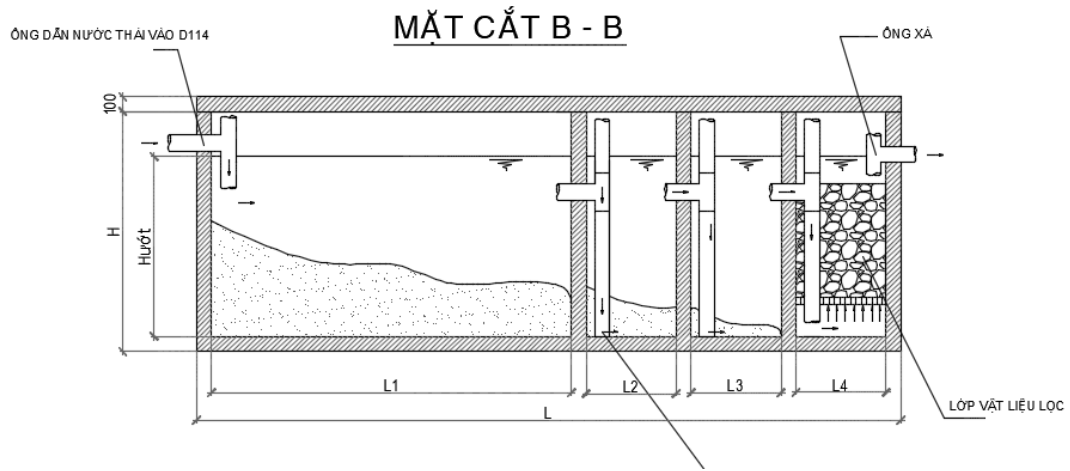


Thuyết minh sơ đồ xử lý nước thải

* **Đối với nước thải đen:** Nước thải từ các nhà vệ sinh sẽ theo ống dẫn chảy vào bể chứa (bể 1), tại đây diễn ra quá trình lắng và tách các tạp chất lơ lửng, không tan có kích thước lớn. Nước thải đã được phân hủy một phần sẽ theo ống dẫn chảy qua bể lắng (bể 2), tại đây tiếp tục diễn ra quá trình phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện kỵ khí. Sau bể 2, nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí, các hợp chất hữu cơ gần như đã được phân hủy hoàn toàn. Bùn được sinh ra sau quá trình phân hủy chất hữu cơ sẽ lắng xuống đáy nhờ trọng lực, phần nước trên bề mặt tiếp tục chảy vào bể lọc (bể 3). Tại bể này, nước sẽ tiếp tục được phân hủy, lắng lọc các chất rắn lơ lửng còn lại trong nước thải. Nước thải sau bể 3 sẽ theo ống dẫn ra công trình đất ngập nước.

Bùn thải từ bể được định kỳ (2-3 năm) nạo hút/lần để tăng tính năng bể xử lý.

Theo T/C Xây dựng, số 1/2006, nồng độ các chất bẩn trong dòng nước thải ra khỏi bể tự hoại thông thường nằm ở trong giới hạn: BOD₅: 120- 140 mg/l; Tổng các chất rắn: 50-100 mg/l; Nitơ amôn N-NH₃: 20-50 mg/l; Nitơ nitorat N-NO₃: <1 mg/l; Tổng Nitơ: 25-80 mg/l; Tổng phốt pho: 10-20 mg/l; Tổng coliorm: 103-106 MPN/100ml. Để tăng hiệu quả xử lý của bể tự hoại, sử dụng bể tự hoại cải tiến Bastaf để xử lý cho phép đạt hiệu suất tốt, ổn định (hiệu suất xử lý trung bình theo hàm lượng cặn lơ lửng đạt 90,8%, theo COD đạt 86,3% và BOD đạt 74,4% cao hơn 2-3 lần so với bể tự hoại thông thường.



Bể tự hoại cải tiến Bastaf

Nước thải sau bể tự hoại sẽ được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu vực.

*** Phương án thu gom nước thải cho công trình**

- Đối với nhà thi đấu: Phân thành 4 khu nhà vệ sinh sau đó dẫn về 4 bể tự hoại bố trí ngầm. Theo tài liệu Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến, Nhà xuất bản Xây dựng, 9/2007 của PGS.TS Nguyễn Việt Anh). Thông số xây dựng được đề xuất ở bảng sau:

N	H _{ướt}	B, m	L ₁ , m	L ₂ , m	L ₃ , m	L ₄ , m	L ₅ , m	V _{ướt} , m ³
5	1,2	0,8	1,9	0,6	0,6	-	-	3,0
10	1,2	1,0	1,9	0,6	0,6	-	-	3,7
15	1,2	1,2	2,4	0,6	0,6	-	-	5,1
20	1,4	1,2	2,3	0,6	0,6	0,6	-	6,8
25	1,4	1,4	2,6	0,6	0,6	0,6	-	8,6
30	1,4	1,4	3,4	0,6	0,6	0,6	-	10,3
35	1,4	1,8	3,0	0,6	0,6	0,6	-	12,0
40	1,6	1,8	3,0	0,6	0,6	0,6	-	13,7
45	1,6	1,8	3,4	0,6	0,6	0,6	-	15,1
50	1,6	1,8	3,3	0,6	0,6	0,7	0,7	17,1
75	1,8	2,0	3,5	0,6	0,6	0,7	0,7	22,0
100	2,0	2,0	4,5	0,6	0,6	0,7	0,7	28,2

(Nguồn: tài liệu Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến, Nhà xuất bản Xây dựng, 9/2007 của PGS.TS Nguyễn Việt Anh)

Khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án ước tính khoảng 16,86 m³/ngày đêm (trong đó khối lượng nước thải đen phát sinh khoảng 3,372 m³/ngày). Thời gian lưu nước tối thiểu tại mỗi bể tự hoại là 5 ngày, bố trí 04 bể tại 4 khu vệ sinh, thể tích mỗi bể tự hoại là 5m³. Vậy kích thước bể tự hoại của Dự án như sau:

H _{ướt} (m)	B(m)	L1(m)	L2(m)	L3(m)
1,2	1,2	2,4	0,6	0,6

Nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Ngoài ra, đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao phối hợp với các đơn vị tổ chức các ngày hội thể dục thể thao,... thực hiện lắp đặt hệ thống nhà vệ sinh di động trong

thời điểm tổ chức sự kiện để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của người tham dự.

* **Đối với nước thải xám:** Nước thải từ bồn rửa tay, sàn được thu gom qua tấm chắn rác sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

* **Đối với hệ thống thu gom nước thải trong nhà**

- Hệ thống thoát nước thải chung của dự án phải đảm bảo thực hiện theo đúng thiết kế đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống thoát nước thải phải được tính toán thiết kế dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, cụ thể:

+ QCVN 07-2:2016/BXD Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước.

+ Quy chuẩn hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình;

+ TCVN 7957-2008: Tiêu chuẩn thiết kế về thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, vận động viên trong công tác bảo vệ môi trường để không làm rác thải tắc nghẽn, hư hỏng đường ống thoát nước của dự án.

c. Đối với nước tưới cây: Nước tưới cây là nguồn nước sạch không gây tác động xấu đến môi trường, tuy nhiên, đơn vị quản lý cần giám sát người lao động thực hiện tưới đúng kỹ thuật, lượng nước vừa đủ để không làm chảy tràn ra môi trường cũng như tiết kiệm nước.

d. Đối với nước cứu hỏa

- Thực hiện tốt các phương án, biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ để không phát sinh lượng nước thải phục vụ cho công tác cứu hỏa.

- Trường hợp xảy ra sự cố cháy thì do sự cố khẩn cấp nên không tránh khỏi nước chữa cháy cuốn theo chất bẩn từ đám cháy xuống mạng thoát nước mưa trên đường. Ở đây biện pháp giảm thiểu chủ yếu là dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ khu vực cháy, khu vực dòng nước cuốn qua đến cửa thoát.

3.3.2.3. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

Các biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải sinh hoạt và các loại rác thải khác phát sinh trong quá trình hoạt động của Trung tâm thể dục thể thao như sau:

* **Chất thải rắn thông thường**

- Bố trí thùng rác từ 60L – 240L tại tất cả các khu vực, tầng của Trung tâm thể dục thể thao theo khoảng cách phù hợp (từ 30 – 50m) để thu gom rác thải sinh hoạt của người dân, vận động viên và du khách đến với Trung tâm thể dục thể thao;

- Bố trí khu vực tập kết rác thải và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình để thu gom và vận chuyển rác đi xử lý hàng ngày, theo đúng giờ quy định;

- Thực hiện vệ sinh toàn bộ Trung tâm thể dục thể thao theo định kỳ hoặc đột xuất khi phát sinh rác thải lớn hay sau mỗi thời điểm tổ chức sự kiện thể dục thể thao;

- Phối hợp với đơn vị tổ chức thể dục thể thao lồng ghép tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường, không xả rác bừa bãi đến người tham gia;

- Trong các hợp đồng hay biên bản ghi nhớ với các đơn vị tổ chức sự kiện thể dục

thể thao đều phải lồng ghép yêu cầu trách nhiệm đảm bảo vệ sinh môi trường trong suốt và sau khi kết thúc sự kiện.

** Chất thải rắn nguy hại*

- Bố trí 04 thùng rác 100l lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định, cụ thể:

+ Có nắp đậy, dán nhãn CTNH, mã CTNH theo đúng quy định.

+ Vỏ có khả năng chống được ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với chất thải nguy hại chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thấm thấu, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

- Khu vực lưu chứa Chất thải nguy hại phải kín, có mái che, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức thu gom và xử lý CTNH theo đúng quy định với tần suất đảm bảo (ít nhất 06 tháng/lần). Cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại, vận chuyển theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022.

3.3.2.4. Giảm thiểu tác động của tiếng ồn

Để hạn chế các tác động tiêu cực của tiếng ồn đối với môi trường làm việc ở các cơ quan lân cận, một số biện pháp sau cần phải được thực hiện:

- Giám sát các phương tiện động cơ khi lưu thông trong khuôn viên Trung tâm thể dục thể thao không bóp còi khi không cần thiết, không rú ga, tuân thủ tốc độ khi đi trong các tuyến đường nội bộ của Trung tâm thể dục thể thao;

- Quy định và giám sát đơn vị vận hành không mở loa đài to quá mức vào các giờ làm việc hành chính, từ 22h đến 6h sáng ngày hôm sau, giờ nghỉ trưa để tránh ảnh hưởng đến cư dân xung quanh;

- Vào những ngày tổ chức sự kiện thể dục thể thao lớn thì cắt cử nhân viên giám sát để tuyên truyền và giám sát các lái xe phải thực hiện tắt máy động cơ phương tiện khi dừng đỗ, không kéo trong khuôn viên Trung tâm thể dục thể thao để phân tán các điểm trông giữ xe nhằm hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn phương tiện ở các bãi đỗ xe;

- Trước khi tổ chức sự kiện thể dục thể thao thì phải thông báo và thống nhất với cơ quan UBND phường Đức Ninh Đông và khu dân cư lân cận về các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến môi trường làm việc;

- Ưu tiên lựa chọn thời điểm tổ chức sự kiện, mít tinh vào các ngày nghỉ, vào thời điểm sau giờ làm việc hành chính của các cơ quan.

3.3.2.5. Hạn chế tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội

Với việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã trình bày theo báo cáo trong suốt thời gian hoạt động của Trung tâm thể dục thể thao sẽ giúp giảm thiểu, tránh các tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội, ngược lại tăng cường hiệu quả kinh tế - xã hội như đánh giá ở trên.

3.3.2.6. Thực hiện tiết kiệm điện

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh Quảng Bình, đồng thời đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia gắn với

phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, thực thi theo Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện và Công văn số 1657/UBND-KTN về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện, Chủ dự án sẽ thực thi các biện pháp như sau đối với hệ thống chiếu sáng công cộng mà Chủ dự án thực hiện đầu tư xây dựng để chuyển giao cho đơn vị chức năng quản lý:

- Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong chiếu sáng công cộng; sử dụng các đèn chiếu sáng bằng đèn tiết kiệm điện; hoàn thành lắp đặt trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng công cộng sử dụng công nghệ điều khiển tự động.

- Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng của Dự án.

- Thực hiện tự động hóa các tuyến chiếu sáng công cộng để giảm lượng ánh sáng theo khung thời gian đảm bảo giảm cường độ chiếu sáng khi không cần thiết.

- Thực hiện hướng dẫn người vận hành hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện thực hiện theo đúng các giải pháp kỹ thuật tiết kiệm điện.

- Xây dựng quy định về sử dụng điện trong trung tâm, nhằm đảm bảo việc tiết kiệm điện đi vào nề nếp và lâu dài, tắt khi không sử dụng.

- Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân viên về tiết kiệm điện.

- Có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với những cán bộ, nhân viên lãng phí điện; đồng thời khuyến khích, khen thưởng những cán bộ, nhân viên có thành tích trong tiết kiệm điện.

3.3.2.7. Giảm thiểu rủi ro, sự cố trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Những biện pháp phòng chống sự cố và rủi ro trong giai đoạn hoạt động được đề xuất như sau:

a. Sự cố tai nạn giao thông

- Đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao xây dựng quy định và giám sát không để phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu hay các xe tải hạng nặng không liên quan đến hoạt động ở Trung tâm thể dục thể thao lưu thông trong khuôn Trung tâm thể dục thể thao;

- Quy định tốc độ ra vào trung tâm từ 10 – 15km/h;

- Bố trí vị trí đỗ xe thuận tiện, ngay cổng ra vào để hạn chế xe lưu thông trong khuôn viên trung tâm;

- Vào những ngày tổ chức thể dục thể thao thì phối hợp với chính quyền địa phương để phân tán các điểm trông giữ xe, hạn chế sự tập trung đông phương tiện ra vào một điểm.

b. Sự cố hỏa hoạn

- Phối hợp với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Đồng Hới xây dựng

phương án phòng cháy chữa cháy cho Trung tâm thể dục thể thao; trang bị các thiết bị cứu hỏa, bố trí các họng nước hợp lý đúng thiết kế, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống và thực hành các phương án phòng cháy, chữa cháy cho các cán bộ quản lý Trung tâm thể dục thể thao.

- Nhà thi đấu phải bố trí cửa thoát hiểm và có ký hiệu, hướng dẫn chỉ dẫn thoát hiểm, phương án ứng phó sự cố để vận động viên, người dân,... thoát nạn trong trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động.

c. Sự cố chập điện

- Sự cố đối với hệ thống điện công cộng chủ yếu liên quan đến vấn đề chất lượng thiết bị, chất lượng đầu nối và các vấn đề kỹ thuật khác trước khi đi vào vận hành. Do đó, Chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng với đơn vị giám sát thực hiện giám sát và nghiệm thu đảm bảo thiết bị và hoạt động lắp đặt thiết bị được thực hiện theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Khi đi vào hoạt động phải có nội quy sử dụng điện và hướng dẫn quy trình kỹ thuật sử dụng điện cho nhân viên trong quá trình hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng các thiết bị điện để có phương án khắc phục, xử lý kịp thời tránh tình trạng đứt, cháy, chập dẫn đến sự cố.

d. Sự cố đối với hệ thống thoát và xử lý nước thải

* Sự cố hệ thống thoát nước thải

- Lựa chọn vật liệu làm đường ống thoát nước thải có độ bền cao, chống chịu với thời tiết tốt để hạn chế rò rỉ, vỡ đường ống trong quá trình hoạt động.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra và vận hành hệ thống theo đúng kỹ thuật quy trình để hạn chế hư hỏng, kịp thời phát hiện hư hỏng và đạt hiệu quả xử lý cao nhất.

- Thực hiện các chương trình quan trắc, giám sát chất lượng nước thải định kỳ để đánh giá và khắc phục hiệu quả xử lý của hệ thống.

- Khi có sự cố hư hỏng, vỡ đường ống, rò rỉ xảy ra, đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao có biển báo hỏng cho vận động viên, người dân biết để tạm thời dừng hoạt động công trình xử lý nước thải và kịp thời báo cho cơ quan quản có chức năng, các đơn vị sửa chữa tiến hành khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất.

e. Sự cố do thời tiết

- Sự cố do bão: Khi có thông tin về bão sắp vào thì các đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao lập đội ứng phó sự cố để tiến hành gia cố, giằng néo các công trình, cây xanh, túc trực 24/24 để kịp thời xử lý sự cố hoặc báo cáo đơn vị chuyên môn nếu sự cố ngoài khả năng xử lý.

- Sự cố do sét: Lắp đặt theo đúng thiết kế và kiểm tra định kỳ hệ thống chống sét ở các khu nhà thi đấu, dịch vụ để người dân hoặc du khách có thể kịp thời trú ẩn an toàn khi có giông sét.

f. Sự cố sạt lở

- Xây dựng kết cấu mái taluy đảm bảo bằng kè đá hoặc đất đắp có gia cố bằng các biện pháp khác như trồng cỏ;

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra chất lượng taluy trong quá trình hoạt động để kịp

thời phát hiện và nhanh chóng khắc phục;

- Xây dựng phương án gia cố taluy trong các mùa mưa bão và ngập lụt.

g. Sự cố ngập lụt

** Ngập lụt do sự cố tắc nghẽn hệ thống*

- Trước khi nghiệm thu, Chủ đầu tư cùng đơn vị giám sát có trách nhiệm giám sát đảm bảo hệ thống thoát nước được thi công theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Trong quá trình vận hành, ngoài trách nhiệm của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước mưa của thành phố thường xuyên kiểm tra, nạo vét đảm bảo khả năng thoát nước của hệ thống thì đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao đặc biệt trong mùa mưa lũ cũng như thường xuyên vệ sinh, không để rác thải, đất đá hay bất cứ vật cản nào gây tắc các điểm thu nước của hệ thống thoát nước.

** Ngập lụt do thời tiết cực đoan*

- Xây dựng trung tâm theo quy hoạch phòng chống thiên tai, trở thành một điểm phục vụ phòng chống thiên tai trong mùa mưa lũ, bão.

- Xây dựng phương án phòng chống, ứng phó, bảo vệ tài sản trung tâm trước các mùa mưa lũ.

- Thành lập đội phòng chống thiên tai, liên tục theo dõi, cập nhật tình hình để có phương án triển khai phương án kịp thời.

h. Biện pháp giảm thiểu sự cố dịch bệnh

- Không tổ chức các sự kiện tụ tập đông người trong điều kiện tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và thực hiện đúng mức độ theo quy định cho phép của tỉnh, nhà nước.

- Xây dựng nội quy, quy định, phương án phòng chống dịch tại trung tâm trong suốt giai đoạn hoạt động.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho cán bộ, nhân viên, vận động viên, người dân.

i. Sự cố mất an ninh, trật tự xã hội

Một số kiến nghị được đề xuất để ngăn ngừa, giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự xã hội trong giai đoạn hoạt động của Dự án như sau:

- Kiến nghị đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao thực hiện thường xuyên công tác bảo vệ tài sản chung ở Trung tâm thể dục thể thao, tuyên truyền ý thức cảnh giác và tự bảo vệ tài sản của người dân ;

- Đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao phối hợp với các đơn vị lân cận để thực hiện công tác bảo vệ ở khu vực Trung tâm thể dục thể thao và khu vực trụ sở các cơ quan trong những thời điểm tổ chức thể dục thể thao,...;

- Thực hiện phối hợp với các đơn vị quản lý ở các khu đất trống lân cận để bố trí các điểm trông giữ xe hợp lý trong những thời điểm tổ chức thể dục thể thao,...

- Thực hiện phối hợp với cơ quan an ninh trong công tác phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp các đối tượng, tổ chức sử dụng Trung tâm thể dục thể thao để thực hiện các hoạt động tụ tập, biểu tình trái pháp luật.

3.4. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Tác động môi trường lớn nhất của dự án chủ yếu xảy ra trong giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình. Các vấn đề về môi trường và các biện pháp giảm thiểu liên quan sẽ được quản lý và theo dõi chặt chẽ.

Trong giai đoạn thi công dự án, Chủ đầu tư sẽ thực thi các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã đề ra trong phần chương 4 của báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

Trong giai đoạn hoạt động, UBND phường Đức Ninh Đông (hoặc UBND ủy quyền lại cho tổ dân phố trực tiếp quản lý dự án) sẽ quản lý cộng đồng dân cư, trung tâm, giám sát công tác bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn của trung tâm thể dục thể thao.

Dự toán kinh phí đòi với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường được tóm tắt như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Kinh phí (1.000VNĐ)
1	Trang bị bảo hộ lao động	Từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình của dự án	10.000
2	Nhà vệ sinh lưu động		5.000
3	Thùng chứa rác thải sinh hoạt		500
4	Hệ thống biển báo		1.500
5	Hợp đồng thu gom rác thải với đơn vị thu gom rác		5.000
6	Hệ thống xử lý nước thải		300.000
7	Chi phí giám sát môi trường		15.000
8	Chi phí nhân lực quản lý môi trường		10.000

3.5. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong báo cáo ĐTM này, nhóm thực hiện đã kết hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau như khảo sát thực tế, tổng hợp phân tích số liệu và dựa trên các thống kê thực tế từ các dự án tương tự. Các tác động có thể xảy ra đã được phân tích, đánh giá dự báo khá đầy đủ, rõ ràng với mức độ chính xác và tin cậy cao. Tuy nhiên, việc dự báo về nồng độ ô nhiễm của các chất trong giai đoạn thi công xây dựng và công trình đi vào hoạt động chỉ là tương đối, vì số liệu thực tế sẽ phụ thuộc nhiều yếu tố khác nhau như thời tiết, khối lượng xây dựng phát sinh, khối lượng vận chuyển, khả năng quản lý,...

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy
1	Phương pháp làm việc nhóm	Nhóm gồm những kỹ sư, cử nhân môi trường, địa lý, cán bộ đo đạc có trình độ và kinh nghiệm. Nhiệm vụ được phân công rõ ràng tùy theo trình độ và kinh nghiệm của từng cá nhân phù hợp với thực tế. Trong quá trình thực hiện, nhóm thường xuyên trao đổi và góp ý xây dựng báo cáo.

2	Phương pháp thu thập thông tin	<ul style="list-style-type: none">- Các tài liệu đảm bảo nguồn gốc xuất xứ, nội dung có độ tin cậy cao và đã được công nhận rộng rãi.- Đảm bảo điều kiện để cộng đồng dân cư, chính quyền, đoàn thể tại địa phương - nơi thực hiện dự án tham gia họp, lấy ý kiến góp ý cho Báo cáo.
3	Phương pháp khảo sát	Với sự hướng dẫn của cán bộ thông thạo địa hình, nhóm ĐTM đã tiến hành khảo sát hiện trạng khu vực công trình để có cái nhìn tổng quan về vị trí, đặc điểm địa chất, địa hình khu vực tương quan với bản vẽ, thuyết minh dự án.
4	Phương pháp tính toán	Phương pháp sử dụng các lập luận lý thuyết và công thức thực nghiệm mang tính chính xác và thực tiễn cao.
5	Phương pháp đo đạc	Các chỉ số môi trường được đo, phân tích đảm bảo độ chính xác vì được đo bằng các thiết bị hiện đại, có độ chính xác cao. Các vị trí lấy mẫu đảm bảo thể hiện đầy đủ đặc điểm tính đại diện môi trường khu vực. Người tham gia lấy mẫu có kinh nghiệm trong công tác thu thập và phân tích.
6	Phương pháp đánh giá nhanh, dự báo	Dựa vào trình độ và kinh nghiệm, nhiệm vụ được phân công rõ ràng, phương pháp này đưa ra các đánh giá và dự báo căn cứ vào điều kiện thực tế và các thông số môi trường thu thập được. Do vậy tính chính xác của phương pháp phụ thuộc vào khả năng và kinh nghiệm của cán bộ thực hiện ĐTM.

Chương 4

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Để đảm bảo hoạt động bảo vệ môi trường được xuyên suốt và thống nhất trong suốt quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư thực hiện lập Chương trình quản lý môi trường, trong đó thực hiện lập kế hoạch và chương trình hành động bảo vệ môi trường tại khu vực dự án, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh tra, kiểm tra, quan trắc và giám sát môi trường, phối hợp thẩm định, kiểm tra các công trình hạng mục, các hệ thống kỹ thuật xử lý môi trường, phòng chống sự cố nhằm đảm bảo các quy định tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam.

Bảng 4.1: Chương trình quản lý môi trường

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
Chuẩn bị	Đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng	Có thể xảy ra mâu thuẫn xã hội nếu việc áp giá đền bù không thỏa đáng hay thực hiện đền bù không đúng quy trình	Chủ dự án thực hiện kiểm đếm, áp giá và thỏa thuận đền bù theo đúng quy định của Nhà nước.	Chủ yếu là các phương án quản lý và tuyên truyền	Trước khi tiến hành thi công	Cá nhân, đơn vị tham gia đền bù	Chủ đầu tư và chính quyền địa phương
Thi công xây dựng	Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> Tác động đến môi trường không khí bởi tiếng ồn, bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển Ảnh hưởng đến giao thông, sự cố tai nạn giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> Thu dọn nền đường có đất đá rơi vãi. Phương tiện vận chuyển được đăng kiểm an toàn kỹ thuật môi trường. Che phủ bạt thùng xe. Tuyên truyền, giáo dục ý thức an toàn giao thông cho các lái xe. 	Thuộc các biện pháp quản lý	Trong suốt thời gian thi công xây dựng	Nhà thầu thi công	Đơn vị tư vấn giám sát do Chủ đầu tư thuê
	Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án	<ul style="list-style-type: none"> Tác động đến môi trường không khí do tiếng ồn bụi và khí thải phương tiện thi công 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện vệ sinh môi trường, che chắn nguyên vật liệu. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng thiết bị thi công nhằm tăng hiệu suất, giảm phát thải. 	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí giám sát môi trường: 15 triệu/đợt. Hợp đồng xử lý rác: 5 triệu Trang bị bảo hộ lao động: 10 	Trong suốt thời gian thi công xây dựng	Nhà thầu thi công	Đơn vị tư vấn giám sát do Chủ đầu tư thuê và chính quyền phường Đức Ninh Đông

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
		<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn ảnh hưởng đến môi trường và mỹ quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng tất cả các phế liệu xây dựng vào các mục đích khác nhau; - Hợp đồng xử lý rác thải không tái sử dụng được với đơn vị thu gom rác - Lựa chọn vị trí đổ bỏ đất hữu cơ dư hợp lý; - Quản lý không để chất thải xâm nhập khu vực xung quanh 	<ul style="list-style-type: none"> triệu; - Hệ thống biển báo: 1,5 triệu; - Thùng rác: 0,5 triệu; - Nhà vệ sinh lưu động: 5 triệu; - Chi phí nhân lực quản lý môi trường: 10 triệu. 			
		<ul style="list-style-type: none"> - Các tác động do chất thải nguy hại 	<ul style="list-style-type: none"> Bảo dưỡng, thay dầu cho phương tiện vận chuyển tại các cơ sở sửa chữa có đăng ký chủ nguồn thải nguy hại; - Thu gom dầu mỡ thải và giặt lau dính dầu mỡ ở công trường vào thùng phuy kín và hợp đồng với đơn vị chức năng trong vận chuyển và xử lý. 				

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
		<ul style="list-style-type: none"> - Các sự cố môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, công nhân thi công. - Giáo dục, tuyên truyền ý thức chấp hành quy tắc an toàn trong lao động. - Phối hợp và chuẩn bị các phương án ứng cứu sự cố an toàn giao thông, cháy nổ. - Quản lý không để các nguồn thải xâm nhập khu vực ngoài phạm vi dự án. - Không tiến hành thi công vào ngày mưa lớn. 				
		<ul style="list-style-type: none"> - Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, chấp hành đúng quy định an toàn giao thông. - Tăng cường quản lý cán bộ, công nhân thi công để tránh va chạm với người dân địa phương. - Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho lao động. 				

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
	Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Phát sinh nước thải; - Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nhà vệ sinh lưu động trên công trường; - Hợp đồng xử lý rác thải sinh hoạt với đơn vị thu gom rác; 				
Hoạt động của dự án	Hoạt động của người dân, du khách tham quan, vui chơi giải trí, mít tinh, sự kiện ở Trung tâm thể dục thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - Khí thải, bụi do hoạt động của phương tiện vận chuyển; - Chất thải vệ sinh; - Rác thải sinh hoạt; - Tiếng ồn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên thực hiện vệ sinh môi trường Trung tâm thể dục thể thao; - Hợp đồng thu gom rác thải với đơn vị thu gom rác; - Quy định giới hạn thời gian cho hoạt động có sử dụng loa công suất lớn ở khu vực Dịch vụ - phụ trợ và ở các sự kiện thể dục thể thao. - Quy định cấp các phương tiện vận chuyển lớn không liên quan đến hoạt động ở Trung tâm thể dục thể thao không được đi vào khu vực Trung tâm thể dục thể thao. 	Kinh phí nằm trong chi phí vận hành của các đơn vị quản lý các hạng mục công trình liên quan	Trong suốt thời gian hoạt động của Trung tâm thể dục thể thao	Các đơn vị quản lý các hạng mục công trình thuộc Trung tâm thể dục thể thao	Phường Đức Ninh Đông cùng với các cơ quan quản lý môi trường của thành phố và tỉnh
	Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng hệ thống công	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải, tiếng ồn; - Lá cây; - Nước tưới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các biện pháp vệ sinh cụ thể cho từng hoạt động; - Tưới lượng nước vừa đủ để 				

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
	trình, cây xanh		không để nước dư chảy tràn.				
	Các sự cố đối với hạ tầng kỹ thuật	Các sự cố đối với: - Hệ thống thoát nước thải; - Hệ thống thoát nước mưa; - Hệ thống điện.	Các đơn vị quản lý các hạng mục công trình cụ thể thực hiện hoạt động giám sát, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa khắc phục sự cố đột xuất				

4.2. Chương trình giám sát môi trường

Công tác giám sát môi trường nhằm đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất ở trên được thực hiện một cách đầy đủ và có hiệu quả nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động bất lợi do Dự án mang lại.

4.2.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công

4.2.1.1. Giám sát chất lượng không khí

- *Chỉ tiêu giám sát:* Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, CO, NO₂, SO₂.

- *Vị trí giám sát:*

+ KK1: vị trí trung tâm khu vực dự án;

+ KK2: Vị trí khu vực ra vào dự án;

+ KK3: Vị trí khu dân cư phía Bắc Dự án.

- *Tần suất giám sát:* 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- *Quy chuẩn đánh giá:*

QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.2.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, COD, NH₄⁺, BOD₅, Nitrat, Nitrit, Crom, Sắt, Coliform.

- *Vị trí giám sát:*

+ NM₁: Mẫu nước cửa xả phía Đông Nam Dự án;

- *Tần suất giám sát:* 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- *Quy chuẩn đánh giá:* QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. (Cột B₁- Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂).

4.2.1.3. Giám sát công tác thu gom, xử lý chất thải rắn

+ Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn phát sinh do các hoạt động triển khai xây dựng dự án.

+ Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải rắn.

+ Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn.

+ Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục

4.2.1.4. Giám sát chất thải nguy hại

- *Thông số giám sát:* tổng lượng thải, thành phần chất thải và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- *Vị trí giám sát:* tại các vị trí có phát sinh chất thải trong phạm vi Dự án.

- *Tần suất giám sát:* thường xuyên và liên tục.

- *Quy định áp dụng:* Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022.

4.2.1.5. Giám sát các vấn đề môi trường khác

+ Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án và lân cận.

+ Nội dung giám sát: các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

+ Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

4.2.2. Chương trình giám sát trong quá trình hoạt động

4.2.2.1. Giám sát công tác thu gom, xử lý chất thải rắn

+ Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn phát sinh do các hoạt động triển khai xây dựng dự án.

+ Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải rắn.

+ Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn.

+ Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

4.2.2.2. Giám sát chất thải nguy hại

- *Thông số giám sát:* tổng lượng thải, thành phần chất thải và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- *Vị trí giám sát:* tại các vị trí có phát sinh chất thải trong phạm vi Dự án.

- *Tần suất giám sát:* thường xuyên và liên tục.

- *Quy định áp dụng:* Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022.

4.2.2.3. Giám sát các vấn đề môi trường khác

+ Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án và lân cận.

+ Nội dung giám sát: các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

+ Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

Chương 5 **KẾT QUẢ THAM VẤN**

5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử:

- Đang thực hiện

5.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

Đang thực hiện.

5.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu kinh tế - kỹ thuật, kết hợp phân tích, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của dự án đối với môi trường tự nhiên, kinh tế và xã hội khu vực, một số kết luận được rút ra như sau:

- Tất cả các tác động tiêu cực đến môi trường sẽ được kiểm soát chặt chẽ và khắc phục bằng các biện pháp quản lý, biện pháp kỹ thuật như đã đề xuất trong báo cáo. Các biện pháp được đề xuất đơn giản, phù hợp với điều kiện của Dự án và đặc điểm tự nhiên tại khu vực thực hiện Dự án, đảm bảo các nguồn thải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành cho phép.

Giai đoạn hoạt động của Dự án trong tương lai nhìn chung không gây ảnh hưởng lớn cho môi trường xung quanh nếu thực hiện tốt việc vệ sinh, thu dọn rác thải hàng ngày.

Hoạt động của Dự án phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới, góp phần vào sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội chung của tỉnh.

Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

2. Kiến nghị

UBND thành phố Đồng Hới kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường sớm thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: “Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới” để trình UBND tỉnh phê duyệt nhằm tạo điều kiện cho Dự án triển khai, mang lại lợi ích kinh tế - xã hội to lớn cho người dân địa phương nói riêng và tỉnh Quảng Bình nói chung.

3. Cam kết

- UBND huyện Lệ Thủy sẽ yêu cầu nhà thầu cam kết rõ trong hợp đồng thuê đơn vị thực hiện thi công dự án là sẽ thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam về môi trường.

- Cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, cũng như khi dự án đi vào vận hành chính thức như đã nêu trong báo cáo.

- Bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

- Cam kết trong quá trình thi công, nếu xảy ra sự cố hư hỏng các công trình do quá trình thi công gây nên, Chủ đầu tư sẽ bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Cam kết đổ thải theo đúng vị trí đã được quy định trong thống nhất của các phòng, ban, đơn vị liên quan. Nếu đổ không đúng vị trí thì chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

- (1). TS. Nguyễn Đức Lý, KS Ngô Hải Dương, KS Nguyễn Đại (đồng chủ biên). *Khí hậu và Thủy văn tỉnh Quảng Bình (2013)*. NXB KHKT.
- (2). Số liệu về điều kiện tự nhiên, địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn của khu vực thực hiện dự án;
- (3). Phạm Ngọc Đăng. *Môi trường không khí (2003)*. NXB KHKT.
- (4). Một số báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư tương tự đã được thực hiện trên địa bàn tỉnh để tham khảo.
- (5). TS. Lê Đình Thành. *Kiến thức cơ bản về đánh giá tác động môi trường các Dự án phát triển*, Hà Nội 2/2000.
- (6). Lê Thạc Cán và cộng sự. *Đánh giá tác động môi trường. Phương pháp luận và kinh nghiệm thực tiễn (1993)*. NXB KHKT.
- (7). GS.TS. Trần Ngọc Chấn. *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải*. NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.